

THIÊN NHIÊN ĐẤT NƯỚC TA

NGUYỄN NHƯ MAI - NGUYỄN HUY THẮNG - NGUYỄN QUỐC TÍN

DẠT DÀO SÔNG NƯỚC



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

THIÊN NHIÊN ĐẤT NƯỚC TA



NGUYỄN NHƯ MAI - NGUYỄN HUY THẮNG - NGUYỄN QUỐC TÍN

ĐẠT DÀO SÔNG NƯỚC

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Thiên nhiên đất nước ta – Dạt dào sông nước

© Nguyễn Như Mai, Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Quốc Tín

Xuất bản theo Hợp đồng sử dụng tác phẩm

giữa nhóm Tác giả và Nhà xuất bản Kim Đồng, 2015

Bản quyền hình ảnh bìa, minh họa thuộc về Nhà xuất bản Kim Đồng, 2016

Vẽ bìa và minh họa: **Nguyễn Doãn Sơn**

Trình bày bìa: **Tô Hồng Thủy**

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Nguyễn Như Mai

Dạt dào sông nước / Nguyễn Như Mai, Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Quốc Tín. - H. : Kim Đồng, 2016. - 228tr. :
tranh vẽ ; 21cm. - (Thiên nhiên đất nước ta)

ISBN 9786042057547

1. Tài nguyên nước 2. Sông 3. Việt Nam

333.916209597 - dc23

KDF0405p-CIP

LỜI NÓI ĐẦU

Non - Sông, Đất - Nước, Giang - Sơn - tổ hợp hai từ ấy, hai yếu tố ấy tạo nên một từ thiêng liêng: **Tổ quốc**.

Tổ quốc không chỉ là khái niệm chung chung, mơ hồ, mà chính là sông là núi, là mảnh đất tổ tiên chúng ta đã tạo dựng nên, đã dùng sức lao động để tô điểm và dùng máu xương để bảo vệ.

Càng hiểu và biết về thiên nhiên đất nước, ta càng thêm yêu, thêm tự hào về Tổ quốc. Để có sự hiểu biết về non nước mình, chúng ta phải học trong nhà trường, đọc trong sách báo và trải nghiệm trong thực tế. Đồng thời, lại phải có ý thức thường xuyên bồi bổ các kiến thức về địa lí, về thiên nhiên rất cần thiết cho mỗi con người trong cuộc sống và cả trong công việc sau này. Bạn cần biết về cương vực, lãnh thổ đất nước khi muốn đi vào nghiệp văn chương, sử học, ngoại giao. Bạn cần thông thuộc địa hình, địa mạo khi làm quy hoạch hay kiến trúc. Bạn càng cần nắm rõ về sông, núi, biển, rừng của Tổ quốc nếu bạn làm nông nghiệp, khai thác tài nguyên hay thương mại... Khỏi phải nói, trong cuộc sống hằng ngày, những kiến thức ấy giúp ích thế nào khi bạn đi du lịch khám phá; sự hiểu biết sẽ làm cho bạn có ấn tượng sâu sắc hơn và thu lượm được nhiều điều bổ ích hơn sau mỗi chuyến đi...

Bộ sách về thiên nhiên đất nước Việt Nam mà chúng tôi giới

thiệt với bạn đọc, đặc biệt với các bạn trẻ, chính là nhằm đem đến những kiến thức bổ trợ giúp tăng cường vốn hiểu biết về địa lí của bạn, và - điều này mới là mục đích chính của bộ sách - nhằm khơi gợi tình yêu của mỗi người chúng ta đối với non sông đất nước mình, bắt đầu từ ý thức tìm hiểu và nhận biết rõ về sông, núi quê hương, biển, rừng Tổ quốc. Trước mắt, bộ sách sẽ bao gồm bốn cuốn về núi non, sông ngòi, rừng và biển.

Mặc dù nhóm biên soạn đã cố gắng sưu tầm tư liệu, cập nhật những thông tin mới và viết sao cho thấu đáo, dễ hiểu, dễ tiếp nhận, song chắc chắn không tránh khỏi khiếm khuyết. Rất mong bạn đọc góp ý bổ khuyết cho bộ sách. Xin chân thành cảm ơn!

NHÓM BIÊN SOẠN

VIỆT NAM: ĐẤT NƯỚC CỦA NHỮNG DÒNG SÔNG

TÀN MẠN VỀ GIỌT NƯỚC

Bạn hãy nhìn một giọt nước long lanh treo trên ngọn cỏ, treo trên mái tranh. Giọt nước nhỏ bé ấy mới đẹp làm sao, nó phản chiếu cả đất trời, lung linh bảy sắc cầu vồng. Giọt nước ấy chứa biết bao điều kì lạ.

Chúng ta quen gọi hành tinh của mình là Trái Đất. Nhưng nếu xét tổng thể thì phải gọi là Trái Nước mới đúng. Bạn nhìn trên quả địa cầu mà xem: Hơn ba phần tư bề mặt Trái Đất được bao phủ bởi đại dương. Địa cầu như một giọt nước khổng lồ bay vòng quanh Mặt Trời, xoay tròn trong không gian vũ trụ.

Cái giọt nước có công thức hóa học “Hát Hai Ô” (H_2O) này thật có nhiều điều lạ. Trông thì trong suốt, lại chẳng có mùi có vị gì. Nhưng chỉ có nó là loại vật chất có thể tồn tại ở cả ba trạng thái: lỏng, rắn và khí.

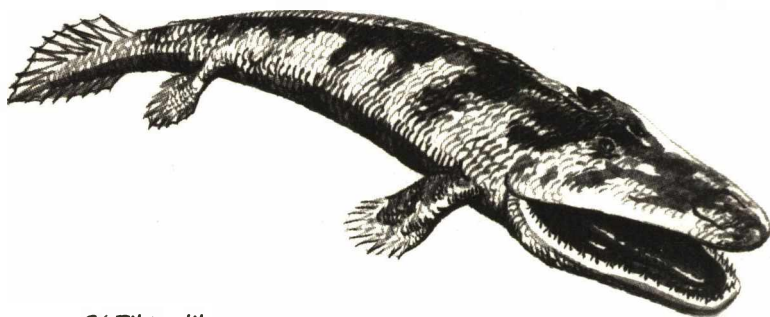
Nước đóng băng ở $0^{\circ}C$, nhưng băng lại nhẹ hơn nước

bình thường. Cứ tưởng tượng, nếu băng nặng hơn nước thì tại các đại dương, nhất là ở hai cực, khi nhiệt độ lạnh dưới không độ, băng sẽ chìm xuống đáy, và cứ tích tụ dày lên mãi thì bên dưới biển, dưới hồ chẳng còn cá mú hay sinh vật nào sống được. Tất cả sẽ là những khối hóa thạch băng!

Nước luôn chảy xuống chỗ trũng? Không hẳn. Trong các mao mạch nó lại bị hút ngược lên trên. Chính nhờ đó mà thân cây hút được nước và chất khoáng từ rễ lên nuôi sống cây.

Cho đến nay, còn nhiều giả thuyết về nguồn gốc sự sống nảy sinh từ đâu, nhưng các nghiên cứu về cổ sinh học cho thấy, sự sống trên Trái Đất đã được hình thành và phát triển từ trong lòng biển cả, rồi sau đó mới tiến lên đất liền.

Giáo sư Neil Shubin người Mỹ viết một cuốn sách phổ biến khoa học rất hay, đã được dịch ra tiếng Việt với tiêu đề *Tất cả chúng ta đều là cá*. Câu chuyện bắt đầu bằng việc phát hiện ra hóa thạch loài cá *Tiktaalik* sống cách đây



Cá Tiktaalik

375 triệu năm. Từ loài cá này, các nhà cổ sinh học đã tìm ra sự khởi đầu của quá trình tiến hóa của bàn tay. Trải qua hàng trăm triệu năm, từ chiếc vây cá *Tiktaalik* đã phát triển thành bàn chân các loài bò sát như cá sấu, ếch nhái khi bò lên cạn, thành bộ xương cánh chim khi bay lên không và cuối cùng là xương bàn tay có năm ngón của loài người. Cũng như vậy, cái đầu, cái răng, cái tai, đôi mắt của chúng ta cũng đều mang di sản của tổ tiên nguyên thủy sống dưới nước. Cây phả hệ của loài người vốn từ những loài như sứa, rồi đến các loài có cấu tạo cơ thể, tiếp đến có hộp sọ, có bàn tay và bàn chân, có ba xương ở tai giữa, cuối cùng đi bằng hai chân và có bộ não lớn. Như vậy, nếu nói rằng tất cả chúng ta đều “xuất thân” từ loài cá sống dưới nước quả cũng không ngoa.

Trong cơ thể con người, nước chiếm tỉ lệ khoảng 60 - 70%, tỉ lệ nước trong bào thai và trẻ sơ sinh còn tới trên 90%!

Để sống, con người cần ăn và cần uống. Xem ra chịu đói còn cầm cự được lâu hơn là nhịn khát nhiều.

Tất nhiên, con người cũng phải ăn mới sống được. Thức ăn là do cây cỏ và động vật cung cấp. Nguồn thức ăn ấy cũng phải có nước mới được sản sinh ra. Nước ta vốn là một nước nông nghiệp, lấy trồng lúa nước làm chính. Trong quá trình sản xuất, cha ông ta đã đúc rút kinh nghiệm thành bốn chữ “Nước, Phân, Cần, Giống”, trong đó Nước là yếu tố đứng đầu.

TÀN MẠN VỀ CON SÔNG

Trong tiếng Việt, mạo từ “con” thường để chỉ các loài vật như con chim, con sâu, con gà, tức là những vật sống, vật chuyển động.

“Cái” để chỉ những vật vô sinh, bất động như cái bàn, cái bát, cái nhà.

Nhưng đôi khi từ “con” cũng được dùng với những thứ không phải là sinh vật, nhưng luôn có sự chuyển động, như con mắt, con thoi, con thuyền... và *con sông*.

Dòng nước chảy trong con sông giống như mạch máu trong cơ thể con người, luôn chuyển động, luôn thay đổi. Không có nước không thể có sông ngòi.

Nơi quy tụ của giọt nước là biển cả mênh mông. Ánh nắng mặt trời chói chang tỏa sức nóng xuống làm mặt nước bốc hơi. Hơi nước bốc lên trời thành những đám mây bay. Mây gặp lạnh tụ lại thành những giọt nước, đến một lúc nào đó thành mưa rơi xuống. Mưa tí tách, mưa ào ào đổ nước xuống mặt đất, xuống rừng núi, đồng ruộng. Một phần nước ngấm xuống dưới đất, phần lớn trút vào suối, vào sông thành dòng chảy ào ạt trôi trở lại biển cả. Cuộc phiêu lưu của giọt nước cuối cùng lại trở về quê hương.

Trong vòng tuần hoàn ấy, sông suối đóng vai trò trung chuyển. Nhờ có sông suối mà cây cối, lúa ngô có nước tưới nhuần, con người và muôn loài có nước để uống, để sinh sống.

Ta hãy tưởng tượng mưa rơi xuống đỉnh núi, những giọt nước mưa không phải lúc nào cũng được đàn đúm bên nhau, mà sẽ phải chia tay nhau, giọt chảy về sườn bên này, giọt chảy xuống sườn bên kia. Nối liền các đường đỉnh núi lại với nhau, ta có *đường phân thủy* hay *đường chia nước*.

Nước từ đường chia nước chảy róc rách len lỏi qua những khe rãnh, đào thành các con ngòi, con suối nhỏ, dồn nước xuống *bồn thu nước*. Nhiều con suối hợp nhau lại thành sông nhỏ, nhiều sông nhỏ gặp nhau tạo thành sông lớn. Phần lớn các con sông bắt nguồn từ núi cao. Độ dốc càng lớn thì nước chảy càng mạnh. Phần phía trên của con sông gọi là *thượng lưu* hay *thượng nguồn*. Do độ dốc cao nên có thể ví lúc này sông đang ở giai đoạn tuổi trẻ, như chàng trai sung sức phá lối mở đường tả xung hữu đột qua các triền đá hai bên. Dòng sông vượt qua những thác, ghềnh, tung bọt trắng xóa, réo vang như tiếng sấm. Lòng sông có mặt cắt hình chữ V.

Thường có vài ba dòng sông nhỏ được gọi là *phụ lưu* gặp gỡ, hội tụ lại thành dòng sông lớn chảy xuống miền đồi thấp, chảy qua các thung lũng kéo dài. Địa hình bằng phẳng hơn nên dòng sông như bước vào tuổi trung niên, rộng hơn, đĩnh đạc hơn, dòng nước vẫn chảy mạnh mẽ trong “huyết quản”, nhưng không hung hăng phá đá nữa mà bắt đầu lắng đọng cát sỏi và phù sa, tạo nên những bãi bồi và bậc thềm. Lòng sông bây giờ có hình chữ U.

Dòng sông phía *hạ lưu* bước vào tuổi già từng trải, tính tình hiền hòa, thông dong chảy (tất nhiên cũng có lúc nổi giận đùng đùng khi có mưa to bão lớn). Dòng sông chở phù sa từ khắp các nẻo đầu nguồn đem về bồi tụ thành đồng bằng màu mỡ. Vì không còn độ dốc đáng kể, nên sông chảy quanh co uốn khúc bên lở bên bồi. Một khi dòng bị uốn cong, sông lại tìm đường đi thẳng, khúc uốn bị tách ra thành ao hồ hình móng ngựa. Để thoát nước, dòng chính lại chia sẻ thành các *chi lưu*, tìm đường ra biển bằng một hoặc vài ba cửa khác nhau.

Đồng bằng do sông tạo ra thường có dạng xòe nan quạt hay dạng tam giác. Người ta gọi đó là *châu thổ*.

“Cuộc đời” của con sông gắn bó với đời sống của xã hội loài người. Từ những đồng bằng phì nhiêu do phù sa bồi đắp, những nền văn minh nổi tiếng của loài người đã ra đời: Văn minh sông Nile ở Bắc Phi; Văn minh Lưỡng Hà ở Cận Đông; Văn minh Sông Ấn ở Ấn Độ; Văn minh Hoàng Hà ở Trung Quốc...

Trên đất nước ta, sông Hồng hình thành nên đồng bằng Bắc Bộ, tạo nên nền *Văn minh Sông Hồng* có đặc thù của một nền văn minh lúa nước.

Sông ngòi cũng là mạng lưới giao thông sẵn có cho con người khi đường bộ chưa phát triển. Chính vì vậy, hầu hết các làng mạc, đô thị thường được hình thành trên các triền sông. Nơi không có sông, người ta phải đào thêm các kênh đào để đưa nước về.

Dòng sông cuộn cuộn chảy cũng là nguồn năng lượng dồi dào để xây dựng những nhà máy thủy điện cung cấp điện năng cho nhu cầu dân sinh.

Con sông cũng không tồn tại mãi mãi, có những con sông “bị bệnh” do nước sông ô nhiễm nặng nề, có những con sông bị vùi lấp trở thành sông chết.

VIỆT NAM - XỨ SỞ CỦA NHỮNG DÒNG SÔNG

Đất nước ta có núi non trập trùng nằm trong miền khí hậu nội chí tuyến gió mùa ẩm. Lượng mưa hằng năm đạt bình quân 1.900 mm. Mưa như trút tạo nên những dòng chảy ào ạt, băng qua các triền đá, không sức mạnh nào có thể cản được. Và như thế, các dòng suối, dòng sông tạo nên một mạng lưới chằng chịt trên lãnh thổ nước ta.

Con số thống kê cho biết:

- Nước ta có 2.360 con sông với chiều dài từ 10 km trở lên.
- Trong số đó, có 106 dòng sông chính và 2.254 phụ lưu.
- Trung bình cứ 1 km² có 1 km sông suối. Đi trên mặt đất cứ khoảng 600 đến 1.000 m lại gặp một dòng nước chảy qua, thậm chí chỉ khoảng 300 - 500 m ở những nơi có mật độ sông suối dày.
- Nước ta có chiều dài bờ biển là 3.260 km, trung bình cứ khoảng 20 km lại có một cửa sông.
- Với hình thể kéo dài, bề ngang hẹp, nên nước ta đa số là sông ngắn, diện tích lưu vực nhỏ. Có đến 91% sông ngòi

chỉ có độ dài từ 10 đến 50 km. Sông có độ dài 50 - 100 km chiếm 6%; sông dài trên 100 km chỉ chiếm trên 2%.

Các hệ thống sông lớn của nước ta như sông Hồng, sông Mã, sông Cửu Long đều bắt nguồn từ lãnh thổ nước ngoài.

Với lượng mưa dồi dào, tổng khối lượng nước trên sông ngòi nước ta là một con số khổng lồ: 839.000.000.000 m³ mỗi năm. Tuy nhiên, lượng nước này không phân bố đều trong năm và các vùng miền. Mùa mưa thì nước đổ như trút gây ra lũ cuốn cuộn chảy. Mùa khô thì dòng chảy cạn kiệt không đủ nước đưa vào ruộng đồng.

Chuyển động nước trên sông ngòi diễn biến thất thường và phân hóa theo mùa rất rõ từ Bắc vào Nam:

Sông ngòi miền Bắc và Nam Bộ có mưa lũ bắt đầu từ tháng 6 đến tháng 9 và lũ cao nhất là tháng 8. Mùa cạn bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4. Cạn nhất vào tháng 11.

Trong khi đó, mùa mưa lũ trên các sông ngòi miền Trung rơi vào tháng 9 đến tháng 12 và mùa cạn nhất là tháng 3.

Mức nước chênh lệch giữa các mùa cũng rất khác nhau. Nước sông Hồng mùa lũ thường có lưu lượng lớn gấp 10 lần mùa cạn. Sông ngòi miền Trung có lưu lượng nước mùa lũ lớn gấp 16, 17 lần mùa cạn. Trong khi đó, lưu lượng nước sông Cửu Long còn chênh nhau giữa các mùa tới 20 lần.

Do cấu tạo địa chất và địa hình, hướng chảy chủ yếu của sông ngòi nước ta là từ tây bắc xuống đông nam và

đổ ra biển. Tuy nhiên, cũng có một số ngoại lệ, như sông Bằng hợp với sông Kỳ Cùng chảy ngược sang lãnh thổ Trung Quốc. Một số sông ở dãy Trường Sơn chảy sang phía Lào.

SÔNG NƯỚC VỚI NGƯỜI VIỆT, NGƯỜI VIỆT VỚI SÔNG NƯỚC

Nước - trong từ điển tất cả các nước trên thế giới đều có một nghĩa chung, đó là thứ chất lỏng quan trọng và phổ biến nhất trên Trái Đất. Riêng trong tiếng Việt, *nước* còn bao hàm một nghĩa rộng lớn hơn như một quốc gia: Nước Việt Nam. Điều đó chứng tỏ người Việt coi trọng vai trò của nước như thế nào.

Theo truyền thuyết, tổ tiên của người Việt là Lạc Long Quân và Âu Cơ. Lạc Long Quân thuộc nòi Rồng, Âu Cơ là giống Tiên. Hai vị sinh ra 100 người con trai, 50 người theo cha xuống biển, 50 người theo mẹ lên núi.

Những người con theo mẹ lập nên “nước” Văn Lang do các vua Hùng làm thủ lĩnh. Ban đầu họ sinh sống chủ yếu ở vùng núi và trung du, sau đó tiến dần xuống khai phá đồng bằng sông Hồng, tạo nên nền văn minh lúa nước nổi tiếng ở Đông Nam Á.

Người Việt thuở xa xưa ấy đã là người của sông nước, giỏi bơi lội. Sách *Lĩnh Nam chích quái* ghi lại sự tích xăm mình của người Việt: Dưới nước có các loài thủy quái gây hại cho dân khi xuống sông bắt cá. Dân bèn tâu lên vua Hùng, vua cho rằng, các loài thủy quái rất ghét kẻ khác loài,



Tục xăm mình gắn với đời sống gần sông nước.

nên lệnh cho mọi người dùng màu xăm lên mình những hình thù giống loài giao long. Tục xăm mình của người Việt có lẽ xuất hiện vào loại sớm nhất trên thế giới.

Trên các trống đồng ta thấy khắc hình các con thuyền và nhà có mái hình thuyền, chứng tỏ người Việt cổ đã sớm biết đóng thuyền làm phương tiện đi lại, đánh cá và cả để ở nữa.

Trên trống đồng còn có hình ảnh chim bay lượn hay đậu trên cành. Đó là loài chim có mỏ dài, cổ dài và sải cánh rộng. Trước đây một số học giả gọi đó là chim Lạc - một loài chim di cư bay từ phương bắc đến đất nước ta. Tuy nhiên, gần đây các nhà nghiên cứu đã chứng minh rằng từ

“lạc” là phiên âm sang tiếng Hán của từ “nác” - một từ Việt cổ chỉ “nước”. Như vậy chim Lạc tức là “chim nước” và đây chính là “con cò lặn lội bờ ao”, “con cò bay lả bay la” vô cùng quen thuộc trên đồng nước quê hương ta.

Trong số các truyền thuyết thời Hùng Vương có hai câu chuyện gắn với sông nước.

Vua Hùng có con gái là mị nương Tiên Dung rất thích đi đây đi đó thăm thú các miền đất nước. Trong một cuộc du hành của nàng đã diễn ra mối duyên kỳ ngộ giữa nàng với chàng trai nghèo Chử Đồng Tử. Hai vợ chồng họ cũng là những người đầu tiên dong thuyền ra biển giao thương buôn bán với nước ngoài.

Truyện Sơn Tinh - Thủy Tinh kể về cuộc tranh chấp giữa thần núi và thần sông. Truyền thuyết này chứng tỏ ngay từ xa xưa người Việt đã phải chống chọi với lũ lụt do sông ngòi gây ra. Trải qua hàng ngàn năm, cuộc chiến đấu chinh phục dòng sông còn tiếp tục bằng việc đắp đê sông Hồng dài hàng ngàn cây số.

Về mặt tâm linh, người Việt còn tôn thờ đạo Mẫu, trong đó có Mẫu Thoải (biến âm từ *Thủy*), tức Thủy Cung Thánh Mẫu - vị nữ thần coi sóc các miền sông nước. Bà được tôn xưng là một bà Mẹ (mẫu) trong “tam tòa thánh mẫu”. Mẹ có trong nguồn nước chúng ta uống, cây cối tươi tốt, con người khỏe mạnh đều nhờ nguồn nước mẹ ban.

Lũ lụt là thiên tai gắn liền với sông ngòi gây ra cho con người. Nhưng những gì sông ngòi ban tặng cho con người

còn to lớn hơn, quan trọng hơn. Dòng sông đã miệt mài chở phù sa đắp bồi nên cả một vùng đồng bằng sông Hồng rộng lớn và màu mỡ. Từ miền trung du, người Việt đã tiến xuống đồng bằng để khai hoang làm ruộng lúa. Bằng sức lao động cần cù và bền bỉ, họ đã tạo dựng nên nền văn minh lúa nước, cũng được gọi là nền văn minh sông Hồng, niềm tự hào của người Việt.

Quá trình khai hoang mở cõi sau này còn được cha ông ta thể hiện thành công ở vùng châu thổ sông Cửu Long và các đồng bằng ven biển khác.

* * *

Thuở xưa khi chưa có xe cộ, đường sá đi lại còn khó khăn, sông ngòi là con đường giao thông thuận lợi của người Việt. Trên các sông suối miền núi, người ta dùng thuyền độc mộc, bè mảng để đi lại, chở hàng; trên các dòng sông lớn dùng thuyền có một hoặc nhiều mái chèo, thuyền buồm, xuôi ngược dò dục dò ngang. Thời nhà Trần, nhà Hồ, nhà Lê có cả thuyền ngự, thuyền chiến. Triều Tây Sơn, triều Nguyễn đã có tàu chạy sông, chạy biển...

Theo thời gian, tại các vùng đồng bằng, ven sông, làng mạc, phố thị mọc lên ngày càng sầm uất. Cây đa bến đò trở thành hình ảnh quen thuộc của đồng quê Việt Nam. Các thành phố lớn cũng được xây dựng dọc theo ven sông, hay nói một cách khác, mỗi con sông lớn đều có thành phố lớn ở bên: Thăng Long - Hà Nội trên sông Hồng; Vinh trên



Sông ngòi là con đường giao thông thuận lợi của người Việt.

sông Lam; Huế trên sông Hương; Đà Nẵng trên sông Hàn; Quảng Trị trên sông Thạch Hãn; Sài Gòn trên sông Bến Nghé; Long An, Tiền Giang trên sông Tiền; Cần Thơ trên sông Hậu...

Nhiều dòng sông Việt còn được ghi đậm nét trong các trang sử vàng chống ngoại xâm của dân tộc.

Có thể nói, lịch sử bốn ngàn năm của nước Việt luôn song hành với các dòng sông.

SÔNG HỒNG CHỞ NẶNG PHÙ SA, CÁI NÔI CỦA NỀN VĂN MINH SÔNG HỒNG



Sông Hồng, con sông chính của miền Bắc Việt Nam

Nguồn: Wikipedia, mục Sông Hồng.

SÔNG CÁI - DÒNG SÔNG MẸ CỦA NGƯỜI VIỆT

Cái tên “sông Hồng”, “Hồng Hà” hiện nay được lí giải là dòng nước của sông có màu đỏ do chở nặng phù sa. Sông Hồng còn có nhiều tên gọi. Một trong các tên gọi dân gian

là sông Cái. Cái trong tiếng Việt cổ có nghĩa là Mẹ. Sông Cái cũng được nhắc tới khi Lí Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư, Ninh Bình ra Thăng Long.

Xưa kia, người ta ít có điều kiện đi suốt cả một dòng sông, nên thường lấy tên địa phương dòng sông chảy qua để gọi tên sông. Phía thượng nguồn, con sông này có tên là sông Thao, sông Bạch Hạc, sông Phú Lương... Một cái tên thường được nhắc đến là Nhị Hà: núi Nùng sông Nhị. Thực ra, tên gọi này vốn là Nhĩ Hà, dựa vào hình dáng sông uốn cong như vành tai. Đoạn gần Hà Nội, sông còn có những tên như sông Đại Lan (chảy qua bãi Đại Lan, huyện Thanh Trì), sông Xích Đằng, Thiên Mạc, Mạn Trù (chảy qua tỉnh Hưng Yên). Qua đất Hà Nam sông có tên là sông Nam Sang, chảy vào địa phận Nam Định lại mang tên Hoàng Giang...

Điều thú vị là, sông Hồng lại là tên gọi mới mẻ nhất, xuất phát từ... tiếng Pháp. Nguyên do, khi lập bản đồ nước ta, người Pháp thấy dòng sông có màu phù sa đỏ quạch nên gọi là *Fleuve Rouge*. Từ này được sử dụng và dịch sang các thứ ngôn ngữ khác trên tất cả các bản đồ thế giới. “Dịch ngược” lại sang tiếng Việt, thành Sông Hồng hay Hồng Hà!

BA SÔNG TỤ LẠI...

Sông Hồng dài tổng cộng 1.149 km, phần chảy trên lãnh thổ nước ta là 510 km, bắt nguồn từ dãy núi Ngụy Sơn cao 1.776 m, thuộc dãy Ai Lao Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Lúc này sông có tên là Nguyên Giang, chảy qua

huyện tự trị Nguyên Giang của người Thái, người Di, người Cáp Nê.

Xưa kia nơi đây từng là vương quốc Nam Chiếu một thời hùng mạnh đóng đô tại Côn Minh. Quân Nam Chiếu đã nhiều lần xâm chiếm An Nam, bấy giờ là đô hộ phủ thuộc nhà Đường. Phải đến năm 866, quân Nam Chiếu mới bị Cao Biền đánh bại, buộc phải rút về nước.

Sau khi Nam Chiếu suy tàn, họ Đoàn người dân tộc Bạch nổi dậy thành lập nước Đại Lí. Vương quốc này đã phát triển rực rỡ, trải qua 22 đời vua mới bị đế quốc Nguyên Mông thôn tính.

Nguyên Giang chảy vào nước ta tại Lào Cai, hợp lưu với một phụ lưu là sông Nậm Thi. Từ đây chảy về Việt Trì, Phú Thọ được gọi là sông Thao.

Sông Hồng không trở thành vĩ đại nếu không có sự hợp lực của “ba anh em”: sông Thao, sông Lô và sông Đà, trong đó sông Thao là dòng chính.

1. Sông Thao thao thiết

Sông Thao là tên gọi của đoạn sông Hồng chảy từ biên giới đến ngã ba Bạch Hạc, Phú Thọ. Sông Thao chạy gần như song song với dãy núi Con Voi và dãy núi này cũng là đường chia nước giữa sông Thao với sông Lô phía tả ngạn, trong khi Hoàng Liên Sơn là đường chia nước giữa sông Thao và sông Đà. Lưu vực sông Thao rộng tương đương với lưu vực sông Đà. Mặc dù sông Thao đóng vị thế “anh cả”

nhưng lượng nước dòng chảy lại kém hai sông kia.

Sông Thao thường hiền hòa thơ mộng, nhưng vào mùa lũ nó lồng lên, cuộn cuộn chảy, nước đục ngầu, cuốn phăng đi tất cả, tạo nên những đợt lũ ống kinh hoàng.

2. Sông Lô nao nức

*Lô Giang dòng nước trong xanh có nhà mái xinh
bên đồi núi cao*

*Lô Giang dòng nước êm ru
Ánh vàng thắm tươi khi trời cười vui...*

Lương Ngọc Trác - Lô Giang

Sông Lô, đúng như lời bài hát, khi mới chảy vào nước ta ở cửa khẩu Thanh Thủy có dòng “trong xanh” và “êm ru”, vì thế mà có tên là Thanh Thủy Giang - sông nước xanh. Nhưng khi hợp dòng với các phụ lưu, vượt qua thác ghềnh mùa lũ thì nước sông trở nên đục ngầu và gầm réo như sấm.

Sông Lô có hai phụ lưu chính là sông Chảy và sông Gâm, trong đó sông Gâm lại có các phụ lưu là sông Nho Quế và sông Năng.

Sông Chảy bắt nguồn từ sườn tây nam đỉnh Tây Côn Lĩnh (cao 2.419 m) và sườn đông bắc đỉnh Kiều Liêu Ti (2.402 m). Theo Lê Quý Đôn, sông Chảy còn có tên là Lô Hà - nghĩa là Sông Sấm! Phần thượng nguồn sông Chảy gần như song song với sông Thao, bị ngăn cách bởi dãy núi Con Voi nằm giữa. Từ Yên Bình về xuôi tàu bè có thể đi lại được, nhưng vẫn còn phải qua thác Ông, thác Bà.

Thác Bà đã được ngăn lại thành hồ thủy điện đầu tiên của miền Bắc nước ta. Hồ Thác Bà trải dài 80 km. Từ Thác Bà, sông chảy xuôi về Đoan Hùng để hợp lưu với sông Lô.

Sông Gâm còn gọi là *sông Gầm*, chảy theo hướng bắc - nam uốn khúc theo thung lũng của khối núi mang tên Cánh cung Sông Gâm.

Xuất phát từ tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) sông chảy qua tỉnh Quảng Tây rồi vào Việt Nam ở tỉnh Cao Bằng. Xuôi theo dòng nước tới Na Động thì sông Gâm nhận nước của sông Nho Quế từ Lũng Cú, điểm cực Bắc nước ta, đổ về nối rộng lòng sông. Sông Gâm quanh co chảy qua địa giới tỉnh Hà Giang, rồi đổ nước vào sông Lô ở Bình Ca phía bắc thị xã Tuyên Quang.

Sông Nho Quế là phụ lưu của sông Gâm, bắt nguồn từ vùng núi Nghiễm Sơn (Trung Quốc), chảy qua điểm cực Bắc của lãnh thổ Việt Nam, cách cột cờ Lũng Cú khoảng 2 km đường chim bay. Hành trình len lỏi của dòng Nho Quế giữa cao nguyên đá tai mèo, tạo cho ngọn đèo Mã Pí Lèng (Mèo Vạc, Hà Giang) một vẻ đẹp đầy bí ẩn và hoang đại. Tại Tu Sản, sông cắt xẻ mạch núi tạo nên vực sâu hun hút 700 m, được coi là vực sâu nhất Đông Dương.

Sông Năng cũng là một phụ lưu của sông Gâm, bắt nguồn từ các con suối nhỏ ở hai huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm tỉnh Cao Bằng và huyện Pác Nặm tỉnh Bắc Kạn. *Pác Nặm* có nghĩa là đầu nguồn nước.

Hai bên bờ sông Năng, chủ yếu là địa hình cacxtơ với những núi đá vôi dựng đứng. Có chỗ sông chảy xuyên qua núi đá vôi Lũng Nham, tạo thành một hang động rất lớn và tuyệt đẹp, đó là động Puông.

Sông Năng sau khi luồn dưới núi đá vôi chảy đến bản Húa Tạng thì đến thác Đầu Đẳng. Thác cao trên 60 m, chảy dài hơn 1.000 m, tạo thành ba bậc, bậc trên cách bậc dưới từ 3 đến 4 m. Sông Năng đổ nước vào hồ Ba Bể đẹp nổi tiếng. Từ hồ Ba Bể, sông Năng chảy tới Na Hang thuộc tỉnh Tuyên Quang để nhập vào dòng sông Gâm.

Sông Lô còn có một phụ lưu bên tả ngạn nữa: **sông Phó Đáy**. Sông Phó Đáy bắt nguồn từ vùng núi Tam Tạo, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, chủ yếu chảy qua tỉnh Tuyên Quang và nhập vào sông Lô phía trên cầu Việt Trì độ 200 m.

Sông Phó Đáy được nhắc đến trong bài thơ *Đi thuyền trên sông Đáy* và bài *Rằm tháng Giêng* của Hồ Chí Minh:

Rằm xuân lồng lộng trăng soi

Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân

Giữa dòng bàn bạc việc quân

Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.

Từ ngã ba sông Phó Đáy và sông Lô đi tiếp về phía hạ lưu của sông Lô chưa đến 2 km là tới một ngã ba sông, nơi sông Lô hợp lưu với sông Hồng.

Như vậy, sông Chảy “giao duyên” với sông Lô ở Đoan Hùng, Phú Thọ. Sông Gâm hợp thủy với sông Lô ở Khe Lau,

Tuyên Quang. Sông Lô chảy đến ngã ba Bạch Hạc hợp lưu với sông Hồng.

Sông Lô không lớn bằng sông Thao, không dữ dằn như sông Đà, nhưng hội tụ đủ đầy vẻ đẹp giang hồ, bi tráng, kì vĩ của sông nước miền sơn cước. Trên dòng sông Lô còn vang vọng chiến thắng Bình Ca hào hùng trong chiến dịch Việt Bắc năm 1947.

3. Sông Đà dữ dội và thơ mộng

Trong tập kí *Sông Đà*, Nguyễn Tuân đã mô tả sông Đà đầy vẻ dữ dằn, hung bạo. Đó là những đoạn sông đôi bờ đá dựng đứng thành vách chẹn hòng dòng sông. Nhưng dữ dội nhất là ở những thác đá. Chưa thấy sông, người lái đò đã bị “khủng bố” bởi tiếng thác nước đầy vẻ khiêu khích. Thác đá xếp thành từng tuyến như một thạch trận chăm chăm nuốt chửng con thuyền độc mộc.

Nhưng Nguyễn Tuân cũng lại phát hiện ra vẻ hiền hòa nơi con sông ấy: *“Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích”*. *“Con sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban, hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn khói núi Mèo đốt nương xuân...”*.

Mường Tè là nơi đầu tiên sông Đà đổ nước vào nước ta tại xã Ka Lăng. Tại đây nó có tên là Nậm Tè - *nậm* tức là nước hay sông; hai chữ “nậm tè” theo tiếng Thái - Tày

có nghĩa là “sông thật”, “nước thật”, cũng là “sông mẹ”. Quảng sông này có vực sâu hun hút, vào mùa cạn lộ nhô những tảng đá, hươu nai có thể nhảy qua để vượt sông. Nhưng mùa mưa thì nước đổ ào ào, kéo trôi vô vàn cây cối theo dòng.

Năm 2011, Nhà máy thủy điện Lai Châu được khởi công xây dựng tại xã Nậm Hàng, Mường Tè. Công trình này được xây dựng ở bậc thang trên cùng của dòng chính sông Đà, bậc trên của thủy điện Sơn La. Nhà máy thủy điện Lai Châu gồm ba tổ máy với tổng công suất lắp đặt 1.200 MW, mỗi năm nhà máy sẽ hòa vào mạng lưới điện quốc gia khoảng 4.670,8 triệu kWh, dự kiến hoàn thành vào năm 2017.

Từ Mường Tè xuôi về Lai Châu, dòng sông chảy qua những vùng thắng cảnh và văn hóa đặc sắc:

Đường lên Mường Lễ bao xa

Trăm bảy mươi thác trăm ba mươi ghềnh.

Tại nơi giao nhau của dòng Nậm Na và sông Đà ở xã Lê Lợi, huyện Sìn Hồ hiện vẫn còn Di tích lịch sử Bia Lê Lợi và Đền thờ vua Lê.

Từ Lai Châu, con sông Đà xuôi về qua Điện Biên. Tới đây, nước dòng sông vẫn xiết lắm. Dòng sông cuộn cuộn chảy nhưng trong vắt như mặt gương soi. Ở dọc theo đoạn sông này, có người Phù Lá và người Lự, những sắc dân ít người vẫn giữ phong cách sống riêng.

Khi xuôi về Sơn La, con sông Đà mới thực sự khoe hết vẻ hùng tráng của nó. Dòng sông ăm ắp nước tạo ra cho nơi đây một tiểu vùng khí hậu tốt lành, cây cối xanh tốt, ruộng nương phì nhiêu. Nhiều bản làng sầm uất mọc lên ở đôi bờ. Nhiều sinh hoạt tín ngưỡng liên quan đến dòng sông tới nay vẫn được bà con gìn giữ. Vào trưa ngày áp Tết, nam nữ người Thái ra sông Đà gội đầu để gột bỏ mọi xui xẻo của năm cũ, đón nhận mọi sự tốt lành mà dòng sông mang tới. Người Dao, người Tày ở Phú Thọ, vào dịp cuối năm mỗi nhà cử ra một đại diện, ra sông Đà múc một bát nước, nhặt một viên đá đem về đặt lên bàn thờ cúng thần sông.

Nhà máy thủy điện Sơn La được xây dựng tại tỉnh Sơn La, huy động lượng nước của các hồ chứa thuộc địa bàn ba tỉnh Lai Châu, Điện Biên và Sơn La, nơi đã diễn ra một cuộc tái định cư khổng lồ: hơn 20.000 hộ với trên 95.000 nhân khẩu đã dời làng cũ để phục vụ xây dựng công trình.

Nhà máy thủy điện Sơn La nằm tại xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, được khởi công ngày 2-12-2005. Sau bảy năm xây dựng, Thủy điện Sơn La đã được khánh thành ngày 23-12-2012, trở thành nhà máy thủy điện lớn nhất Việt Nam và cả khu vực Đông Nam Á.

Nằm ở bậc thang thứ hai trong hệ thống bậc thang thủy điện trên thượng lưu sông Đà, Thủy điện Sơn La là công trình phát điện có công suất lắp đặt là 2.400 MW, gồm 6 tổ máy (6 x 400 MW). Sản lượng điện trung bình năm: 10,246 tỉ kWh (trong đó tăng thêm cho thủy điện Hòa Bình 1,267 tỉ kWh).

Thung Nai chính là nơi con sông Đà xinh đẹp và hùng vĩ, hiểm trở và khó chinh phục, được chọn làm địa điểm xây dựng Nhà máy thủy điện Hòa Bình.

Đập nước Hòa Bình - “công trình thế kỉ 20” - đã chặn đứng sự hung dữ của dòng sông, bắt sức nước phát điện phục vụ cho phát triển kinh tế nước ta.

Nhà máy thủy điện Hoà Bình được xây dựng trên dòng sông Đà thuộc miền Bắc Việt Nam. Trước khi nhà máy thủy điện Sơn La khánh thành, đây là nhà máy thủy điện lớn nhất Việt Nam và Đông Nam Á.

Công trình khởi công xây dựng ngày 6-11-1979, khánh thành ngày 20-12-1994. Công suất thiết kế là 1.920 MW, gồm 8 tổ máy, mỗi tổ máy có công suất 245.000 KW. Sản lượng điện hàng năm là 8,16 tỉ KWh.



Đập thủy điện
Hòa Bình.

Từ Hòa Bình, sông Đà uốn theo phần cuối của dãy Hoàng Liên Sơn chảy về miền trung du Phú Thọ.

Nguyễn Quang Bích (1832-1890) - lãnh tụ phong trào Cần vương đã cùng thủ lĩnh người các dân tộc Tây Bắc lập căn cứ chống Pháp tại hạ lưu sông Đà. Ông cũng là một nhà thơ, tác giả của câu thơ nổi tiếng: *"Chúng thủy giai đông tẩu/Đà giang độc bắc lưu"*. (Mọi dòng sông đều chảy về đông, chỉ có sông Đà theo hướng bắc.)

Sông Đà hợp lưu với sông Hồng ở làng Hồng Đà, Phú Thọ. Theo truyền thuyết đây chính là nơi giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh. Tại đây Thủy Tinh đã chặn đánh Sơn Tinh hùng cướp lại Mị Nương. Nơi hai bên ra lời thách đấu để quyết phân thắng bại có địa danh là Lờ, hay còn gọi là thác Lờ.

Ngã ba Hạc - nơi thủy tụ mở cội Văn Lang

Xinh thay ngã ba Hạc,

Lạ thay ngã ba Hạc!

Dưới hợp một dòng,

Trên chia ba ngạc.

Ngóc ngách khôn đo rộng hẹp, dòng biếc lẫn dòng dào;

Lênh lang để biết nông sâu, nước đen pha nước bạc.

Đó là những câu mở đầu bài *Ngã ba Hạc* phú nổi tiếng viết bằng chữ Nôm của Nguyễn Bá Lân (1701-1785) - danh sĩ và đại quan triều Lê Hiến Tông.

Ngã ba Hạc, tên đầy đủ là Ngã ba Bạch Hạc, còn có tên Tam Giang, là nơi hội tụ của ba con sông, để từ đây chính thức là sông Cái, sông Hồng của nước Việt. Trong đoạn phú trên, sông Thao có màu nước hồng (đào), sông Lô có màu biếc, sông Đà có màu đen pha nước bạc.

Theo truyền thuyết, tại miền đất này thuở xưa có nhiều cây chiên đàn, trên đó rất nhiều chim hạc trắng về đậu. Vì thế mới có tên là Bạch Hạc.



Ngã ba Bạch Hạc

Đây là miền đất thiêng được các vua Hùng chọn làm kinh đô của nhà nước Văn Lang. Những địa danh hiện còn là chứng tích cho thời xa xưa ấy: Thập Thình - nơi giã gạo, Minh Nông - nơi vua Hùng dạy dân cấy lúa, Hương Trầm - nơi trồng lúa thơm, Lang Đài - đài luyện võ, Bến Gót - dấu chân vua Hùng...

Bạch Hạc còn có nhiều di tích văn hóa lịch sử. Đặc biệt đáng lưu ý là đền Tam Giang thờ đức thánh Hạc (Thổ Lệnh Đại Vương), đức thánh Bà (Quách A Nương), đức ông Sáu (Trần Nhật Duật) - ba vị thần nhân có công cứu giúp dân, đánh giặc giữ nước, và khi thác, hóa thần phù hộ cho quốc thái dân an.

Thành phố Việt Trì trên ngã ba sông ngày nay phát triển thành một thành phố công nghiệp.

Cây cầu Việt Trì bắc qua sông Lô được xây dựng từ năm 1901 cùng thời với cầu Long Biên, Hà Nội. Cây cầu đã trải qua thời chiến tranh bom đạn và những ngày tháng lao động hăng say khôi phục lại như trong lời ca của nhạc sĩ Hoàng Hà:

Ánh đèn sáng trên cầu Việt Trì

Trong đêm khuya vẫn còn rọi về

Nghe tung bừng ngày đêm tiếng ca...

Bạch Hạc - Việt Trì, nơi hội tụ của ba con sông, là đỉnh của tam giác châu thổ sông Hồng. Tổ tiên ta dừng chân tại nơi đây để tiến dần về xuôi, khai phá miền đồng bằng Bắc Bộ tạo nên nền văn minh Sông Hồng rực rỡ.

HÀ NỘI - THÀNH PHỐ THỦ ĐÔ “TRONG SÔNG”

Hà Nội nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng, là trung tâm văn hóa, chính trị, kinh tế của cả nước. Nhắc đến sông Hồng không thể không nhắc đến Hà Nội; nhắc đến Hà Nội không thể không nhắc đến sông Hồng.

Hành trình dời đô

Sau khi dẹp loạn mười hai sứ quân, xác lập quyền độc lập tự chủ và lên làm vua, Đinh Tiên Hoàng lấy quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đặt kinh đô ở Hoa Lư. Cùng với sự lớn mạnh của dân tộc, Hoa Lư trở nên nhỏ hẹp, không còn phù hợp với nhu cầu phát triển đất nước. Lí Thái Tổ đã nhận ra điều đó và tìm nơi xây dựng kinh đô mới. Năm 1010, nhà vua đi thuyền về thăm quê hương Cổ Pháp (Bắc Ninh), qua các nẻo sông đều để ý quan sát cảnh vật và dân tình. Đến Đông Bộ Đầu bên sông Hồng, thấy trên bến dưới thuyền tấp nập, bước lên bờ thấy đất đai rộng mở phì nhiêu, nhân dân chăm chỉ làm lụng, nhà vua ưng ý lắm, khi trở về bèn ra chiếu chỉ dời đô.

Các nhà nghiên cứu cho rằng cuộc thiên đô vĩ đại ấy chỉ có thể đi theo đường sông. Đoàn thuyền của triều đình nhà Lí xuất phát từ bến Ghềnh Tháp của cố đô Hoa Lư đi vào sông Sào Khê, đến bến Trường Yên thì xuôi theo dòng sông Hoàng Long tới Gián Khẩu. Tại đây thuyền rẽ vào sông Đáy, tiếp đó lại rẽ sang sông Châu Giang. Đến Phủ Lí, thuyền chèo ngược dòng sông Hồng, rồi vào dòng Tô Lịch trước cửa thành Đại La. Vừa lúc trên trời có đám mây hình

rồng vàng rực rỡ bay lên, nhà vua cho là điềm trời, bèn đổi tên Đại La thành Thăng Long.

Ngay sau khi dời đô, Lí Thái Tổ gấp rút cho xây dựng thành Thăng Long, đến đầu năm 1011 thì hoàn thành. Kinh thành Thăng Long được thiết kế theo mô hình tam trùng thành quách, với vòng ngoài cùng gọi là Đại La Thành hay Thăng Long Ngoại Thành, bao quanh toàn bộ kinh đô và men theo nước của ba con sông: sông Hồng, sông Tô Lịch và sông Kim Ngưu.

Sông Hồng với Thăng Long - Hà Nội

Địa danh Hà Nội được “diễn Nôm” là thành phố “trong sông”, tức là được sông ngòi bao quanh. Song với quy mô Hà Nội mở rộng như hiện nay thì Hà Nội có thể được coi là một thành phố của sông hồ, vốn được dựng lên trên nền bãi sa bồi của sông Hồng, nơi ngã ba sông, địa thế bằng phẳng thoáng đãng, giao thông đi lại bằng đường bộ, đường thủy đều thuận lợi, xứng đáng là miền đất trung tâm tụ hội.

Xưa kia sông Hồng là ranh giới bao quanh phía bắc và phía đông Hà Nội, bây giờ khi thủ đô mở rộng, nó hầu như chảy giữa lòng thành phố.

Tại đây, sông Hồng vốn có nhiều tên gọi: sông Cái, sông Phú Lương, Nhị Hà, sau được đọc chệch đi thành Nhị Hà...

Cũng tại Thăng Long - Hà Nội, dòng sông Hồng để lại nhiều dấu ấn văn hóa và lịch sử của Thủ đô.

Theo *Việt sử thông giám cương mục*, năm Nhâm Ngọ (1282) đời Trần Nhân Tông: Tháng tám, mùa thu có cá sấu đến sông Phú Lương (sông Hồng ngày nay). Vua sai quan Hình bộ Thượng thư Nguyễn Thuyên làm bài văn thả xuống sông, cá sấu tự nhiên bỏ đi. Nhà vua thấy việc đó giống như việc Hàn Dũ (bên Trung Quốc) làm thơ đuổi cá sấu, bèn cho Nguyễn Thuyên được đổi sang họ Hàn...

Cũng vào thời Trần, giặc Nguyên Mông hung hãn đã ba lần tiến đánh nước ta. Cả ba lần chúng đều chiếm được Thăng Long, nhưng cả ba lần đều thất bại thảm hại. Ngoài trận đại thắng trên sông Bạch Đằng, các trận chiến mang tính quyết định đều diễn ra trên sông Hồng, ngay cửa ngõ kinh thành.

Lần thứ nhất: Tháng 1 năm 1258, từ Đại Lí, quân Mông Cổ và Đại Lí tiến vào Đại Việt. Quân nhà Trần nghênh địch tại Bình Lệ Nguyên bị thua to. Triều đình rút lui, để lại Thăng Long “vườn không nhà trống” cho quân địch chiếm.

Nhưng chỉ 10 ngày sau, vua Trần và Thái tử dẫn quân phản công, đánh thắng quân Mông Cổ trong trận Đông Bộ Đầu trên sông Hồng. Quân Mông Cổ bỏ thành Thăng Long rút về nước, cũng bằng con đường dọc theo sông Hồng.

Lần thứ hai: 27 năm sau, Hốt Tất Liệt ra lệnh chinh phạt Đại Việt. Cuộc chiến lần này kéo dài khoảng 4 tháng, từ cuối tháng Chạp năm Giáp Thân đến cuối tháng Tư năm Ất Dậu (1285).

Chỉ khoảng 20 ngày sau khi vượt biên giới, quân Nguyên đã chiếm được thành Thăng Long. Triều đình nhà Trần rút lui theo sông Hồng về Thiên Trường (Nam Định) và Trường Yên (Ninh Bình), chịu sự truy kích ráo riết của quân Nguyên.

Khoảng gần 2 tháng sau, Đại Việt phản công. Dọc theo sông Hồng, quân Đại Việt lần lượt giành thắng lợi tại cửa Hàm Tử và bến Chương Dương, giải phóng Thăng Long.

Lần thứ ba: Tháng 12 năm 1287, quân Nguyên chia làm ba cánh, từ Vân Nam, Quảng Tây và theo đường biển rầm rộ tiến vào Đại Việt. Chúng mau chóng đánh tan quân Đại Việt cả trên bộ lẫn trên biển, nhưng lại chịu tổn thất quan trọng: Đoàn thuyền chở lương thực trên biển bị đội quân của Trần Khánh Dư tấn công ở Vân Đồn, vừa bị chìm, vừa bị lặc. Quân nhà Trần huy động một lực lượng lớn tấn công căn cứ Vạn Kiếp, đánh vào thủy quân Nguyên.

Thủy quân Nguyên đã bị tiêu diệt hoàn toàn trên sông Bạch Đằng khi định rút ra biển. Các cánh lục quân khi đi qua Bắc Giang và Lạng Sơn cũng bị quân Đại Việt tấn công dữ dội, đánh cho tan tác.

Những địa danh sông nước Hà Nội được khảm chữ vàng trong bài thơ *Tòng giá hoàn kinh* của Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải:

Đoạt sáo Chương Dương độ

Cầm Hồ Hàm Tử quan

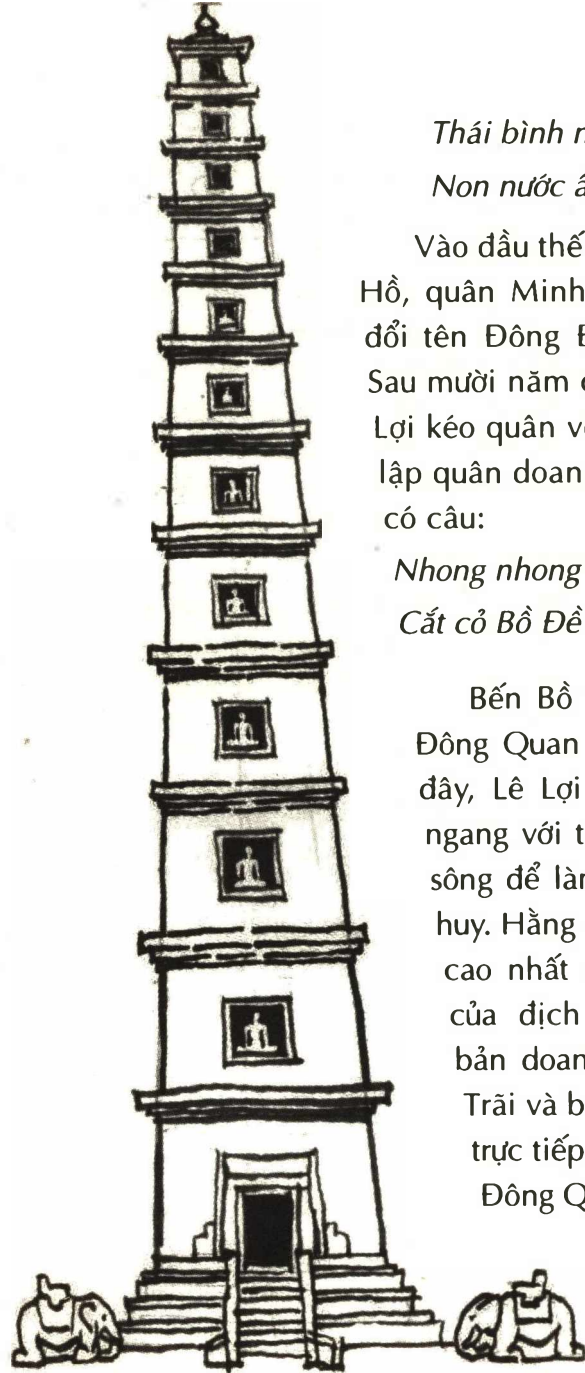
Thái bình tu trí lực

Vạn cổ thử giang san

Trần Trọng Kim dịch:

Chương Dương cướp giáo giặc,

Hàm Tử bắt quân thù.



Tháp Báo Thiên

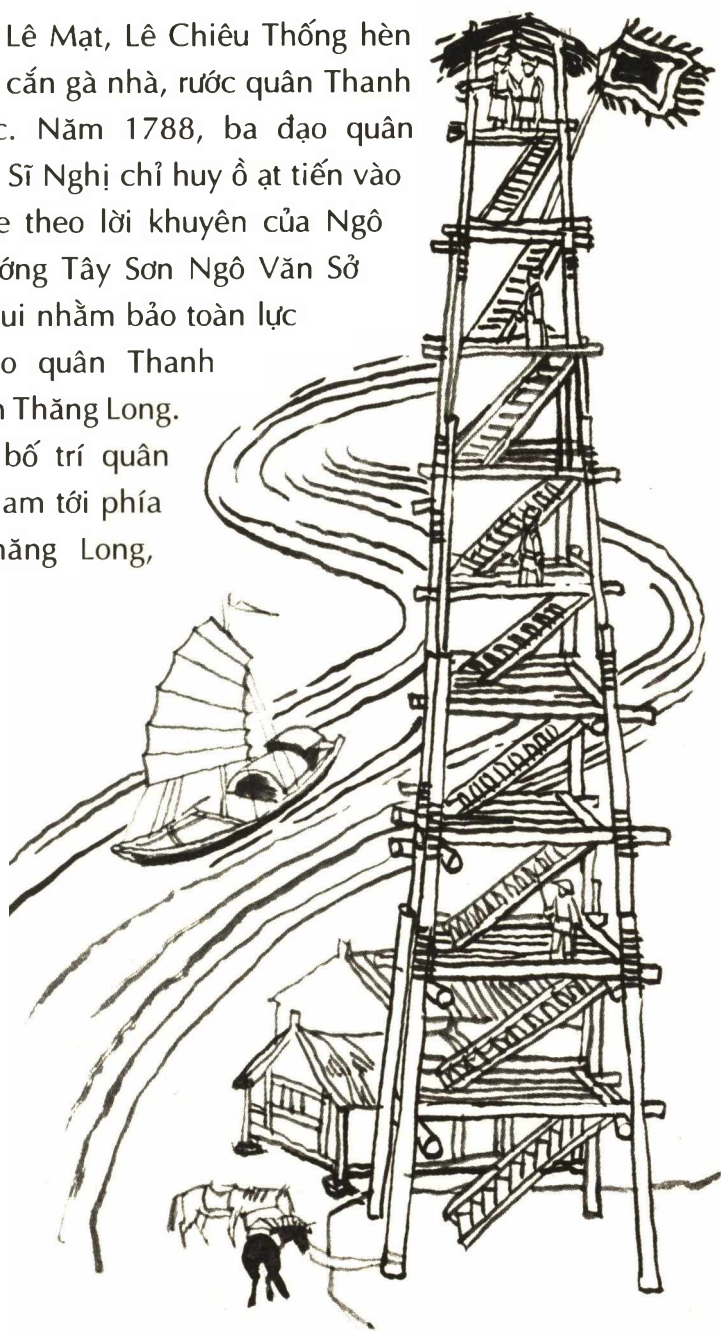
*Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy ngàn thu*

Vào đầu thế kỉ 15, sau khi diệt nhà Hồ, quân Minh chiếm đóng nước ta, đổi tên Đông Đô thành Đông Quan. Sau mười năm chiến đấu gian khổ, Lê Lợi kéo quân về bao vây Đông Quan, lập quân doanh ở bến Bồ Đề. Ca dao có câu:

*Nhong nhong nhong ngựa Ông đã về,
Cất cỏ Bồ Đề cho ngựa Ông ăn.*

Bến Bồ Đề đối diện với thành Đông Quan qua sông Nhị. Tại nơi đây, Lê Lợi sai dựng một lầu cao ngang với tháp Báo Thiên bên kia sông để làm chòi quan sát và chỉ huy. Hằng ngày Lê Lợi lên tầng lầu cao nhất để theo dõi hoạt động của địch trong thành. Tại đại bản doanh này, Lê Lợi, Nguyễn Trãi và bộ tham mưu nghĩa quân trực tiếp chỉ huy vây hãm thành Đông Quan, buộc Vương Thông phải xin giảng hòa, lập hội thề để rút quân về nước.

Cuối thời Lê Mạt, Lê Chiêu Thống hèn nhát công rấn căn gà nhà, rước quân Thanh vào xâm lược. Năm 1788, ba đạo quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy ồ ạt tiến vào nước ta. Nghe theo lời khuyên của Ngô Thì Nhậm, tướng Tây Sơn Ngô Văn Sở cho quân rút lui nhằm bảo toàn lực lượng, để cho quân Thanh tiến vào chiếm Thăng Long. Tôn Sĩ Nghị bố trí quân đóng ở phía nam tới phía tây thành Thăng Long,



*Chòi quan sát
trên bến Bồ Đề*

cho đạo quân Lương Quảng đóng hai bên bờ sông Hồng, quân Điền Châu đóng ở Khương Thượng, quân Vân Quý đóng ở Sơn Tây.

Từ Phú Xuân, Nguyễn Huệ lên ngôi, đem binh gấp rút tiến ra Bắc. Tại Tam Điệp, ngày 20 tháng Chạp năm Mậu Thân, hoàng đế Quang Trung phát lệnh tiến quân, hẹn đến ngày mừng 7 sẽ ăn Tết tại Thăng Long.

Dưới sự chỉ huy tài tình của Nguyễn Huệ, quân Tây Sơn liên tục hạ các đồn Hạ Hồi, Ngọc Hồi và Đống Đa. Quân Thanh chết như ngã rạ, hốt hoảng chạy trốn và quy hàng. Tôn Sĩ Nghị bỏ cả ấn tín cố chạy thoát thân. Sợ quân Tây Sơn đuổi theo, Tôn Sĩ Nghị hạ lệnh cắt cầu bắc qua sông Hồng, khiến quân Thanh rơi xuống sông chết, làm nghẽn cả dòng chảy.

Thời Nguyễn, kinh đô nước ta chuyển về Huế. Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Hà Nội trở lại là thủ đô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Quân Pháp trở lại đánh chiếm nước ta. Cuộc toàn quốc kháng chiến bắt đầu. Sau hai tháng chiến đấu cầm chân quân địch, vào một đêm tối trời tháng 2-1947, những người lính Trung đoàn Thủ đô đã bí mật rút qua sông Hồng ngay dưới chân cầu Long Biên bên trên có giặc canh gác, an toàn thoát ra vùng tự do.

Chín năm kháng chiến gian khổ làm nên một Điện

Biên lũy lừng. Cầu Long Biên cũng chứng kiến cuộc bàn giao lịch sử: bộ đội ta tiếp quản Thủ đô, quân đội viễn chinh Pháp rút khỏi Hà Nội.

Những cây cầu bắc qua sông Hồng của Hà Nội

Sông Hồng là con sông lớn, vào thuở Thăng Long, Đông Đô, chỉ có thể dùng dò qua sông. Khi quân Thanh sang xâm lược nước ta, cầu bắc qua sông vẫn chỉ là một cây cầu phao.

Cầu Long Biên là cây cầu thép đầu tiên bắc qua sông Hồng nối hai quận Hoàn Kiếm với quận Long Biên của Hà Nội, do Pháp xây dựng (1898-1902), đặt tên là *cầu Paul Doumer*, theo tên của Toàn quyền Đông Dương hồi đó. Dân gian còn gọi là *cầu sông Cái* hay *cầu Bồ Đề* (vì được bắc qua bến Bồ Đề thuộc huyện Gia Lâm).

Cho đến khi động thổ, nhiều người vẫn còn nghi ngờ: “Một con sông rộng như eo biển, sâu đến 20 m nước, mùa mưa lũ nước dâng cao hơn 8 m làm vỡ cả đê điều. Lòng sông lại luôn chuyển đổi bên lở bên bồi thì làm sao chế ngự nổi để bắc được cây cầu qua dòng nước hung dữ bất kham ấy!”

Người ta phải tuyển mộ hơn 3.000 công nhân bản xứ và một đội ngũ khoảng 40 giám đốc, kỹ sư, chuyên gia và đốc công người Pháp để điều hành công việc. Vật liệu xây cầu đã dùng đến 30.000 m³ đá và kim loại (5.600 tấn thép cán, 137 tấn gang, 165 tấn sắt, 7 tấn chì). Tổng số tiền thực chi lên tới 6.200.000 franc Pháp bấy giờ.

Cầu được khánh thành ngày 28-2-1902, có sự hiện diện của vua Thành Thái và Toàn quyền Paul Doumer.

Vào thời điểm bấy giờ, cây cầu này chiếm vị trí dài thứ hai trên thế giới, sau cầu Brooklyn bắc qua sông East - River của Mỹ.

Trong chiến tranh, cầu Long Biên bị bắn phá nặng nề.

Cầu Long Biên đã hoàn thành sứ mệnh làm “đầu cầu” giao thông nối liền Thủ đô với các tuyến đường lên miền núi phía bắc và miền biển phía đông. Do cầu đã cũ và hỏng, có dự kiến dỡ bỏ cây cầu đi. Nhưng ý định ấy



Cầu Long Biên

bị dư luận phản đối và hiện cầu Long Biên đang được sửa chữa, bảo tồn, như một kỉ ức vật thể của lịch sử Hà Nội cần được lưu giữ.

Với trình độ kĩ thuật và công nghệ hiện nay, trong thời gian ngắn, trên sông Hồng đã ra đời một loạt cây cầu hiện đại.

Cầu Thăng Long

Cầu Thăng Long bắc qua sông Hồng nối trung tâm Hà Nội với đường cao tốc Thăng Long - Nội Bài, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.



Đây được coi là công trình thế kỉ 20, biểu tượng cho tình hữu nghị Việt Nam - Liên bang Xô viết.

Cầu có kết cấu giàn thép, chiều dài hơn 3.250 m, gồm hai tầng, 25 nhịp phần chính và 46 nhịp cầu đường dẫn của đường sắt và đường dành cho xe thô sơ.

Cầu được khởi công xây dựng năm 1974, khánh thành vào tháng 5-1985. Hiện nay, cầu Thăng Long là một trong những cây cầu sắt dài nhất của Hà Nội, bắt đầu từ địa phận quận Bắc Từ Liêm nối sang địa phận huyện Mê Linh.

Cầu Chương Dương

Những năm 80 của thế kỉ 20, cả Hà Nội chỉ có cầu Long Biên để qua lại sông Hồng. Do làn đường ô tô quá nhỏ nên cảnh ách tắc luôn xảy ra, và cũng vì thế cầu Long Biên được mệnh danh là “cây cầu dài nhất thế giới” do phải mất nhiều tiếng đồng hồ xe cộ mới qua được. Trong khi đó, cầu Thăng Long còn đang dở dang và dù có xong thì cũng không chia sẻ được nhiều do quá xa trung tâm. Do vậy, chủ trương ban đầu là làm tạm một cầu treo. Nhưng với quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, các kĩ sư và công nhân Việt Nam đã tự thiết kế và xây dựng được một cây cầu sắt dầm hoàng chỉ mất một năm chín tháng, hoàn thành vào ngày 30-6-1985.

Cầu Vĩnh Tuy

Nằm ở trung tâm Hà Nội, đầu cầu thuộc địa phận

phường Vĩnh Tuy, nối quận Hai Bà Trưng và quận Long Biên. Cây cầu được người dân Hà Nội ví như một dải yếm vắt qua dòng sông Hồng lịch sử.

Đây là cầu kết cấu dầm hộp bê tông cốt thép dự ứng lực, được thi công với công nghệ đúc hẫng và đặt kỉ lục về chiều dài nhịp đúc hẫng của Việt Nam (135 m so với cầu Thanh Trì là 130 m).

Tổng chiều dài gần 15 km. Phần cầu qua sông dài 3.690 m. Phần cầu chính được bố trí chuỗi nhịp dài 990 m, rộng 38 m. Đây là cây cầu rộng nhất Việt Nam hiện nay.

Cầu Thanh Trì

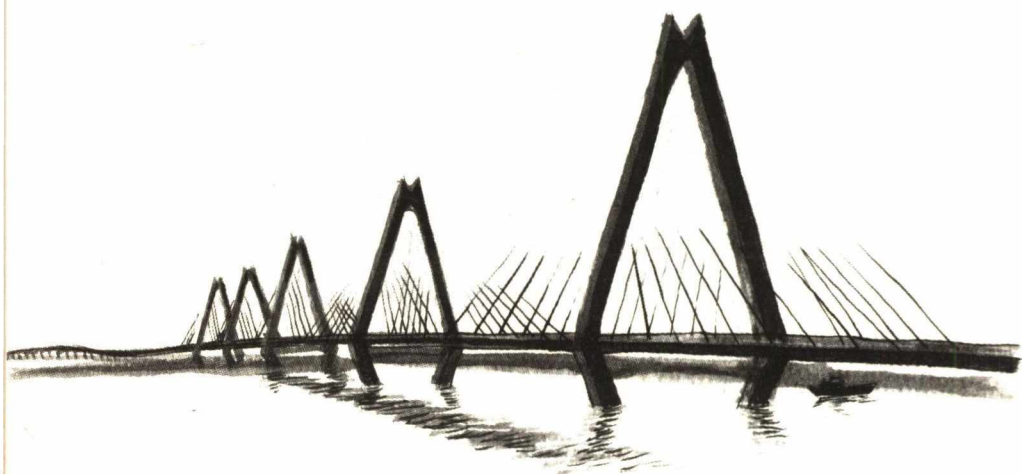
Cầu Thanh Trì là một cầu lớn trong dự án 7 cây cầu của Hà Nội bắc qua sông Hồng, bắt đầu từ điểm cắt quốc lộ 1A tại Pháp Vân (Thanh Trì).

Cầu chính dài 3.084 m với tổng chiều dài hơn 12 km, rộng 33,10 m với 6 làn xe chạy (4 làn xe cao tốc). Năm 2010 cầu Thanh Trì khánh thành đã góp phần cơ bản giải quyết ách tắc giao thông tại phía đông nam thủ đô Hà Nội.

Cầu Nhật Tân

Kết cấu nhịp của cầu chính theo dạng cầu dây văng nhiều nhịp với 5 trụ tháp hình thoi và 6 nhịp dây văng. Cầu bắt đầu tại phường Phú Thượng, quận Tây Hồ đến điểm cuối giao là xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh.

Mặt cầu rộng 33,2 m chia thành 4 làn xe cơ giới, 2 làn



Cầu Nhật Tân

xe buýt, 2 dải xe hỗn hợp, phân cách giữa, có đường dành cho người đi bộ. Cầu dài 3,9 km và có đường dẫn 4,5 km, trong đó phần chính của cầu qua sông dài 1,5 km. Tên gọi Cầu Nhật Tân là không chính xác do không nằm trên xã Nhật Tân bên cạnh, vì thế có ý kiến nên gọi cầu này là “Cầu hữu nghị Việt - Nhật” để kỉ niệm sự đóng góp của Nhật Bản.

Cầu Vĩnh Thịnh

Cầu Vĩnh Thịnh rộng 16 m, dài 5,4 km, chia làm bốn làn xe. Với phần cầu dài 4,4 km và đường dẫn hai đầu dài 1 km, đây là cây cầu vượt sông Hồng dài nhất (tính đến thời điểm khánh thành, tháng 6/2014). Cầu Vĩnh Thịnh bắc qua sông Hồng, nối thị xã Sơn Tây của Hà Nội với huyện Vĩnh Tường thuộc tỉnh Vĩnh Phúc, tạo thành một hệ thống giao

thông hoàn chỉnh, kết nối Thủ đô với các tỉnh phía tây bắc như Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang.

Hà Nội còn những con sông khác

Tô Lịch là dòng sông quan trọng thứ hai sau sông Cái của Thăng Long xưa. Đoàn thuyền của Lí Thái Tổ đã qua cửa sông này vào sâu trong đất Rồng Bay.

Sông Tô Lịch xưa còn có tên là sông *Nghịch Thủy*, bởi lẽ nước sông Tô chảy theo hai chiều xuôi ngược khác nhau. Sông Tô ăn thông với sông Hồng, lấy nước từ Hồ Tây đổ về cánh đồng chiêm trũng. Vào mùa lũ, nước lại đẩy ngược tràn về Hồ Tây. Vì thế mà dòng chảy của sông mới có hiện tượng này.

Địa danh của sông khác với các tên sông khác, đó là tên một nhân thần.

Trong Lĩnh Nam chích quái có ghi về sự tích sông Tô Lịch. Cao Biền là một người có tài phù thủy được nhà Đường cử sang làm Tiết độ sứ ở nước Nam. Họ Cao đã xây xong thành Đại La và bày trò yểm huyết để ngăn chặn linh khí của nước ta. Một hôm Cao Biền cưỡi thuyền nhẹ đi chơi trên sông nhỏ bao quanh, bỗng gặp một cụ già râu trắng bạc phơ, dung mạo kì dị, đang tắm làm tung sóng nước. Hỏi tên, cụ cho biết mình họ Tô tên Lịch; hỏi nhà ở đâu, cụ đáp ở trong sông này. Nói xong cụ già biến mất. Biết đó là thần, họ Cao bèn đặt tên sông là Tô Lịch.

Xưa kia, Tô Lịch là dòng sông trong mát, người dân thỏa thích bơi lội, tắm tấp trong dòng nước. Trên bến dưới

thuyền tấp nập, có nhiều chùa chiền được xây dựng trên hai bờ.

Nước sông Tô vừa trong vừa mát

Em ghé thuyền đỗ sát thuyền anh.

Ngày nay, nhiều đoạn sông Tô Lịch đã bị lấp, không còn ăn thông với sông Hồng nữa. Lòng sông bị thu hẹp lại, nước sông ô nhiễm nặng, như một cái cống thu nước thải giữa trung tâm Hà Nội. Mặc dù sông Tô Lịch đã được vét lòng và kè bê tông hai bên bờ, không bị xả rác nữa, nhưng nạn ô nhiễm vẫn chưa giải quyết được. Hi vọng sau này có giải pháp toàn diện cứu sống dòng sông này để nó trở lại là một thắng cảnh của Hà Thành.

Sông Kim Ngưu

Kim Ngưu (chữ Hán Việt) có nghĩa là Trâu Vàng. Theo truyện cổ dân gian, Trâu Vàng ở bên Tàu khi nghe tiếng chuông đồng đen của thiền sư Nguyễn Minh Không ở nước Nam thì tưởng là tiếng trâu mẹ gọi liền chạy sang. Đường nó chạy lún xuống thành sông Kim Ngưu.

Ca dao có câu:

Nhị Hà quanh Bắc sang Đông

Kim Ngưu, Tô Lịch là sông bên này

(Tô Lịch ở phía tây, Kim Ngưu ở phía nam kinh thành).

Sông Kim Ngưu xưa là một tuyến giao thông đường thủy, nay nhiều khúc đã bị lấp, không đi thuyền được, chỉ còn lại chức năng là một sông thoát nước cho nội thành Hà Nội.

Sông Lừ

Sông Lừ cổ là một phân lưu của sông Kim Ngưu, tách khỏi Kim Ngưu ở Phương Liệt, chảy về phía nam Thanh Trì và hợp lưu với Tô Lịch. Khi cải tạo hệ thống thoát nước của Hà Nội vào cuối những năm 1990 đầu 2000, người ta đã nắn dòng cho phần lớn lượng nước sông Lừ đổ vào sông Sét rồi vào hồ điều hòa Yên Sở.

Sông Lừ ngày nay chảy qua địa bàn các phường thuộc quận Đống Đa. Đến Phương Liệt, sông chia làm hai, một rẽ sang phía đông tới Giáp Bát và hội lưu với sông Sét; một chảy tiếp về phía nam qua Định Công và hội lưu với sông Tô Lịch tại phía bắc khu đô thị Linh Đàm, càng gần đến chỗ hội lưu thì dòng chảy càng bị thu hẹp lại.

Sông Sét

Sông Sét xưa vốn là một phân lưu của sông Kim Ngưu. Sông Sét ngày nay chảy trong địa phận các quận Hai Bà Trưng và Hoàng Mai.

Suốt nhiều năm bị bùn bồi lắng và bị các công trình xây dựng lấn bờ, nên bề rộng và độ sâu của sông đã giảm đáng kể. Hiện nay đoạn phía bắc của sông chảy qua khu vực các trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Xây dựng Hà Nội và Đại học Kinh tế Quốc dân đến phố Đại La đã được cố định hóa (kè bờ và làm nắp bê tông trên mặt sông thành đường Trần Đại Nghĩa). Đoạn từ phố Đại La đến hồ

Yên Sở được kè bờ, nạo vét, làm đường và trồng cây hai bên bờ.

Sông Cà Lồ

Sông Cà Lồ còn gọi là sông Phù Lỗ, là một chi lưu của sông Cầu và từng là một phân lưu của sông Hồng, có chiều dài 89 km. Nó vốn tách ra khỏi sông Hồng ở xã Trung Hà, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc và hợp lưu với sông Cầu tại ngã ba Xá, tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên, đoạn đầu nguồn (chỗ phân lưu khỏi sông Hồng) đã bị bịt vào đầu thế kỷ 20 nên sông Cà Lồ không còn nối với sông Hồng. Hạ lưu sông Cà Lồ (từ Phù Lỗ) có dòng chảy quanh co, hấp dẫn những người thích ngắm cảnh sông, những người làm phim. Hiện đang có ý tưởng nắn dòng Cà Lồ, cắt các đoạn quanh co để có dòng chảy thẳng nhằm giảm lũ và phục vụ du lịch.

Sông Nhuệ

Sông Nhuệ tức Nhuệ Giang là một con sông nhỏ, phụ lưu của sông Đáy. Sông dài khoảng 76 km, chảy ngoằn ngoèo gần như theo hướng bắc tây bắc - nam đông nam qua địa phận thành phố Hà Nội và tỉnh Hà Nam.

Xưa kia, sông Nhuệ là ranh giới tự nhiên giữa Thăng Long phía đông và xứ Đoài mệnh mông phía tây. Chỉ bước qua con sông đã thấy bao điều kì thú khác biệt. Từ kể sinh nhai đến món ăn thức dụng, từ phương ngữ lạ lùng đến thú chơi dân dã: *"Xù Gạ thì giỏi chẵn tằm, làng La canh cử,*



Các làng nghề bên sông Nhuệ

làng Đăm bơi thuyền"... Ven dòng sông hai bên bờ có nhiều làng cổ đậm chất làng quê Việt, đặc biệt có nhiều làng nghề nổi tiếng, như làng lụa Vạn Phúc, làng rèn Đa Sĩ, làng khảm trai Chuyên Mỹ, làng làm tò he Phượng Dực, làng đan chiếu Phú Túc, làng da giày Giế Thượng, Giế Hạ...

Sông Nhuệ từng được ví như "con đường tơ lụa" và làng Cự Đà là "bến cảng" trung chuyển, tập kết hàng hóa từ tây bắc xuống, hoặc phía nam lên. Hàng hóa từ đây được chở bằng xuồng ra Cầu Trắng (Hà Đông) chuyển về bán ở Kinh kì. Dòng sông trong xanh, mùa cạn còn nhìn thấy cá lội tung tăng dưới đáy; đôi bờ san sát vỏ bèo, thuyền chài xuôi ngược trên sông.

Nhưng giờ đây dòng nước sông
Nhuệ đen đặc, ngập ngụa rác, thoi
thóp và oằn mình gánh chịu rác
và nước thải ngày đêm
rỉ rả chảy ra từ các



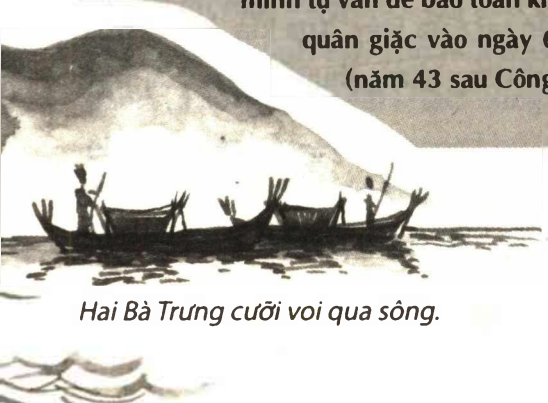
làng nghề, các xí nghiệp, khu dân cư dọc hai bên bờ. Con sông bây giờ ô nhiễm quá nặng, bốc mùi như thuốc sâu, cá tôm đều chết hết, không người nào dám xuống rửa chân...

Sông Đáy

Sông Đáy là một con sông lớn dài khoảng 240 km, là sông chính của lưu vực sông Nhuệ - Đáy ở phía tây nam vùng châu thổ sông Hồng. Sông Đáy chảy gọn trong các tỉnh thành Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình và Nam Định, gần như song song bên hữu ngạn hạ lưu sông Hồng.

Trước đây sông Đáy còn nhận nước của sông Hồng ở địa phận Hà Nội giữa huyện Phúc Thọ và huyện Đan Phượng. Quãng sông này còn có tên là *sông Hát* hay *Hát Giang*. Chỗ sông Hồng tiếp nước là Hát Môn, song hiện nay khu vực này đã bị bồi lấp.

Theo sách *Thiên Nam ngữ lục*, mùa xuân năm Canh Tí (năm 40 sau Công nguyên) tại cửa sông Hát, bà Trưng Trắc cùng em gái là Trưng Nhị phát động khởi nghĩa nhằm đánh đuổi giặc Đông Hán. Tại đây, Hai Bà đã lập đàn và tuyên đọc lời thề xuất quân: “Một xin rửa sạch quốc thù / Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng...”. Sông Hát cũng là nơi Hai Bà gieo mình tự vẫn để bảo toàn khí tiết khi bị yếu thế trước quân giặc vào ngày 6 tháng 3 năm Quý Mão (năm 43 sau Công Nguyên).



Hai Bà Trưng cưỡi voi qua sông.

Xuôi đến Vân Đình thì lòng sông rộng ra, lưu lượng chậm lại nên có thể đi thuyền được. Khúc sông đoạn này men đến vùng chân núi có phong cảnh hữu tình. Đến địa phận huyện Mĩ Đức, sông Đáy tiếp nhận dòng suối Yến (dẫn vào chùa Hương).

Tại Phủ Lí, sông Đáy nối với sông Châu hay còn gọi là sông Phủ Lí.

Đây chính là con đường thủy mà vua Lí Thái Tổ đã đi từ Hoa Lư, qua sông Đáy để ngược sông Hồng về thành Đại La và từ đó có quyết định dời kinh đô về đất Rồng bay năm 1010.

Khi chảy đến ranh giới giữa Hà Nam và Ninh Bình, dòng sông len lỏi qua Kẽm Trống giữa hai bờ đá vôi hiểm trở.

Nữ sĩ Hồ Xuân Hương đã “đặc tả” cảnh Kẽm Trống: *“Hai bên thì núi, giữa thì sông / Có phải đây là Kẽm Trống không? / Gió đập cành cây khua lắc cắc / Sóng dồn mặt nước vỗ long bong”*.

Ngã ba Gián Khẩu gần Ninh Bình là nơi sông Hoàng Long đổ nước vào sông Đáy.

Sông Đáy chảy ra biển tại Cửa Đáy. Xưa kia, khi đường bộ khó khăn, người Việt thường dùng thuyền qua cửa này để ra biển vào Nam.

Cửa Đáy còn lưu lại di tích của vị anh hùng dân tộc Triệu Quang Phục. Năm 571, vì cả nể và cả tin, ông đã để

Lí Phật Tử lửa đồn chạy về Cửa Đáy và đã phải tự tử tại đây.

Vào thời Lí, cửa sông này còn có tên là cửa Đại Ác luôn bị quân Chiêm kéo ra quấy rối. Vua Lí Thánh Tông đã cùng Lí Thường Kiệt xuất 5 vạn quân vượt biển dẹp loạn. Cửa Đại Ác sau đó được đổi là cửa Đại An.

Trước đây, sông Nhuệ, sông Châu, sông Đáy cùng sông Hồng làm nhiệm vụ thoát lũ cho toàn khu vực. Ngoài ra, các sông này còn cung cấp phù sa cho bốn tỉnh và thành phố Hà Nội, đồng thời tạo thuận lợi cho giao thông thủy toàn bộ khu vực mạn phải sông Hồng.

Đầu thế kỉ trước, cùng với việc lấp sông và bịt một số cửa sông của Hà Nội, người Pháp đã ngăn ngọn sông Đáy, ngọn sông Nhuệ và đắp đê bịt luôn cửa sông Châu ở Mạc Thượng và Hữu Bị. Người dân gọi hai điểm này là “tắc giang”. Năm 1937 một con đập đã được xây tại Phùng, ngăn không cho nước sông Hồng chảy vào sông Đáy. Từ đó đến nay chỉ có bốn lần đập này được mở để thoát lũ sông Hồng lên quá cao, có nguy cơ làm vỡ đê. Đó là các năm 1940, 1945, 1969 và 1971.

Hiện nay, sông Đáy chỉ làm nhiệm vụ tiêu nước mưa là chính, đến Ninh Bình nó mới nhận được nước sông Hoàng Long và sông Bôi. Mặt khác, cũng vì sông Đáy bị bịt lại nên giao thông đường thủy trong khu vực kém phát triển, không phục vụ phát triển kinh tế, nhất là tới đây, khi các khu công nghiệp hình thành, nhu cầu này sẽ ngày càng lớn.

Sông Đuống

Sông Đuống tên chữ là sông Thiên Đức dài 68 km, nối sông Hồng với sông Thái Bình. Sông Đuống là đường giao thông thủy nối cảng Hải Phòng với Hà Nội và các tỉnh ở phía bắc Việt Nam. Các loại tàu thuyền, xà lan tải trọng từ 100 tấn đến 450 tấn có thể vận tải trên sông trong cả hai mùa.

Nhắc đến sông Đuống, hầu như ai cũng thuộc những câu thơ trong bài *Bên kia sông Đuống* của thi sĩ Hoàng Cầm.

Sông Đuống không dài, không lớn, nhưng chảy qua một vùng văn hóa đặc sắc của đất nước.

Nơi giao nhau giữa sông Đuống và sông Dâu nằm ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ là vùng đất cổ của Lạc Việt. Đạo Phật đã du nhập vào đây từ rất sớm. Năm 187-226, chùa Dâu được xây dựng. Năm 580, thiền sư Ấn Độ Tì-ni-đa-lưu-chi đến tu ở chùa Dâu và truyền bá Thiền tông, khai sáng phái Thiền Tì-ni-đa-lưu-chi. Thời Bắc thuộc, quận trị của quận Giao Chỉ đặt tại thành Luy Lâu, nay thuộc Thuận Thành.

Ven sông Đuống có rất nhiều di tích văn hóa - lịch sử.

Tại thôn Á Lữ có ngôi mộ và đền thờ Kinh Dương Vương, được coi là thủy tổ của dân tộc Việt. Tại xã Đình Tổ có chùa Bút Tháp nổi tiếng được xây dựng từ thời vua Trần Thánh Tông. Thiền sư Huyền Quang (Trạng nguyên Lí Đạo Tái) đồng thời là một trong ba vị tam tổ phái Trúc Lâm từng tu ở đây. Xuôi về Hà Nội, bên tả ngạn có làng Phù Đổng,



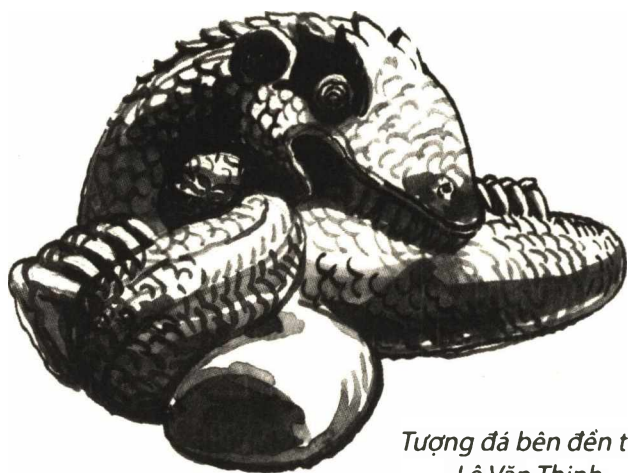
*Sông Đuống - nơi quần
tụ của nhiều ngôi chùa
cổ vùng Kinh Bắc.*

tương truyền là quê hương Thánh Gióng. Tiếp đến là xã Cổ Bi, nơi chúa Trịnh Cương đã xây một hành cung hoành tráng một thời.

Dòng sông Đuống cũng “chứng kiến” những vụ án oan khiến nổi tiếng trong lịch sử. Tại làng Bảo Tháp có đền thờ Lê Văn Thịnh - người đỗ đầu trong kì thi “minh kinh bác học” đầu tiên của nước ta. Vị thái sư này đã bị vu là hóa hổ âm mưu sát hại vua trên hồ Dâm Đàm. Tại đền thờ ông có một pho tượng đá kì lạ. Đó là một con rồng quần quai đau đớn tự cắn vào khúc lưng của mình.

Cách đền thờ Lê Văn Thịnh chẳng bao xa là “hiện trường” vụ thảm án đã làm cả gia tộc Nguyễn Trãi, khai

quốc công thần triều Lê bị tru di. Tại trại vải nơi đây, vua Lê Thái Tông đã nghỉ lại trong chuyến đi kinh lý có bà Thị Lộ là thiếp yêu của Nguyễn Trãi theo hầu. Đêm ấy nhà vua bị chết đột ngột và triều đình đổ tội cho bà Thị Lộ có liên quan đến cái chết của vua. Giờ đây dấu tích vườn vải thuở



*Tượng đá bèn đến thờ
Lê Văn Thịnh*

xưa không còn nữa. Khu di tích Lệ Chi Viên (xã Đại Lai, Gia Bình) bây giờ là cánh đồng lúa xanh mát.

Xuôi dòng đến xã Cao Đức có đền thờ và lăng mộ Cao Lỗ - vị tướng của An Dương Vương, người có công xây thành Cổ Loa và chế tạo nỏ thần liên châu...

Bên vùng đất nam Đuống còn tụ hội nhiều làng nghề thủ công truyền thống độc đáo như: nghề làm tranh dân gian Đông Hồ, tranh tre Xuân Lai, nghề đúc đồng Đại Bái, nghề gốm Luy Lâu...

Sông Luộc

Cũng như sông Đuống, còn có một con sông nối giữa sông Hồng và sông Thái Bình là sông Luộc.

Sông Luộc xưa kia còn có tên chữ là *sông Phú Nông*. Sông dài 72 km, ngã ba giao với sông Hồng tại Phương Trà, huyện Tiên Lữ, Hưng Yên. Đoạn đầu của sông Luộc là ranh giới tự nhiên giữa hai tỉnh Hưng Yên và Thái Bình. Điểm cuối gặp sông Thái Bình tại xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Đất phù sa sông Luộc bồi đắp nên ruộng đồng màu mỡ, làng mạc xanh tươi, nên dòng sông có tên là “Phú Nông”. Các loại tàu thuyền, xà lan có tải trọng dưới 300 tấn đều có thể lưu thông trên sông cả hai mùa.

Xưa, theo phong thủy, vùng Hưng Hà, Thái Bình trên bờ sông Luộc (bấy giờ còn có tên là sông Phổ Đà) được coi là đất phát đế vương. Đây chính là nơi khởi phát của 12 đời vua triều Trần.

SÔNG THÁI BÌNH “LIÊN MẠNG” VỚI SÔNG HỒNG

Lan tỏa khắp đồng bằng Bắc Bộ là mạng lưới của hai hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.

Sông Cầu

Sông Cầu, còn gọi là *sông Như Nguyệt*, *sông Thị Cầu*, *sông Nguyệt Đức*, là con sông quan trọng nhất trong hệ thống sông Thái Bình.

Sông Cầu dài 246 km, bắt nguồn từ phía nam đỉnh Phia Bioóc (cao 1.578 m) từ huyện Chợ Đồn, chảy ngoằn ngoèo giữa hai dãy núi Ngân Sơn và Sông Gâm qua thị xã Bắc Kạn. Đến Thái Nguyên nó có thêm một số chi lưu, trong đó có sông Công ở Phổ Yên. Sau khi nhận thêm nước của sông Cà Lồ, sông Cầu chảy về Ngã ba Lác (Phả Lại) hợp lưu với sông Thương để tạo thành sông Thái Bình.

Năm 1076, hơn 30 vạn quân nhà Tống (Trung Quốc) do Quách Quỳ chỉ huy xâm lược Đại Việt. Lí Thường Kiệt lập phòng tuyến tại sông Như Nguyệt để đánh chặn địch. Nhiều trận quyết chiến ác liệt đã xảy ra tại đây, quân Tống không sao vượt được phòng tuyến Như Nguyệt, đành đóng trại chờ viện binh. Đang đêm, Lí Thường Kiệt cho người vào đền thờ Trương Hống, Trương Hát ở phía nam bờ sông Như Nguyệt, giả làm thần đọc vang bài thơ *Nam quốc sơn hà*.

Tinh thần binh sĩ lên rất cao. Lí Thường Kiệt liền cho quân vượt sông, tổ chức một trận quyết chiến, đánh thẳng vào trại giặc. Phần vì bất ngờ, phần vì sĩ khí quân Đại Việt đang rất mạnh, quân Tống chống đỡ yếu ớt, số bị chết, bị thương đã hơn quá nửa. Lí Thường Kiệt cho người sang nghị hòa, mở đường cho quân Tống rút về nước, giữ vững bờ cõi nước Đại Việt.

Bài thơ *Nam quốc sơn hà* được coi như bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta.



Bên dòng Như Nguyệt

Sông Thương

Sông Thương hay *sông Nhật Đức* (xưa còn gọi là sông Nam Bình, sông Lạng Giang, sông Long Nhữn) là một sông lớn ở địa phận các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Hải Dương và là một chi lưu của sông Thái Bình.

Thời phong kiến, lính thú lên trấn ải biên thùy Lạng Sơn chia tay với gia đình, vợ con tại bến sông này với bao niềm thương nhớ, nên con sông có tên là sông Thương.

Sông Thương nước chảy đôi dòng

Bên trong bên đục em trông bên nào?

Đoạn sông Thương câu ca dao nói tới là đoạn nước đục, nơi nó nhận nước trong xanh của dòng sông Sim từ Hiệp Hòa, Việt Yên chảy vào.

Bên bờ hữu cuối dòng Thương là nơi có vực sâu nhất, xưa kia dưới đáy có nhiều ngọc trai. Dân làng Lá (Tiên La) có nghề mò trai ngọc. Nhưng giờ đây cũng như các dòng sông khác, chất thải công nghiệp đã làm trai ngọc biến mất.

Sông Lục Nam

Sông Lục Nam (còn gọi là *sông Lục*, *sông Minh Đức*) là một phụ lưu của hệ thống sông Thái Bình, chảy qua hai tỉnh Lạng Sơn và Bắc Giang. Sông dài gần 200 km, bắt nguồn từ vùng núi Kham, Đình Lập (Lạng Sơn). Từ Chũ về

đến thị trấn Lục Nam, sông rộng gần 100 m, sâu từ 4 đến 5 m, thuyền lớn hoặc tàu nhỏ có thể qua được. Từ Lục Nam về Phả Lại, sông rộng và sâu hơn, tàu thủy đi lại dễ dàng. Đồi bờ đồng ruộng phì nhiêu, xóm làng trù phú, phong cảnh sơn thủy hữu tình, nên từ thời Pháp thuộc, nhiều tài liệu đã đánh giá sông Lục Nam có cảnh quan đẹp nhất Bắc Kỳ.

Sông Lục Nam nối liền đồng bằng Bắc Bộ với các tỉnh biên giới vùng Đông Bắc. Các tỉnh Thanh, Nghệ đi theo kênh đào nhà Lê, hoặc vượt biển có thể ra đồng bằng Bắc Bộ rất thuận lợi. Từ các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ theo hệ thống sông ngòi, kênh rạch đều có thể về Phả Lại để ngược sông Lục Nam lên Chũ rất dễ dàng.

Do vị trí địa lí quan trọng như vậy, nên dọc theo sông Lục Nam có nhiều làng cổ có niên đại cách nay hơn 1.000 năm. Trong lịch sử nước ta, nhiều cuộc chiến đấu ác liệt chống giặc ngoại xâm đã diễn ra ở khu vực này.

Thời Trần, do đường bộ từ Lạng Sơn về Hà Nội đi lại rất khó khăn nên quân Nguyên Mông đã chọn đường tiến quân từ Lạng Sơn vào Lục Ngạn, theo sông Lục Nam đánh về Phả Lại, hợp với quân thủy từ biển vào để từ đó tiến về Thăng Long. Chúng tràn qua ải Xa Lí đổ vào Lục Ngạn. Quân ta tổ chức đánh chặn ở ải Nội Bàng (Lục Ngạn) rồi theo sông Lục Nam rút về Kiếp Bạc.

Đến nay, dọc theo sông Lục Nam còn khá nhiều di tích gắn với thời Lí - Trần. Ngay ngã ba Phượng Nhân có đền thờ vua Trần Minh Tông. Tiếp theo, vẫn bờ bên trái, ta đến chùa Vĩnh Nghiêm, một trong những khởi nguồn của thiền phái Trúc Lâm, nơi thờ Phật và ba vị tam tổ Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang.

Ngược sông một đoạn ta gặp đền Bạc thờ Trần Hưng Đạo, ngay bên bờ sông, tại chân dãy Côn Sơn của Chí Linh.

Sông Thái Bình

Con sông chỉ thực sự mang tên sông Thái Bình khi nó hợp dòng của ba con sông nói trên. Mặc dù tên sông trùng với tên tỉnh Thái Bình, nhưng sông không thực sự chảy qua tỉnh này, mà chỉ chảy bên hai xã Thụy Tân và Thụy Trường thuộc huyện Thái Thụy, Thái Bình với chiều dài gần 5 km; quá ngắn so với chiều dài sông chảy qua các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương và Hải Phòng.

Sông Thái Bình chia hai phần thượng lưu và hạ lưu rõ rệt.

Đoạn sông ở phía thượng lưu có chiều dài khoảng 64 km, bắt đầu từ nơi hợp lưu của hai con sông Cầu và sông Thương (còn có tên gọi là Ngã ba Lác) gần cầu Phả Lại. Qua cầu Phả Lại, sông Thái Bình chảy ngoằn ngoèo làm ranh giới tự nhiên giữa tỉnh Bắc Ninh và các huyện Chí Linh, Nam Sách của Hải Dương. Tại địa phận

thành phố Hải Dương nó nhận thêm nước của sông Sắt, sau đó, tại ngã ba Mũi Gươm nhận nước từ sông Gù (dài khoảng 4 km, nối sông Thái Bình với sông Văn Úc). Đoạn này của sông Thái Bình kết thúc ở ngã ba Mía. Tại đây nó gặp sông Mía (tên gọi của đoạn sông dài khoảng 3 km nối sông Thái Bình với sông Văn Úc) và sông Cầu Xe.

Đoạn sông ở phía hạ lưu cũng có tên gọi là Thái Bình, dài 36 km, bắt đầu từ nơi được tính là điểm cuối của sông Luộc. Sông đổ ra biển Đông tại cửa Thái Bình.

Ngày trước, hai đoạn sông Thái Bình ở thượng lưu và hạ lưu đều thông với nhau. Về sau, do bị bồi lấp nên dòng chảy thu hẹp lại và không thuận lợi cho giao thông cũng như thoát nước. Đoạn bị bồi lấp này dài khoảng 5 km, hiện đã được kè lại thành một đoạn đập ngăn nước giữa hai đoạn sông Thái Bình.

ĐỀ SÔNG HỒNG - CÔNG TRÌNH LAO ĐỘNG VĨ ĐẠI

Sông Hồng chở nặng phù sa đắp bồi nên đồng bằng châu thổ sớm tạo điều kiện cho sự xuất hiện một nền văn minh lúa nước - Văn minh sông Hồng. Tuy nhiên, dòng sông này không hề yên ả, hằng năm đều có những trận lũ lụt tràn ngập xóm làng, cuốn trôi nhà cửa, nhấn chìm mùa màng. Truyện *Sơn Tinh - Thủy Tinh* cho thấy ngay từ thuở vua Hùng dựng nước, đã diễn ra cuộc chiến đấu của con người chống lại lũ lụt như thế nào.

Ban đầu, dọc theo các triền sông lớn, người ta đắp những bờ bao, bờ vùng để chắn nước cục bộ trong phạm vi hẹp của các bộ tộc, bộ lạc.

Dưới thời Bắc thuộc, chính quyền đô hộ đã mạnh mẽ xây dựng hệ thống đê quanh các trị sở ở Liên Lâu, Long Biên.

Năm 1010, Lí Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, hiên ngang đứng bên dòng sông Hồng vĩ đại, giữa đồng bằng bao la. Sau khi xây dựng Hoàng thành, nhà Lí bắt tay vào thiết lập hệ thống đê điều quy mô lớn.

Năm 1077, nhà Lí cho đắp đê sông Như Nguyệt. Tháng Ba năm Mậu Tí (1108), con đê đầu tiên của sông Hồng được đắp ở phường Cơ Xá, có nhiệm vụ bảo vệ kinh thành Thăng Long.

Thời Trần, thời Lê thường xảy ra lũ lụt nên việc đắp đê luôn được đặt lên hàng đầu.

Dưới triều Nguyễn, kinh đô được chuyển vào Huế, nhưng việc đắp đê sông Hồng vẫn không bị lơ là. Nhà vua cử các đại thần đặc trách về đê điều, có những năm huy động hàng vạn lính và dân phu đắp thêm đê mới.

Thời Pháp thuộc, nạn vỡ đê liên tiếp xảy ra, nhất là dọc tuyến đê sông Hồng. (Riêng ở Hà Nội, từ năm 1905 đến 1945 đã xảy ra vỡ đê 10 lần, có 25 đoạn đê bị vỡ.) Từ 1908 - 1913, chính quyền Pháp cũng đã tổ chức đắp đê

rất quy mô. Tại Hà Nội, năm 1926 đã xây dựng công trình phân lũ đập Đáy I.

Cho đến nay, hệ thống đê hầu như đã bao quanh khắp đôi bờ sông Hồng và các triền sông khác như một mạng mê cung chằng chịt lan tỏa khắp đồng bằng Bắc Bộ. Nhiều nơi mặt đê đã được phủ nhựa hoặc bê tông hóa. Mặt đê rộng rãi trở thành đường giao thông song song với đường sông.

Triền đê dọc sông Hồng dài 1.314 km. Mặc dù chưa thống kê được chiều dài của toàn hệ thống đê sông Hồng và sông Thái Bình, nhưng chắc chắn phải hàng ngàn kilômét nữa. Riêng quanh Hà Nội đã có 20 con đê với chiều dài 800 km, trong đó có 38 km đê cấp đặc biệt bảo vệ thành phố. Sườn đê ven nội thành được các họa sĩ trang trí thành “con đường gốm sứ” dài 3,87 km.

Nhìn chung, các con đê có mặt cắt hình thang, chân đê rộng từ 30 đến 50 m. Ở Việt Trì thân đê cao 17,8 m; ở Hà Nội đê cao trên 14 m; càng về phía biển độ cao của đê càng thấp, nhưng vẫn trên 2,5 m. Khối lượng đất dùng để đắp đê có thể lên tới nhiều triệu mét khối. Đó quả là một kì công, được làm hầu như chỉ bằng sức người, hết thế hệ này đến thế hệ khác.

Tuy nhiên, việc đắp đê như vậy là một sự “cưỡng bức” tự nhiên, nên cũng gây ra những hệ quả không mong muốn.

Nhà địa lí Pháp Pierre Gourou vào đầu thế kỉ 20 từng viết: *“Châu thổ sông Hồng đã bị chết trong tuổi vị thành niên của nó”*. Có thể nói từ thời Lê, đồng bằng châu thổ sông Hồng đã chấm dứt giai đoạn phát triển tự nhiên của mình. Châu thổ sông Hồng chưa được bồi tụ đầy đủ, nhiều nơi còn bị cách li thành những ô trũng “chiêm khê mùa thối”. Lòng sông bị cát bùn bồi lấp ngày càng cao, đê cũng theo đó được đắp cao lên, thành ra trong đồng nội mái nhà còn thấp hơn lòng sông, luôn bị nước lũ uy hiếp. Bị kìm kẹp giữa hai thân đê, sông Hồng càng trở nên hung dữ, luôn “giãy giụa”, bứt phá, gây ngập lụt triền miên. Từ thời nhà Nguyễn đã có nhiều ý kiến về việc bỏ hay giữ đê.

Hệ thống đê điều hiện nay còn nhiều bất cập. Nhà nước đã đề ra luật đê điều, nhưng đê điều thường xuyên bị xâm hại, như nạn khai thác cát làm sụt lở bờ sông, nạn lấn chiếm chân đê, thân đê để dựng lều, lán, thậm chí xây nhà!...

Việc tìm ra giải pháp lâu dài còn cần được nghiên cứu, chẳng hạn như nắn dòng, khai thông, bỏ đê từng đoạn để cho dòng chảy được thuận theo tự nhiên.

ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG NƠI CỬA SÔNG

Đồng bằng sông Hồng chính là cái nôi của nền văn

minh lúa nước. Từ Cổ Loa thời An Dương Vương, đến Luy Lâu, Long Biên trong thời kì Bắc thuộc, từ Hoa Lư thời Đinh - Tiền Lê, đến Thăng Long của kỉ nguyên Đại Việt, vùng này đã trở thành trung tâm phát triển của đất nước.

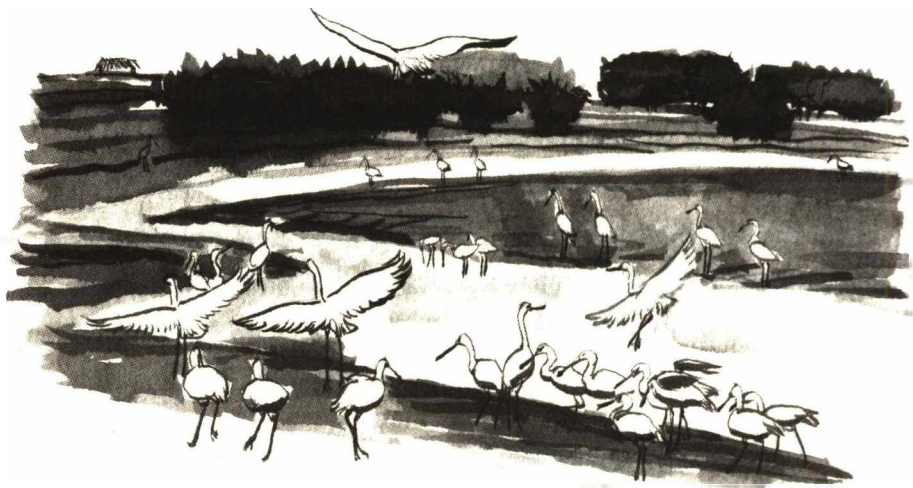
Bên cạnh nền nông nghiệp truyền thống, dọc theo chiều dài con sông cũng mọc lên các đô thị lớn, như Hà Nội, Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình...

Đồng bằng sông Hồng mở rộng dần về ven biển, hình thành nên một dải đất mới. Về mặt địa lí, người ta gọi đó là "tiểu vùng duyên hải". Đây là phần châu thổ mới tạo thành, phần lớn chỉ cao dưới 1m so với mực nước biển, nơi thủy triều và nước mặn có thể tràn ngập đất đai nếu không có đê ngăn chặn. Quá trình hình thành đồng bằng trong khu vực vẫn đang tiếp diễn nhờ vào việc bồi tụ phù sa của sông Hồng và các chi lưu chuyển ra biển.

Ở đây có sự khác biệt tương đối rõ rệt giữa cửa sông Thái Bình và cửa sông Hồng. Do dòng chảy của sông Thái Bình yếu, lượng phù sa ít nên ảnh hưởng của biển tương đối mạnh, đường bờ biển hầu như không bị quá trình trầm tích phù sa đẩy lùi nên tương đối ổn định. Còn cửa sông Hồng, do dòng chảy mạnh, lượng phù sa lớn nên cửa sông tiến nhanh ra biển. Trên cơ sở đó, người nông dân đồng bằng Sông Hồng tích cực khai đê lấn biển để khai phá vùng cửa sông. Hệ thống đê ở đây có chức năng chống ngập mặn

nhiều hơn là chống lũ. Tuy nhiên, so với các vùng ven biển khác, ảnh hưởng của thủy triều và biển ở vùng này yếu hơn so với ảnh hưởng của sông, nước mặn vào không sâu, dòng chảy ngược kém...

Đây là khu vực được khai phá muộn nhất trong cả vùng đồng bằng sông Hồng. Từ thời nhà Trần, nhất là từ thời Lê, cư dân đồng bằng sông Hồng bắt đầu có xu hướng chuyển dịch ra phía biển để khai phá mảnh đất đầy tiềm năng này. Đặc biệt là những bãi triều như Kim Sơn (Ninh Bình), Tiền Hải (Thái Bình) mới được khai phá cách đây khoảng 200 năm (vào những năm 1820), nhờ sáng kiến của Nguyễn Công Trứ, một nhà thơ, một vị quan có tâm và có tài đã



Rừng ngập mặn Xuân Thủy - Nam Định

đứng ra chiêu mộ dân nghèo, đắp đê lấn biển, lập ấp. Những cư dân đến khai phá vùng đất này chủ yếu là từ miền trung du hoặc vùng châu thổ trung tâm. Cũng có một bộ phận nhỏ là từ các miền Bắc Trung Bộ, như Thanh Hóa chẳng hạn.

Ngoài cây lúa, vùng này còn có nghề sản xuất muối, trồng cói, nuôi trồng và khai thác thủy sản.

Khu vực châu thổ sông Hồng gồm các vùng đất phía nam duyên hải Bắc Bộ ở cửa sông Đáy, sông Hồng và sông Thái Bình được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới. Đây là một vùng đất ngập nước ven biển chứa đựng những hoạt động kiến tạo địa chất và đa dạng sinh học có giá trị nổi bật toàn cầu. Nơi đây có 12 kiểu sinh cảnh chủ yếu, gồm bãi bùn, bãi cát ngập triều, trảng cỏ, sậy, rừng ngập mặn cùng các cồn cát phi lao...

Khu dự trữ sinh quyển châu thổ sông Hồng có hai vùng lõi, là Vườn Quốc gia Xuân Thủy và Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải.

Đây cũng là một địa chỉ du lịch khám phá để tìm hiểu thiên nhiên qua các lạch nước, các bãi rừng sú vẹt, thăm các đảo nhỏ và ngọn hải đăng, quan sát các loài chim nước, chim di cư bay rợp trời...

CỬU LONG CHÍN RỒNG QUỲ SÓNG

Sông Mêkông dài 4.880 km, là một trong những con sông lớn nhất trên thế giới, bắt nguồn từ Trung Quốc, chảy qua Lào, Myanmar, Thái Lan, Campuchia, Việt Nam và đổ ra Biển Đông. Tính theo độ dài, sông Mêkông đứng thứ 12, còn tính theo lưu lượng nước đứng thứ 10 trên thế giới.

MÊKÔNG TRƯỚC KHI “HÓA RỒNG”

Trước khi đổ vào nước ta với tên gọi sông Cửu Long, dòng Mêkông đã chảy qua năm quốc gia láng giềng.

Sông bắt nguồn từ cao nguyên Tây Tạng - nóc nhà của thế giới. Tại đây nó có nhánh tây bắc và nhánh bắc chảy về. Trước đây người Tây Tạng biết rõ hơn về nhánh tây bắc chảy gần đèo Lungmug và coi đây là nhánh sông chính. Mãi đến cuối thế kỉ 20, các nhà khoa học Trung Quốc, Pháp, Mĩ, Nhật... qua nhiều lần khảo sát đã xác nhận, nhánh phía bắc mới là ngọn nguồn của dòng sông. Nhánh này bắt nguồn từ rặng núi Guosongmuchu có độ cao 5.224 m.

Gần một nửa chiều dài sông chảy qua Tây Tạng và tỉnh Vân Nam của Trung Quốc.

Ở đoạn đầu nguồn nó được gọi bằng tiếng Tây Tạng là *Dza Chu*, tức *Trát Khúc*. Trát Khúc hợp lưu với một nhánh khác tên là *Ngang Khúc* ở gần trấn Qamdo (Xương Đô), khu tự trị Tây Tạng để thành sông Lan Thương.

Lan Thương Giang - tiếng Hán có nghĩa là “con sông cuộn sóng” - chảy qua tỉnh Vân Nam. Phần thượng lưu sông chảy qua các hẻm núi sâu, và khi ra khỏi Trung Quốc thì độ cao chỉ còn khoảng 500 m so với mực nước biển.

Sông Mê Kông chảy theo biên giới Myanmar và Lào dài khoảng 200 km.

Chảy hết đường biên giới hai nước, sông Mê Kông gặp sông Sop Ruak tạo thành một ngã ba sông, đồng thời là ngã ba biên giới ba nước Myanmar - Lào - Thái. Đó là nơi có cái tên nổi tiếng: *Tam giác Vàng*.

Sự độc đáo của văn hóa từng nước có lẽ được thể hiện mạnh nhất ở đây: Thái Lan nhộn nhịp, rực rỡ sắc màu, Lào trầm lắng, cổ kính và Myanmar yên ắng, bí ẩn. Thật kì lạ, đây là địa bàn nổi tiếng thế giới về buôn bán, nhưng lại có rất nhiều ngôi chùa cổ. Thị trấn Mae Sai thuộc tỉnh Chiang Rai bên bờ sông là điểm cực bắc của Thái Lan.

Bắt đầu từ hạ lưu, dòng sông từ biệt đất nước Myanmar để trở thành biên giới tự nhiên giữa hai nước Lào và Thái Lan.

Tên Mêkông thực ra bắt nguồn từ tiếng Lào và Thái là *Mènam Khong* (*Mènam* nghĩa là “sông”). Sử cũ nước ta gọi sông này là *Sông Khung*.

Hết biên giới hai nước, sông chuyển dòng theo hướng tây - đông vào sâu hẻm nước Lào, đến tận Luang Prabang.

Một điều lí thú là còn có một nhánh nhỏ của thượng lưu sông Mêkông bắt nguồn từ Điện Biên chảy xuống. Đó là sông Pa Thơm do sông Nậm Rốm chảy qua thung lũng Mường Thanh và sông Nậm Lúa nhập làm một, khi sang đất Lào nó gặp nhánh sông Mêkông ở Ban Chum. Như vậy, có một phần nước của người Tây Bắc nước ta cũng theo dòng Mêkông gửi vào miền Nam thương yêu.

Khoảng sông ở Lào đặc trưng bởi các hẻm núi sâu, các dòng chảy xiết và những vũng nước sâu khoảng nửa mét vào mùa khô. Nó mở rộng ra ở phía nam Luang Prabang, có nơi rộng tới 4 km và sâu tới 100 m, mặc dù có sự chênh lệch lớn giữa các mùa. Do vậy từ đây tàu bè có thể xuôi ngược dễ dàng theo dòng sông.

Luang Prabang (theo tiếng Lào là *Luông Phạ Bang*) là kinh đô cổ của vương quốc Lan Xang (vương quốc Triệu Voi). Tại đây còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử - văn hóa, được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới.

Từ Luang Prabang, xuôi theo dòng về hướng nam khoảng 450 km là tới thủ đô Viêng Chăn.

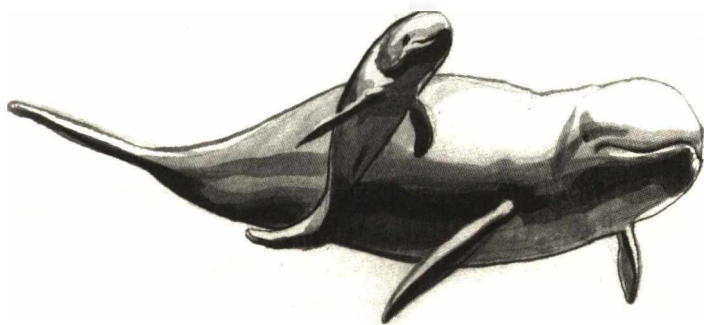
Viêng Chăn trong tiếng Lào có nghĩa là “Thành phố Trắng”, theo tên cổ tiếng Pali còn có nghĩa là “Thành phố

Đàn hương”; trước đây cũng từng phiên sang tiếng Việt là *Vạn Tượng*.

Bên kia bờ là tỉnh Nong Khai của Thái Lan. Tại khúc sông này, năm 1994 cầu Hữu Nghị nối hai bờ Lào - Thái đã được xây dựng với chiều dài 1.240 m.

Sông Mê Kông tiếp tục là ranh giới tự nhiên giữa Lào và Thái. Trên chặng này có con sông nhánh *Mènam Mun* (sông Mun) dài gần 700 km từ cao nguyên Khorat chảy đến hợp dòng với Mê Kông tại Khong Chiam, tạo nên vùng ngã ba Thái - Lào - Campuchia. Vùng này được mệnh danh là “Tam giác Ngọc”, tương ứng với “Tam giác Vàng” phía bắc.

Dòng sông mở rộng nhất khi chảy vào tỉnh Champasak ở Hạ Lào, mùa mưa rộng mênh mang tới 14 km, ôm ấp vùng Siphandon với bốn ngàn hòn đảo nhỏ. Đây được coi là “thiên đường du lịch” dành cho du khách đi thuyền *kayak* thăm thú thiên nhiên hoang dã, dân tình mộc mạc, ngắm các chú cá heo Irrawady đặc hữu của dòng Mê Kông bơi lội.



Cá heo Irrawady

Thác Khôn với vẻ hùng vĩ được mệnh danh là “Niagara châu Á”, “Hòn ngọc của sông Mêkông”.

Thác Khôn nằm trong tỉnh Champasak giáp với tỉnh Stung Treng, Campuchia. Thác có độ cao 21 m, trải dài trên 10 km. Vào mùa mưa thác chảy cuộn cuộn, hơi nước bốc lên mù mịt như khói tỏa khắp bầu trời, nên còn được du khách đặt tên là “Thác Khói”.

Vào cuối thế kỷ 19, khi thành lập Liên bang Đông Dương, người Pháp có ý định dùng dòng Mêkông làm con đường thủy nối liền ba nước, từ Nam Kì, qua Campuchia đến Lào. Bị thác Khôn ngăn cản, họ đã xây dựng một con đường sắt lách giữa hai đảo lớn để chuyển tiếp cho tàu thuyền hai đầu thác.

Sông Mêkông chảy sang Campuchia lại mang thêm tên là **Tônglê Thơm**, theo tiếng Khơme có nghĩa là “sông Lớn”.

Tại khu vực tỉnh Stung Treng, sông Mêkông được bổ sung thêm hai nguồn nước đáng kể từ Tây Nguyên nước ta. Đó là sông Xrê Pôk bắt nguồn từ Đắk Lắk và sông Xê Xan bắt nguồn từ Gia Lai, Kon Tum.

Xrê Pôk và Xê Xan

Xrê Pôk chảy trên đất Tây Nguyên, qua mỗi vùng miền lại mang tên gọi khác nhau.

Sông dài 315 km, bắt nguồn từ cao nguyên Đắk Lắk với tên gọi là Krông Buk chảy theo hướng bắc - nam; sau khi hợp lưu với sông Krông Pach thì chuyển sang hướng đông - tây chảy

qua hồ Lăk và mang tên Krông Ana; sau đó lại nhận nước từ sông Krông Kno từ Lang Biang chảy xuống theo hướng đông nam - tây bắc, từ đây sông mang tên Xrê Pôk để chảy vào sông Mêkông ở Campuchia.

Sông Xê Xan dài 210 km, xuất phát từ Kon Tum với tên gọi Krông Pôcô, sang Campuchia nhập với sông Mêkông. Lòng sông Xê Xan nhiều thác ghềnh, trong đó có thác Yaly cao tới 40 m. Tại đây đã xây dựng nhà máy thủy điện lớn mang tên thác - Nhà máy thủy điện Yaly.



Thác Yaly.

Dòng Mêkông càng thêm dồi dào nước, chảy đến thủ đô Phnôm Pênh, thì hợp lưu với sông Tônglê Sap từ bên hữu ngạn chảy tới.

Tônglê Sap vừa là sông, vừa là hồ, thường được gọi là ***Biển Hồ***.

Biển Hồ

Thường thì vào mùa khô, từ tháng 11 đến tháng 5 hồ khá hẹp và nông, độ sâu chỉ khoảng 1 m với diện tích 10.000 km². Vào mùa mưa bắt đầu từ tháng 6, lẽ ra sông Tônglê Sap rút nước từ hồ ra sông Mêkông thì ngược lại, sông chảy ngược dòng, tiếp nước vào hồ khiến mực nước hồ dâng cao và tăng diện tích hồ lên tới 16.000 km². Với lượng nước đó, hồ có thể sâu đến 9 m, làm ngập lụt đồng ruộng và cây rừng. Vùng ngập nước biến thành nơi sinh sản lí tưởng của nhiều loài cá nước ngọt. Đến tháng 10 thì nước lại rút theo sông Tônglê Sap ra sông Mêkông.

Nhờ có hồ Tônglê Sap điều tiết nước mà hạ lưu sông Mêkông bớt nạn lũ lụt vào mùa mưa, và ngược lại vào mùa khô khoảng 50% lượng nước sông ở châu thổ sông Cửu Long là do hồ Tônglê Sap bù vào.

Từ Phnôm Pênh, sông Mêkông chia thành hai nhánh chảy vào Nam Bộ nước ta.

Nhánh bên trái phía trên khi ấy vẫn gọi là Mêkông, vào Việt Nam là dòng Tiền Giang.



Bắt cá hô ở Biển Hồ sông Mêkông

Nhánh bên phải phía dưới là sông Ba Thắc (Bassac), vào Việt Nam là dòng Hậu Giang.

HÀNH TRÌNH SÔNG TIỀN VÀ SÔNG HẬU

Mêkông chảy vào Việt Nam mang tên là sông Cửu Long, có nghĩa là Chín Rồng, vì hai sông này đổ ra biển bằng chín cửa (mặc dù bây giờ hai cửa đã bị lấp).

Hai con sông Tiền và sông Hậu có chiều dài xấp xỉ nhau từ 245 đến 250 km.

Sông Tiền

Sông Tiền là nhánh phía bắc của dòng Mêkông đổ nước vào Việt Nam tại thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Tại đây có cửa khẩu quốc tế đường sông Vĩnh Xương. Với lợi thế giao thông thủy, đây là con đường buôn bán và du lịch thuận tiện giữa hai nước Việt Nam và Campuchia. Tân Châu từ xưa có thương hiệu lụa nổi tiếng nhuộm đen bóng từ lá mặc nưa.

Sông Tiền trở thành ranh giới giữa hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp, chảy qua thị trấn Hồng Ngự xuôi về Cao Lãnh, Sa Đéc, hai đô thị của tỉnh Đồng Tháp.

Sông chảy qua vùng Đồng Tháp Mười mênh mông rừng tràm, chằng chịt kênh rạch. Đất đai Đồng Tháp màu mỡ phù sa, là vựa lúa lớn của miền Tây Nam Bộ. Tại đây còn có những giống lúa nổi tự nhiên theo nước ngập, gọi là lúa trời không phải gieo cấy, mọc từ tháng 4 đến tháng 10 không mất công chăm bón.

Cao Lãnh là thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Đồng Tháp, từ xa xưa đã là một đô thị sầm uất. Sông Cao Lãnh là một nhánh nhỏ của sông Tiền tách ra, sau 15 km lại quay trở về sông Tiền.

Cầu Mỹ Thuận bắc qua sông Tiền cách Thành phố Hồ Chí Minh 125 km là cây cầu dây văng đầu tiên của nước ta. Cầu dài 1.535 m, nối liền hai tỉnh Vĩnh Long và Tiền Giang.

Qua khỏi cầu Mỹ Thuận, dòng sông Tiền chia làm ba nhánh chảy ra biển. Chúng ta sẽ lần lượt xuôi theo các

nhánh sông này để tìm ra chín cửa sông - chín con rồng “Cửu Long Giang”.

Sau khi tách dòng Cổ Chiên và Hàm Luông, sông Tiền vẫn được mang tên chính của nó. Ngoài ra, do chảy qua thành phố Mỹ Tho, nó còn có tên là sông Mỹ Tho.

Qua khỏi cầu Mỹ Thuận, sông chảy đến thị trấn Cái Bè có chợ nổi đặc trưng cho sinh hoạt văn hóa miền Tây Nam Bộ.

Tiếp đến, là khúc sông Rạch Gầm - Xoài Mút, nơi diễn ra trận đánh lịch sử vang dội chiến công của quân Tây Sơn.

Trận Rạch Gầm - Xoài Mút

Năm 1784, vua Xiêm cử hai đạo quân thủy lục sang giúp chúa Nguyễn Ánh chống lại quân Tây Sơn. Liên quân Xiêm - Nguyễn gồm 2 vạn quân và 300 chiến thuyền đóng căn cứ tại Sa Đéc, Trà Tân (Cai Lậy). Nhà Tây Sơn cử Nguyễn Huệ đến trực tiếp chỉ huy. Ông chọn khúc sông Mỹ Tho từ Rạch Gầm đến Xoài Mút, cách Mỹ Tho khoảng 12 km, làm trận địa quyết chiến.

Đêm 18-1-1785 (ngày 8 tháng Chạp năm Giáp Thìn), lợi dụng con nước đang xuôi, cả hai đạo thủy bộ quân Xiêm cùng rầm rộ tấn công.

Đến khoảng đầu canh năm ngày 19-1, đoàn thuyền chiến của địch lọt vào trận địa mai phục của quân Tây Sơn ở Rạch Gầm - Xoài Mút. Mở đầu trận đánh, hai đội thủy binh Tây Sơn từ Rạch Gầm, Xoài Mút bắt ngờ lao ra, chặn đánh hai đầu, dồn

quân địch vào vòng vây đã bố trí sẵn. Đồng thời, từ hai bờ sông Tiền (đoạn Rạch Gầm - Xoài Mút) và dọc bờ cù lao Thới Sơn, bãi Tôn, cồn Bà Kiểu, Rừng Dừa... đại bác cùng pháo hỏa hổ của bộ binh Tây Sơn bắn ra dữ dội vào khúc giữa đoàn thuyền địch lúc bấy giờ đang bị ùn lại.

Đoàn thuyền Tây Sơn đồng loạt từ những nhánh rạch nhỏ chảy quanh các cồn bãi, nhanh chóng kéo ra đánh chặn đầu. Một đoàn thuyền Tây Sơn khác ẩn náu sau cù lao Thới Sơn, xông ra đánh mạnh vào hông (nhằm chia cắt đội hình) và đánh chặn đường lui, dồn đoàn thuyền của đối phương vào thế tiến thoái lưỡng nan. Cùng lúc ấy, quân Tây Sơn cho những thuyền nhẹ chở đầy vật liệu dễ cháy đâm thẳng vào những chiến thuyền giặc đang rối loạn, khiến cho số bị chìm, số bị cháy...

Kết quả là, trong không đầy một ngày, 300 chiến thuyền và 2 vạn thủy binh Xiêm cùng một số quân của chúa Nguyễn đã bị quân Tây Sơn phá tan.

Qua thành phố Mĩ Tho một đoạn, sông lại rẽ làm hai ngả chảy về Cửa Tiểu và Cửa Đại ra biển.

- “Cửa Rông” số 1: Cửa Tiểu

Sông Cửa Tiểu có chiều dài khoảng 45 km, chảy theo hướng tây - đông bắt đầu từ cù lao Tấu (cách cầu Rạch Miễu khoảng 14 km về phía hạ lưu của sông Tiền), chảy qua các huyện Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông của Tiền Giang và đổ vào biển Đông tại Cửa Tiểu, huyện Gò Công Đông.

Xưa kia khi người dân mới đến khai khẩn, tại các gò đồi nơi đây có rất nhiều chim công, nên gọi là Gò Công.

Đó là cách lí giải về địa danh này. Phan Thanh Giản trong tác phẩm *Đại Nam quốc sử* đã ca ngợi Gò Công là đất “địa linh nhân kiệt”, nơi xuất thân của rất nhiều danh nhân. Đó là danh tướng Võ Tánh đầu triều Nguyễn, Đại nguyên soái dân phong Trương Định, thủ lĩnh nghĩa quân kiên cường chống Pháp. Gò Công cũng là quê hương của Hoàng thái hậu Từ Dũ và Hoàng hậu Nam Phương.

Nhà văn Hồ Biểu Chánh đã lấy bối cảnh quê hương Gò Công để sáng tác nhiều tiểu thuyết từ khi văn học chữ quốc ngữ mới hình thành.

- “Cửa Rông” số 2: Cửa Đại

Sông Cửa Đại là ranh giới giữa hai tỉnh Tiền Giang và Bến Tre. Kẹp giữa Cửa Đại và Cửa Tiểu là Cù lao Lợi Quan thuộc huyện Tân Phú Đông - vùng chuyên canh đặc sản măng cầu xiêm nổi tiếng.

- “Cửa Rông” số 3: Cửa Ba Lai

Sông Ba Lai vốn là một phân lưu trực tiếp của sông Tiền tại xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nhưng vào khoảng đầu thế kỉ 20 dòng chảy từ sông Tiền đến địa phận xã An Hóa (huyện Châu Thành, Bến Tre) bị phù sa bồi đắp nên ngày càng nông và hẹp. Ngày nay, nguồn nước của sông Ba Lai chủ yếu từ sông Mĩ Tho sang qua kênh An Hóa. Bắt đầu từ ngã tư kênh An Hóa, sông

chảy theo hướng đông nam đổ ra biển Đông tại cửa Ba Lai, nằm giữa hai huyện Bình Đại và Ba Tri. Tuy nhiên, do dòng chảy của sông Ba Lai yếu nên không đẩy được phù sa dạt từ cửa Đại vào cửa Ba Lai. Từ đó cửa Ba Lai cũng bị phù sa bồi đắp và dòng chảy sông Ba Lai bị nghẽn ở đầu ra cửa biển. Do đó sông Ba Lai đang dần dần trở thành dòng sông “chết”.

- “Cửa Rông” số 4: Cửa Hàm Luông

Sông Hàm Luông tách ra khỏi sông Tiền từ địa phận xã Tân Phú, Châu Thành, đổ ra biển Đông tại cửa Hàm Luông. Con sông này vốn có tên gọi là *Hàm Long* (có nghĩa là “hàm rồng” của sông Cửu Long), nhưng vì dưới thời nhà Nguyễn phải tránh húy chữ “Long” trong niên hiệu vua Gia Long, nên phải đọc trại đi thành “Luông”.

Sông có chiều dài khoảng 70 km, lòng sông sâu từ 12 - 15 m, rộng trung bình từ 1.200 đến 1.500 m, đoạn gần cửa biển rộng đến hơn 3.000 m. Sông Hàm Luông có lưu lượng nước dồi dào nhất so với các sông khác của tỉnh Bến Tre, góp phần tạo nên sự trù phú của các huyện Chợ Lách, Châu Thành, Mỏ Cày, Giồng Trôm, Ba Tri và thị xã Bến Tre. Trên sông có những cù lao hoặc cồn đất nổi tiếng như cù lao Tiên Long, cù lao Thanh Tân, cù lao Lăng, cù lao Ốc, cù lao Lá, cù lao Đất, cồn Hố, cồn Lợi, v.v...

Phía trên cửa Hàm Luông mới hoàn thành chiếc cầu

bê tông cốt thép dài 1.280 m, rộng 16 m, khoang thông thuyền 80 m, trong đó ba nhịp giữa có khẩu độ tới 150 m.

Nhờ có cầu này, đường tới Thành phố Hồ Chí Minh được rút ngắn hơn 70 km so với trước, khi xe chạy theo quốc lộ 60.

- “Cửa Rông” số 5: Cửa Cổ Chiên

Sông Cổ Chiên tách ra khỏi dòng Tiền Giang từ thành phố Vĩnh Long, tỉnh lỵ của tỉnh Vĩnh Long. Nằm giữa trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, từ Vĩnh Long có mọi con đường tỏa đi khắp các tỉnh miền Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Tỉnh Vĩnh Long có ruộng đất phì nhiêu, đồng lúa xanh tốt. Sông nước bao quanh các cù lao có vườn cây trái đặc sản như bưởi, chôm chôm, nhãn, măng cụt, cam quýt, xoài...

Sông Cổ Chiên về cuối dòng lại tách ra hai nhánh để chảy ra hai cửa biển.

Một nhánh chảy ra cửa Cổ Chiên lệch về phía tỉnh Bến Tre. Bến Tre là vạt cuối của đồng bằng sông Cửu Long có hình rẽ quạt, mở rộng về phía biển. Trên dòng sông Cổ Chiên cũng có nhiều đảo nhỏ là cù lao Nai, cồn Chen, cồn Dung, cồn Lớn.

Tại Cổ Chiên có bến phà nối liền hai bờ Bến Tre và Trà Vinh; cầu Cổ Chiên được xây dựng thay thế bến phà này tạo điều kiện giao thông thuận lợi hơn.

- “Cửa Rông” số 6: Cửa Cung Hầu

Một nhánh sông chảy về phía cửa Cung Hầu, lệch sang phía tỉnh Trà Vinh. Tỉnh Trà Vinh nằm kẹp giữa hai dòng sông Tiền và sông Hậu, là vùng đồng bằng ven biển, có các gò, giồng đất và mạng lưới kênh rạch chằng chịt. Ngoài ruộng lúa, vườn cây, đây cũng là một ngư trường lớn của Nam Bộ.

Cửa biển Cung Hầu là tên gọi trên sách vở, bản đồ; người dân thì vẫn quen gọi là cửa Cồn Ngao. Nhà văn Nam Sơn giải thích: *“Cửa biển Cung Hầu là do người Pháp viết trật chớ trước đó nhà Nguyễn đặt tên đơn vị hành chánh là Cồn Ngao. Theo những cụ già xưa, sở dĩ dân kêu vùng này là Cồn Ngao vì nơi đây mọc lên cái cồn cát, nghêu về đặc rệt. “Nghêu” đọc trại thành “ngao”.*

Sông Hậu

Tại Campuchia, sông Hậu có tên là sông Bassac, thường được phiên là Ba Thắc. Đến Việt Nam, sông Hậu chảy vào thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, cách TP Hồ Chí Minh 245 km.

Dọc biên giới Châu Đốc có dãy Thất Sơn huyền bí với nhiều di tích, thắng cảnh nổi tiếng, là vùng văn hóa đan xen của nhiều dân tộc Khơme, Chăm, Kinh và Hoa. Đó là những đền miếu Bà chúa Xứ, Lăng Thoại Ngọc Hầu, chùa Tây An, chùa Xà Tón... cùng các lễ hội như Chol Chnam Thmay, Đolta, Hát Gi, Đua bò Bảy Núi...



*Tượng đài cá ba sa ở công viên
ngã ba sông Châu Đốc*

Trên sông, bên cạnh các loài cá tự nhiên còn phát triển nhiều bè cá ba sa, đem lại đời sống ấm no cho người dân An Giang. Tại bến sông Châu Đốc, có một tượng đài ghi công loài cá này.

Dòng sông Hậu chảy qua những cánh đồng lúa màu mỡ về đến thành phố Long Xuyên - tỉnh lỵ của An Giang. Tại đây có cù lao Ông Hổ vừa là thắng cảnh vừa có khu di tích tưởng niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng...

Sông xuôi về thành phố Cần Thơ, được mệnh danh là Tây Đô - trung tâm của miền Tây Nam Bộ.

Tháng 2-1919, trên tạp chí *Nam Phong* có đăng loạt bài du kí *Một tháng ở Nam Kỳ* của Phạm Quỳnh. Bài báo viết: *"Cần Thơ có cái vẻ mỹ miều xinh xắn, sạch sẽ phong quang, thật xứng tên làm tỉnh đầu miền tây (La capitale de L'Ouest - Tây Đô). Đường phố thẳng thang, nhà cửa san sát, các nhà buôn Tây cũng nhiều hơn, có chỗ coi xinh đẹp hơn ở Sài Gòn."*

Cần Thơ là đô thị hạt nhân của miền Tây Nam Bộ từ thời Pháp thuộc, nay tiếp tục là trung tâm kinh tế của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài đặc trưng về địa lí là đầu mối giao thông quan trọng giữa các tỉnh trong khu vực, thành phố Cần Thơ còn được biết đến như một "đô thị miền sông nước". Thành phố có hệ thống sông ngòi chằng chịt, vườn cây ăn trái bạt ngàn, đồng ruộng mênh mông, nổi tiếng



Phà trên sông Hậu

với bến Ninh Kiều, chợ nổi Cái Răng mang nét sinh hoạt đặc trưng văn hoá Nam Bộ.

Thành phố Cần Thơ còn có hệ thống kênh rạch dày đặc, với hơn 158 sông, rạch lớn nhỏ là phụ lưu của hai sông lớn là sông Hậu và sông Cần Thơ chảy qua thành phố nối thành mạng đường thủy. Các sông rạch lớn khác là sông Bình Thủy, sông Trà Nóc, sông Ô Môn, sông Thốt Nốt, kênh Thơm Rơm và nhiều kênh lớn khác tại các huyện ngoại thành Thốt Nốt, Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ và Phong Điền, cho nước ngọt suốt hai mùa mưa nắng, tạo điều kiện cho nhà nông làm thủy lợi và cải tạo đất.

Cầu Cần Thơ là cây cầu bắc qua sông Hậu, nối thành phố Cần Thơ và tỉnh Vĩnh Long. Tại thời điểm hoàn thành (2010), đây là cây cầu dây văng có nhịp chính dài nhất Đông Nam Á.

Phần hạ lưu của sông Hậu càng thêm mở rộng. Tỉnh Hậu Giang mang tên của con sông này năm



trong nội địa của Đồng bằng sông Cửu Long, là một trong những trung tâm lúa gạo của miền Tây Nam Bộ. Tỉnh có thể mạnh về cây lúa và cây ăn quả các loại, có nguồn thủy sản phong phú, chủ yếu là tôm cá nước ngọt và chăn nuôi gia súc. Tỉnh Hậu Giang có một hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt với tổng chiều dài tới 2.300 km, tạo nên mạng lưới giao thông tỏa ra khắp các miền trong tỉnh.

Sông Hậu tiếp tục chảy về xuôi, một bên là Trà Vinh, một bên là Sóc Trăng. Tại bến Đại Ngãi, nơi có đường quốc lộ cắt qua, dòng sông chia thành ba ngả chảy ra biển, nhưng nay chỉ còn hai.

- “Cửa Rông” số 7: Cửa Định An

Định An là cửa thứ bảy của “Chín Rông”. Đoạn sông chảy ra cửa biển này có tên là sông Cồn Cọc. Hiện nay, cửa Định An là luồng lạch chính để tàu xuôi ngược lên Cần Thơ. Định An đang phát triển thành một khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, trở thành một trong những trung tâm kinh tế, văn hoá của tỉnh Trà Vinh và Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, luồng lạch cửa Định An thường xuyên bị bùn cát bồi lấp nên phải định kì tiến hành nạo vét để tàu có tải trọng lớn qua lại được.

- “Cửa Rông” số 8: Cửa Ba Thắc

Xa xưa, khi khúc sông Hậu chảy ra cửa Ba Thắc, khu vực gần cửa sông này gồm Sóc Trăng và một phần Bạc Liêu được gọi là Ba Thắc. Đến thế kỉ 18, đây vẫn là địa danh

của mảnh đất Sóc Trăng (người Pháp viết là *Bassac*), gắn với loại lúa gạo mang tên Ba Thắc ngon nổi tiếng khắp Nam Kỳ lục tỉnh. Thương cảng Ba Thắc cũng nức tiếng một thời. Từ năm 1970, cửa sông Ba Thắc bị vùi lấp khiến sông Cửu Long chỉ còn bầy “con rồng” nhả nước ra biển khơi. Hiện nay, tại Sóc Trăng còn một nơi tồn tại tên gọi Ba Thắc, đó là Ba Thắc Cổ Miếu.

- “Cửa Rồng” số 9: Cửa Trần Đề

Cuối dòng Hậu Giang ngày nay là cù lao Dung, hai bên có hai dòng chảy gần như song song. Một bên là sông Cồn Cọc đổ ra cửa Định An. Bên kia là một con lạch nhỏ gọi là Cồn Tròn đổ sang cửa Trần Đề. Thiết bị định vị vệ tinh toàn cầu đã xác định tọa độ sông Cồn Tròn ngày nay chính là sông Ba Thắc xưa.

Trần Đề là tên một cửa biển, có bản đồ ghi là Tranh Đề và có nhiều cách giải thích chưa ngã ngũ. Theo nhà nghiên cứu văn hóa Nam Bộ Trương Ngọc Tường, thời Nguyễn, vùng đất Cần Thơ ngày nay gọi là Trấn Giang, vùng đất Sóc Trăng gọi là Trấn Di. Trấn Di được người nước ngoài phiên âm là Tran De. Khi người Việt phiên âm lại cứ ghi Trần Đề cho dễ đọc, dễ nhớ.

CHÀNG CHỊT HỆ THỐNG SÔNG RẠCH

Nếu coi đồng bằng sông Cửu Long là một cơ thể thì sông Tiền và sông Hậu đóng vai trò hai động mạch chủ, từ đó lan tỏa khắp nơi những mạch máu lớn nhỏ khác nhau đưa máu đi nuôi cơ thể đồng bằng phì nhiêu.

Hiện nay, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có hơn 7.500 km kênh trục, hơn 36.000 km kênh cấp 2 và kênh cấp 3. Kênh đào hiện có ở Đồng bằng sông Cửu Long (từ kênh cấp 1 đến kênh cấp 3) đạt mật độ rất cao, tới 1,4 km kênh trên 1 km². Hệ thống kênh rạch ở vùng này giúp cho việc phân áp lũ chảy vào vùng trũng, có tác dụng điều tiết dòng lũ và giữ nước mùa khô.

Những dòng sông tự nhiên

Sông Tiền và sông Hậu là hai “động mạch” chủ, được nối thông và chia nước qua rất nhiều dòng sông nhỏ. Trong đó đáng kể trước nhất là sông Vàm Nao.

Sông Vàm Nao

Sông Tiền và sông Hậu chảy song song, với sông Vàm Nao làm gạch nối hình chữ H tại An Giang.

Sông Vàm Nao dài 6,5 km, rộng trung bình 700 m, sâu 17 m, là con sông đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc điều tiết nước từ sông Tiền sang sông Hậu và giúp cho việc lưu thông đường thủy được thuận lợi.

Ngày xưa sông nước hung hiểm, cảnh vật hoang vắng, khi bị đầy lên Châu Đốc, chí sĩ Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872) đã cất lời cảm thán:

Núi Sập sấm rền vang tiếng muỗi

Vàm Nao nước chảy đứt đuôi xà.

Để an lòng người, triều đình nhà Nguyễn đặt thêm cho con sông tên gọi mang nghĩa tốt đẹp là Thuận Cảng (Cửa Thuận).

Trên dòng sông này đã xảy ra những trận chiến lịch sử chống quân Xiêm.

Tương truyền, thuở ban sơ, vùng đất hoang vu này là nơi ngụ trị của voi rừng. Chúng thường xuyên di chuyển qua lại giữa hai dòng sông, tạo nên một vệt lõm. Vào mùa nước sông Tiền dâng lên, dòng nước nương theo vệt lõm ấy mà đào thành dòng thoát sang sông Hậu.

Sông Giang Thành

Sông bắt nguồn từ Campuchia, xưa người Khơme gọi là *Prêk Ten*, vì bên cạnh có thôn ấp cổ tên là *Tà Ten*. Sông chảy vào Việt Nam theo hướng bắc nam, dài khoảng 23 km, rồi đổ vào vũng Đông Hồ ở thị xã Hà Tiên, trước khi chảy ra vịnh Thái Lan.

Sông Cái Lớn và Cái Bé

Hai sông này chảy trong huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đổ ra biển ở Rạch Giá. Sông Cái Lớn dài 60 km, sông Cái Bé dài 70 km, xuất phát từ vùng đất thấp hợp lại ở một “vàm” rộng tới 800 - 1000 m, sóng to gió lớn, ngăn trở việc đi lại. Dòng sông chia ra thành rất nhiều dòng nhỏ qua nhiều giồng, gò, ốc đảo, có đoạn nước mặn từ biển vào, có đoạn thì nước ngọt từ trong ra. Hai cây cầu bắc qua sông Cái Lớn và Cái Bé kết nối các vùng khác với bán đảo Cà Mau, tạo nên hành lang kinh tế ven bờ biển Tây.

Sông Trèm Trẹm

Sông nổi nguồn vào sông Cái Lớn qua kênh Cán Gáo ở Kiên An (Kiên Giang), chảy qua giữa rừng U Minh chia khu rừng này thành U Minh Thượng và U Minh Hạ. Khi chảy vào địa phận An Xuyên thành sông Ông Đốc, rồi đổ ra vịnh Rạch Giá ở quận Sông Ông Đốc.

Sông Bảy Hạp, chảy từ Quản Long (An Xuyên) ra vịnh Rạch Giá ở cửa Bảy Hạp.

Sông Gành Hào cũng chảy từ Quản Long, nhưng qua hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu về phía huyện Đông Hải, ra biển ở cửa Gành Hào. Sông Gành Hào là một trong những đầu mối giao thông của Cà Mau và một phần Bạc Liêu, là nơi tập trung đi lại của các phương tiện đường thủy cùng với các chợ nổi trên sông.

Sông Cửa Lớn phát nguồn từ các sông Đầm Dơi và Đầm Chim, đổ ra vịnh Rạch Giá ở mũi Ông Trang. Sông này lại có một nhánh nhỏ là sông Bồ Đề, chảy ra Đông Hải ở cửa Bồ Đề.

Kênh rạch nhân tạo

Kênh rạch đồng bằng sông Cửu Long là do con người đào mồ hôi xương máu khai đào qua nhiều thế kỉ. Trong tiếng miền Nam thường gọi là “kinh”. Ở đây chúng ta sẽ gọi theo ngôn ngữ chính thống là “kênh”.

Khó có thể liệt kê hết các dòng kênh dọc ngang trên đất Nam Bộ. Ta hãy thử làm quen với một vài kênh trong số đó.

Kênh Thoại Hà

Năm 1817, khi Nguyễn Văn Thoại (thường được gọi là Thoại Ngọc Hầu) về trấn thủ trấn Vĩnh Thanh, ông thấy việc giao thương ở vùng đất này gặp nhiều khó khăn, mọi sự trao đổi hàng hóa giữa miền duyên hải Hà Tiên, Rạch Giá phải đi vòng đường biển rất bất tiện. Ông cũng nhận thấy cần phải khơi nguồn để tháo bớt một phần nước lụt của sông Hậu ra biển Rạch Giá. Vì hai lẽ đó, ông đã quyết định việc đào kênh.

Kênh khởi công vào đầu năm 1818, nối rạch Long Xuyên ở Tam Khê với hệ thống thủy đạo ở Rạch Giá. Công trình huy động tới 1.500 nhân công, nhờ đào theo lạch nước cũ nên công việc khá thuận lợi. Sau một tháng thì kênh hoàn thành với bề rộng 50 m, chiều dài hơn 30 km.

Nguyễn Văn Thoại cho vẽ họa đồ dâng lên vua. Vua Gia Long khen ngợi, cho lấy tên ông đặt làm tên sông đào, tức Thoại Hà. Lại thấy trên bờ phía đông Thoại Hà có ngọn núi, thường gọi là núi Sập, nên cho đổi tên núi là Thoại Sơn để biểu dương công lao của Nguyễn Văn Thoại.

Kênh Vĩnh Tế

Kênh Vĩnh Tế là con kênh đào lớn nhất, dài nhất và quan trọng nhất ở đồng bằng sông Cửu Long, thông từ sông Hậu đến sông Giang Thành ở Hà Tiên.

Nguyên là năm 1816, khi đắp xong thành Châu Đốc,



Vua Gia Long cho đào kênh Vĩnh Tế

viên trấn thủ ở đây dâng bản đồ lên vua Gia Long. Nhà vua xem xét và phán rằng: “Xứ này nếu mở đường thủy thông với Hà Tiên, thì hai đảng nông thương đều lợi. Trong tương lai, dân đến ở làng đông, đất mở càng rộng, sẽ thành một trấn to vậy”.

Mặt khác, con kênh này nằm dọc theo biên giới với Chân Lạp, nên Gia Long cũng muốn tranh thủ sự cộng tác của họ.



Cuối năm 1819, nhà vua giao quyền cho quan trấn thủ Nguyễn Văn Thoại trực tiếp chỉ huy việc đào đắp với sự tham gia của 5.000 sừ dân, 500 lính cùng 5.000 dân Chân Lạp.

Công việc gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại, nhiều người bị chết, nên phải tạm dừng.

Sau khi nối ngôi vua cha, năm 1722 vua Minh Mạng cho tiếp tục đào kênh. Phải bạt núi xẻ rừng mất 2 năm, đến năm 1724 mới huy động tổng lực 24.700 dân binh tham gia. Rất nhiều người đã bỏ mạng trong quá trình đào kênh. Cuối cùng con kênh đã hoàn thành với chiều dài 87 km, rộng 30 m, sâu gần 3 m cho thuyền bè qua lại.

Công trạng của những người lính và dân chúng tham gia đào kênh đã được sử sách ghi tạc. Năm 1836, triều đình đúc Cửu Đỉnh đặt tại sân Thế Miếu. Hình ảnh kênh Vĩnh Tế được khắc trên Cao Đỉnh.



Kênh Bảo Định

Kênh Bảo Định còn được đào sớm hơn cả hai con kênh kể trên. Trước khi có kênh này, tại đây đã có rạch Vũng Gò và rạch Mĩ Tho. Năm Ất Dậu (1705), theo lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu, Chính thống Vân Trường Hầu Nguyễn Cửu Vân đem quân tiêu trừ giặc ngoại xâm vùng Tây Nam Bộ. Để đề phòng quân giặc tập kích, Nguyễn Cửu Vân cho đắp một phòng tuyến kéo dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú. Bên ngoài phòng tuyến, ông cho đào một con mương nối liền rạch Vũng Gò và rạch Mĩ Tho. Công trình hoàn thành, vua Gia Long đặt tên là kênh Bảo Định và cho ghi tạc sự kiện này vào bia đá để “truyền mãi về sau”.



Dưới thời thuộc Pháp, việc đào kênh ở Đồng bằng sông Cửu Long càng được chú trọng và do thi công bằng phương tiện cơ giới nên cũng nhanh chóng hơn. Để mở rộng diện tích ruộng đất hai bên bờ kênh và điều hòa dòng chảy, các chuyên gia nông nghiệp Pháp cho đào theo lối “xôm lươn”: cứ 500 m xẻ một kênh nhỏ và cách 1.000 m thì đào một kênh lớn hơn. Vào sâu 1.000 m, đào nối bằng những con kênh sườn, khép kín các khu đất như những ô bàn cờ. Nhờ phương pháp thủy lợi này, việc tưới tiêu được nhanh chóng, góp phần biến đất hoang thành đất ruộng, mở rộng thêm diện tích, gia tăng năng suất, sản lượng lúa.

Việc đào kênh vẫn được tiếp diễn trong thời kháng chiến chống Pháp, thời Việt Nam Cộng hòa cho đến ngày nay.



Thủ tướng Võ văn Kiệt đi thị sát vùng Tứ Giác Long Xuyên
và quyết định xây dựng hệ thống kênh T4-T5-T6

Một số dòng kênh được đặt tên các anh hùng liệt sĩ, như Anh hùng Dương Văn Dương. Trước đó, dòng kênh dài gần xuyên suốt vùng Đồng Tháp Mười có tên là kênh *La Grandière*; sau khi ông Dương Văn Dương hi sinh tại Bến Tre, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã truy phong ông hàm thiếu tướng và lấy tên ông đặt cho kênh này. Kênh Dương Văn Dương song song với kênh Nguyễn Văn Tiếp (trước là kênh Cậ Mười Hai). Nguyễn Văn Tiếp là tên nhà cách mạng hoạt động và mất tại đây trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Kênh Nguyễn Văn Tiếp cắt ngang Đồng Tháp Mười, nối liền sông Vàm Cỏ Tây với sông Tiền.

Việc xây dựng hệ thống kênh thoát lũ và kiểm soát lũ ở miền Tây là vấn đề rất lớn. Năm 1997, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã trực tiếp chỉ đạo khảo sát và phê duyệt kế hoạch xây dựng hệ thống kênh T4 - T5 - T6. Sau ba năm công trình hoàn thành đã mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội to lớn cho An Giang và một số tỉnh thành Tây Nam Bộ. Trong đó, kênh T5 quy mô lớn nhất, dài 48 km, có vai trò quan trọng nhất nên được chọn làm đại diện để đặt tên kênh Võ Văn Kiệt, đồng thời dựng bia tưởng niệm tại đầu tuyến kênh.

Sự tập trung dân cư dọc theo mặt tiền các con kênh tạo nên hình thức cộng đồng mới, gọi là đất bờ xáng. Thời trước, các lớp người khản hoang thường đi sâu vào trong ruộng để dễ bề canh tác. Bờ sông rạch thường là nơi rừng rậm, có nhiều cá sấu và cạp dũ, nguy hiểm khôn lường. Đến khi các con kênh xáng được đào, đất được



Rừng tràm Trà Sư - An Giang

khai hoang thì kiểu cư trú trong ruộng được dịch chuyển ra đất bờ xáng.

Hình thức cộng đồng mới bên bờ kênh xáng đã tạo nên nét sinh hoạt, lối sống, tính cách của “người kênh xáng”, hay còn gọi là “người Hậu Giang” mà trung tâm là vùng sản xuất nông nghiệp phát triển phía bờ Tây sông Hậu thuộc các tỉnh Cần Thơ, Rạch Giá, Sóc Trăng, Bạc Liêu, v.v...

Kinh tế phát triển nảy sinh nhu cầu giao thương. Xuồng ba lá trở thành phương tiện chuyên chở hàng hóa, hoa quả đến chợ. Chợ họp trên thuyền nơi ngã ba sông. Thế là hình thành các chợ nổi. Bến sông, bến chợ chen chúc ghe thuyền từ các nơi đến. Các cầu tàu nổi mọc lên cho các ghe thuyền đậu cập, đóng bằng ván, được nâng lên bằng các thùng phuy rỗng hoặc bè. Bà con ở thôn quê đem cá mắm, gà vịt, nông sản ra chợ bán, rồi mua về những mặt hàng thiết dụng hằng ngày như vải vóc, mùng mền, dầu hỏa thấp đèn, lưỡi câu, lưỡi cá, v.v...

Ngày nay tuy đã có giao thông đường bộ thuận lợi, tại các thành phố đã có những chợ lớn, trung tâm thương mại, siêu thị, nhưng hình thức chợ nổi không mất đi, mà còn trở thành một nét đặc sắc thu hút khách du lịch.

Chợ nổi trên sông

Chợ nổi Ngã Bảy - Hậu Giang

Chợ nổi Ngã Bảy, còn gọi là chợ nổi Phụng Hiệp, thuộc thị xã Ngã Bảy, được hình thành từ năm 1915. Đây là một khu chợ nổi tiếng của tỉnh Hậu Giang, nơi diễn ra các hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân miền sông nước đồng bằng sông Cửu Long.

Đến đây du khách sẽ được thấy cảnh bạt ngàn màu sắc của trái cây, rau quả, các đồ dùng sinh hoạt miền sông nước. Đặc biệt là màu đỏ tươi của chôm chôm, măng cụt, mùi thơm của sầu riêng. Nếu chỉ bán một loại trái cây

hay mặt hàng nào đó thì thuyền sẽ treo lơ lửng trái cây, mặt hàng đó trên một cây sào cao, gọi là cây bẹo, để dễ nhận biết.

Chợ nổi Ngã Năm - Sóc Trăng

Là khu chợ nổi có tiếng ở thị trấn Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, nằm ở vị trí giao nhau của năm con sông: Cà Mau, Vĩnh Quới, Long Mĩ, Thanh Trị và Phụng Hiệp. Đây là một chợ nổi khá lâu đời và nhộn nhịp bậc nhất đồng bằng sông Cửu Long.

Không giống với những chợ nổi khác, chợ Ngã Năm bắt đầu họp từ lúc 3 giờ sáng, đến 5 giờ thì chợ đông đúc hơn, nhưng chỉ 8 giờ phiên chợ đã bắt đầu tan... Chợ nổi Ngã Năm có hầu hết sản vật của đồng bằng sông Cửu Long, từ các loại gạo nổi tiếng của vùng lúa miền Tây, các loại rau củ quả của miệt vườn Nam Bộ, cho tới tôm, cua, cá là những sản vật đặc trưng vùng sông nước. Đến nay, chợ nổi Ngã Năm vẫn mang nét nông thôn bình dị, vẫn giữ được cái hồn đặc trưng của chợ nổi miền Tây.

Chợ nổi Cái Răng - Cần Thơ

Là khu chợ nổi nổi tiếng của mảnh đất Tây Đô, thu hút đông đảo lượng du khách ghé thăm mỗi khi có dịp du lịch Cần Thơ. Chỉ cách bến Ninh Kiều khoảng 4 km, du khách mất chừng 30 phút đi thuyền từ bến Ninh Kiều tới chợ.

Chợ bắt đầu từ 5 giờ sáng, đến 6 giờ ghe thuyền các

nơi đã đậu tấp nập trông rất sầm uất. Nét đặc biệt ở chợ này là buôn bán các loại trái cây nổi tiếng của vùng đất phương Nam, từ bưởi năm roi Vĩnh Long đến quýt hồng Lai Vung hay sầu riêng Cái Mơn...

Cũng như ở các chợ nổi khác, người ta treo lên cây bèo những loại hàng mà họ bán để du khách nhận biết. Đến đây du khách sẽ được hòa mình với thiên nhiên, sông nước, buổi sáng sớm bồng bềnh trên những chiếc ghe, ngắm bình minh lên dần sau mái ghe và cảm nhận khung cảnh nhộn nhịp độc đáo của chợ nổi trên sông.

Chợ nổi Cái Bè - Tiền Giang

Theo sách *Đại Nam Nhất thống chí* soạn vào đời Tự Đức, thì Cái Bè thuở ấy đã là nơi buôn bán sầm uất. Tất cả hàng hoá được chở trên các bè xuôi ngược trên sông. Chợ nổi Cái Bè nằm ở đoạn sông Tiền, giáp ranh giữa ba tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long và Bến Tre.

Chợ họp ngay đoạn sông dọc theo cù lao Tân Phong, nơi giáp ranh giữa ba tỉnh, trải dài cả cây số. Hoạt động buôn bán rất đa dạng, từ hàng vải, đồ gia dụng, hàng gia cầm, thủy hải sản cho tới đồ ăn, thức uống thấy đều không thiếu. Chợ là nơi trao đổi và là vựa trái cây lớn của tỉnh Tiền Giang, nổi tiếng nhất là các trái cây chuyên canh như vú sữa Lò Rèn, bưởi da xanh, khóm Tân Lập, cam, bưởi, quýt Cái Bè...

Chợ nổi Cái Bè bắt đầu hoạt động từ lúc tinh mơ cho

đến tối khuya. Khi Mặt trời khuất sau rặng cây đàng xa cũng là lúc “phố nổi” lên đèn, những ánh đèn lung linh đổ bóng làm cho cả một đoạn sông trở nên sống động, rực rỡ đầy sắc màu.

Chợ nổi Long Xuyên - An Giang

Chợ nổi Long Xuyên không lớn như các khu chợ khác, nhưng là một điểm du khách nên đến trong chuyến tham quan du lịch để tìm về nét bình dị, yên ả, nguyên sơ của con người và sông nước nơi đây. Chợ cách thành phố Long Xuyên khoảng 2 km, nằm dọc theo một bên bờ sông.

Điểm đặc biệt là hàng hóa mua bán không nói thách, nói sao bán vậy; người dân thân thiện, thật thà, không bị tác động bởi sự thương mại hóa du lịch. Do đó đây là nơi thích hợp cho các du khách muốn khám phá nét hoang sơ, nguyên bản trong số những khu chợ nổi ở miền Tây.

Chợ nổi Trà Ôn - Vĩnh Long

Chợ nổi Trà Ôn là khu chợ nổi cuối cùng trên dòng sông Hậu của huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Đây là một trong những khu chợ tồn tại lâu đời nhất, gắn liền với nhiều nét sinh hoạt văn hóa của người dân trong vùng.

Điểm đặc biệt của chợ nổi Trà Ôn là nhóm họp theo con nước, buổi sáng chợ đông đúc, nhưng tắt nập nhất là lúc con nước bắt đầu lên, nước càng lớn thì ghe, thuyền càng đông.

QUÀ CỦA DÒNG SÔNG, CÔNG SỨC NGƯỜI KHAI PHÁ

Dòng Mêkông chảy qua năm nước chủ yếu theo chiều bắc - nam, đến Tônglê Sap, sông chia làm hai và chuyển hướng về phía tây nam. Bởi đây là một cấu trúc địa hào nằm trên đứt gãy sâu, bị khống chế bởi hai khối nâng ở hai bên: một bên ở phía tây nam Campuchia là dãy Đamrei, và một bên ở phía đông là Tây Nguyên và khối Trường Sơn Nam.

Nhờ vậy mà chi lưu của sông Cửu Long chở phù sa trên đường thiên lí về đắp bồi nên đồng bằng Tây Nam Bộ.

Đồng bằng sông Cửu Long là một đồng bằng trẻ. Cách đây 9.000 năm, nơi đây vẫn là vùng biển cạn, rừng ngập mặn mọc sát chân núi Thất Sơn. Mực nước biển cao hơn bây giờ 3 - 4 m.

Cách nay 8.000 năm, mực nước biển hạ thấp dần. Suốt 2.000 năm sau dòng sông mãi miết đem phù sa bồi đắp tạo nên một bề mặt đồng bằng ẩm ướt, rừng ngập mặn lùi dần ra tới bờ Biển Đông và Biển Tây (vịnh Thái Lan).

Nhưng mực nước biển vẫn dập dềnh khi nâng khi hạ. Cách đây 6.000 năm tới 5.000 năm, nước biển lại dâng cao, rừng ngập mặn bị chôn vùi dưới phù sa tạo thành lớp than bùn ở độ sâu 1 - 2 m như ta thấy hiện nay. Đồng thời các giồng đất cao duyên hải được hình thành dọc bờ biển, che chắn phía bên trong là các vùng trũng đầm lầy như Đồng Tháp Mười, U Minh, và vùng Tứ giác Long Xuyên. Các

giồng đất và gò cao chạy song song với biển, từ Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, cho tới Sài Gòn hiện nay.

Cách đây 4.500 năm, nước biển lại hạ thấp; từ khoảng 4.000 năm trước, phù sa bồi đắp nhiều hơn và đồng bằng tiến thêm ra Biển Đông và Biển Tây. Cho đến cách đây 2.700 năm thì đồng bằng sông Cửu Long có hình dạng như ngày nay. Trầm tích phù sa dày khoảng 500 m tại cửa biển, khoảng 30 m tại Kratie (Campuchia). Hằng năm, đất bồi thêm khoảng 150 m ở mũi Cà Mau, đồng thời cũng bị xói lở ở nhiều nơi khác.

Đến nay, đồng bằng sông Cửu Long vẫn đang trong quá trình phát triển với sự tác động thêm của nhân tố con người.

Theo khảo cổ học, con người đã có mặt tại đây từ 2.500 năm trước. Di chỉ Óc Eo (Thoại Sơn, phía nam An Giang) còn lưu dấu vết nền văn hóa cổ của vương quốc Phù Nam. Vương quốc này chính là cư dân đầu tiên của vùng đồng bằng sông Cửu Long, tồn tại từ thế kỉ 1 đến thế kỉ 7. Óc Eo có thể là một kinh đô phồn thịnh của Phù Nam, một hải cảng sầm uất, giữ vị trí trung chuyển giữa hải trình từ Malaysia - Ấn Độ tới Mêkông, Trung Quốc.

Đến thế kỉ 7, vương quốc Phù Nam suy tàn, bị người Chân Lạp thôn tính. Tuy nhiên, người Chân Lạp quen sống ở vùng cao, không quen thung thổ nên vùng đất ven biển hầu như bị bỏ quên.

Thế kỉ 8, nước Chân Lạp phân liệt, chia ra Thủy Chân Lạp và Lục Chân Lạp. Người Khơme do chạy loạn chiến tranh, do bị trục xuất trôi giạt đến đồng bằng sông Cửu Long. Những phum sóc lác đác mọc lên, cư dân thưa thớt. Tuy về danh nghĩa, vùng này thuộc về Thủy Chân Lạp, nhưng hầu như không chịu bất cứ sự quản lí nào, mà là vùng dân cư sống tự do cả về kinh tế và chính trị.

Người Việt có mặt tại đồng bằng sông Cửu Long muộn hơn, vào thế kỉ 17. Đó là kết quả của cả một dòng chảy lịch sử.

Lo sợ bị Trịnh Kiểm ám hại, Nguyễn Hoàng xin lời khuyên của Trạng Trình, được Trạng mách bảo: *"Hoành Sơn nhất đái / Vạn đại dung thân"*.

Chúa Nguyễn vào Nam gây dựng cơ nghiệp Đàng Trong từ đấy.

Tiến trình di dân của người Việt lần qua các tỉnh, chủ yếu bằng đường biển, hiếm hoi mới có người trèo đèo lội suối để thực hiện "Nam tiến". Đầu tiên họ đến Mô Xoài - Bà Rịa rồi vào Đồng Nai, Sài Côn (Bến Nghé), sau đó mới di dân xuống đồng bằng sông Cửu Long. Trên đường đi gặp nơi "đất lành chim đậu" thì dừng lại, nếu khó khăn quá hay gặp phải những áp bức mới, họ lại ra đi; và đồng bằng sông Cửu Long lại giang tay tiếp đón họ.

Như vậy, từ đầu thế kỉ 17 đến thế kỉ 18 đã liên tiếp có những đợt di dân từ miền Bắc, miền Trung vào Nam Bộ, từ Đông Nam Bộ xuống đồng bằng sông Cửu Long. Đến thế kỉ

18 thì khắp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long hiện nay đã có mặt lưu dân người Việt.

Khi người Việt đến, vùng đất rộng lớn này vẫn còn hoang vu (mặc dù đã có người Khơme sinh sống ở một số nơi và trước đó người Phù Nam đã từng lập ra vương quốc). Vì thế họ hoàn toàn tự do khai phá. Trịnh Hoài Đức trong *Gia Định thành thông chí* nói rõ: *“Dân ở vùng này có thể đến khai khẩn ruộng ở vùng khác, ai muốn khai khẩn, lựa chọn vùng đất cao, gò... tùy ý, khai khẩn xong khai báo với chính quyền là trở thành địa chủ khu vực đó, chính quyền không đo đạc xem diện tích là bao nhiêu, cũng không cần biết đất ấy tốt xấu thế nào. Người nghiệp chủ xem đất mình khai khẩn như thế nào mà tự nguyện nộp thuế, nộp bằng học non già tùy ý”*.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản mà lưu dân Việt có được, họ cũng phải đương đầu với biết bao khó khăn như môi trường thiên nhiên khắc nghiệt (đất đai hầu hết là rừng rậm, hoang vu, sinh lầy, đồng cỏ rậm rạp, nước mặn, đất phèn...), hiểm họa, tai ương thường xuyên rình rập (muỗi mòng, thú dữ, bệnh dịch, chim chuột phá hoại mùa màng...). Nhưng họ đành phải chấp nhận vì hoặc là những “bần cố nông” đã dứt bỏ quê hương bản quán đi tìm một “mảnh đất cắm dùi” mà ở quê nhà không bao giờ mơ được; hoặc là những phạm nhân hay những kẻ “không chịu sống quỳ” dưới ách áp bức nặng nề của chế độ phong kiến sở tại. Không còn cách nào khác hơn, họ tự an ủi động viên mình,



Cấp thóc, cấp trâu cho người mở đất phương Nam.

động viên nhau vượt qua tất cả, chí thú làm ăn để tạo nên mảnh đất đầy hương vị ngọt ngào này.

Cũng thời gian này, ở Trung Quốc, nhà Thanh thay thế nhà Minh. Phong trào “phản Thanh phục Minh” thất bại, các tướng Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên đem binh thuyền chở 3.000 binh sĩ và gia quyến vượt biển vào Đàng Trong, được chúa Nguyễn dung nạp. Họ đã góp phần khai phá đất hoang vùng Mĩ Tho, Sa Đéc.

Mạc Cửu, một thương gia Trung Quốc chạy loạn sang là người có công khai phá khiến đất Hà Tiên trở nên trù phú.

Sau khi đánh thắng Tây Sơn, thống nhất đất nước, triều đình nhà Nguyễn rất chú ý khuyến khích nông dân khai khẩn vùng đồng bằng sông Cửu Long. Năm 1802, vua Gia Long hạ chiếu: *“Người nào không có điền sản thì cấp cho ruộng hoang và cho vay thóc giống đợi khi thu hoạch xong trả lại cho nhà nước”*. Năm 1833, Minh Mạng lại ra chỉ dụ: *“Nếu người đi khẩn hoang thiếu trâu cày, điền khí và lúa giống thì các quan phải cấp phát”*. Ngoài ra còn bắt quan lại địa phương đôn đốc dân đi khẩn hoang; căn cứ vào diện tích trồng trọt gia tăng hay giảm sút do bỏ hoang đất đai mà thưởng phạt quan lại địa phương từ xã đến tỉnh.

Triều đình còn mộ dân và tổ chức cho binh lính lập đồn điền. Thời Minh Mạng, hoạt động này được đẩy mạnh, đồn điền được lập nhiều nơi, đặc biệt ở vùng biên giới, hải đảo như Hà Tiên, Côn Lôn... Bên cạnh đó, để giảm bớt gánh

nặng cho nhà nước, triều đình đưa tù phạm đi khai hoang, đây là lực lượng dễ điều động nhất. Dân chúng được chiêu mộ đi khai hoang những nơi khó khăn như vùng biên giới Châu Đốc - An Giang, tham gia đào kênh Thoại Hà và kênh Vĩnh Tế (từ 1818 đến 1825); những người có công khai phá ở biên giới, hải đảo được khen thưởng.

Trong công cuộc chinh phục đồng bằng sông Cửu Long có công đóng góp của các dân tộc Việt, Khơme, Hoa. Cùng chung lưng đấu cật, vượt qua muôn ngàn khó khăn, họ sống hòa đồng tạo nên bản sắc văn hóa đa dạng và đặc sắc của miền đất mới. Từ một vùng ma thiêng nước độc, đồng bằng sông Cửu Long đã trở thành một miền đất tươi đẹp, trù phú, vừa lúa của nước ta, ấy là nhờ công sức của bao lớp người tiên phong khai phá để có được như ngày nay.

Nhưng ngay cả ngày nay, vẫn còn biết bao thách thức mà thiên nhiên đặt ra cho con người nơi đây.

Như ta đã biết, đồng bằng sông Cửu Long không có hệ thống đê điều như sông Hồng. Mặc dù nhờ sông Tônglê Sap điều tiết mực nước lên xuống, nhưng vào mùa nước nổi, sông Cửu Long cũng ào ào đổ nước tràn bờ, nhấn chìm các cánh đồng, cây cối, ngập ngề nhà cửa... Các nhà khoa học cho rằng, ở đây không nên làm đê theo mô hình sông Hồng, mà người dân phải biết chấp nhận và tìm mọi cách “sống chung với lũ”. Để hạn chế thiệt hại, ngăn lụt và chống hạn, chỉ có thể đắp bờ vùng, đê bao là thích hợp.

Một hiện tượng không thuận nữa là nước triều dâng

làm đất đai vùng ven biển bị phèn hóa, nồng độ muối cao không trồng trọt được.

Hiện nay, khí hậu toàn cầu đang nóng lên làm cho nước biển có xu thế dâng cao. Đồng bằng sông Cửu Long sẽ là nơi gánh chịu nhiều hậu quả, vì vậy ngay từ bây giờ cần phải tính đến làm sao chế ngự được những tác hại do nước biển dâng cao.

Ngoài ra, đồng bằng sông Cửu Long còn phải đối mặt với những tác hại do con người gây ra dọc theo dòng Mêkông ở bên ngoài lãnh thổ nước ta.

SÔNG CHUNG CÙNG HƯỞNG, CÙNG BẢO VỆ

Năm 2007, chính phủ Lào thành lập dự án đập đập ngăn dòng chính sông Mêkông xây dựng nhà máy thủy điện Xayaburi. Công trình nằm hoàn toàn trên lãnh thổ Lào, cách đồng bằng sông Cửu Long gần 2.000 km về phía thượng nguồn. Đập thủy điện dự kiến dài 810 m, cao 32 m, công suất dự kiến 1.260 MW. Hầu hết sản lượng điện của dự án trị giá 3,5 tỉ USD này sẽ được bán cho Thái Lan.

Xayaburi là một trong 12 công trình thủy điện của nhiều nước dự kiến đặt tại hạ du dòng chính của sông Mêkông.

Cùng với đập thủy điện Xayaburi còn có dự án đập Don Sahong nằm trên dòng Hou Sahong, một trong 17 phân lưu của dòng chính sông Mêkông, gần giáp với biên giới Campuchia. Trong điều kiện thủy văn bình thường như hiện nay, khoảng 4% tổng dòng chảy hàng năm của sông

Mêkông đi qua phân lưu Hou Sahong. Nhưng đến khi đập thủy điện được xây dựng thì có đến 50% dòng chảy sẽ được điều hướng vào Hou Sahong trong mùa khô (vào mùa mưa là 7%) để đảm bảo lưu lượng cho việc phát điện.

Trong khi đó ở thượng lưu, Trung Quốc đã cho xây dựng một số đập thủy điện trong số 15 dự án của họ!

Sự khai thác triệt để dòng sông như vậy gây ra hậu quả môi sinh vô cùng to lớn.

Dòng chảy Mêkông tự nhiên bị cắt khúc biến thành các đoạn hồ kéo dài, phía dưới đập nước cạn kiệt tro sỏi đá. Môi trường sống của các loài cá, nhất là cá di cư bị mất đi dẫn đến sự tuyệt chủng của nhiều loài quý hiếm.

Dòng nước vốn được điều hòa theo nhịp tự nhiên bỗng bị ngăn chặn, có thể gây khô hạn ở hạ du. Khi xảy ra sự cố một con đập bị vỡ sẽ kéo theo hàng loạt con đập khác vỡ theo, chẳng khác nào một quả bom nước khổng lồ cuốn trôi tất cả cây cối, nhấn chìm nhà cửa, làng mạc bên dưới. Điều đáng lo ngại là đồng bằng sông Cửu Long ở phía dưới sẽ chịu hậu quả nặng nề nhất.

Một khi các nước chỉ vì lợi ích của riêng mình, thì sự tác hại không biết đâu mà lường. Chính vì thế, các quốc gia thuộc Tiểu vùng sông Mêkông cần có sự hợp tác để vừa khai thác dòng sông chung, vừa bảo vệ môi trường thiên nhiên một cách bền vững. Đây không chỉ liên quan đến các quốc gia trong vùng, mà còn là mối quan tâm của cả cộng đồng thế giới.

HỆ THỐNG SÔNG ĐỒNG NAI - VÀM CỎ

Hệ thống sông Cửu Long tạo nên đồng bằng sông Cửu Long, tức đồng bằng Tây Nam Bộ. Còn hệ thống sông Đồng Nai - Vàm Cỏ tạo nên đồng bằng châu thổ ven rìa miền Đông Nam Bộ.

Hệ thống sông Đồng Nai - Vàm Cỏ lớn thứ ba trong nước, đứng sau hệ thống sông Hồng và sông Cửu Long. Nhưng sông Đồng Nai chảy trong nội địa nước ta 635 km, dài hơn hai sông kia.

DÒNG SÔNG DÀI NHẤT CHẢY TRONG NỘI ĐỊA

Làm trai cho đáng nên trai

Phú Xuân cũng trải, Đồng Nai cũng từng.

Tên gọi Đồng Nai cho đến nay vẫn chưa có cách lí giải nào thuyết phục. Còn trong dân gian thì hiểu nôm na Đồng Nai là “cánh đồng nhiều nai”:

*Chị **Hương** đi chợ **Đồng Nai***

*Bước qua Bến **Nghé** còn nhai thịt **bò**.*



*Hệ thống sông Đồng Nai.
(Trích Tập bản đồ Địa lí 8)*

Sông Đồng Nai bắt nguồn từ cao nguyên Lâm Viên (Lang Biang), phía nam dãy Trường Sơn, cao trên 1.700 m. Khi ấy sông mang tên *Đạ Dâng*, có nghĩa là “sông lớn” chảy qua huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng. Dòng sông hẹp, độ dốc lớn, có nhiều ghềnh thác như thác Ankroet, thác Ma Bruss. Trên đường đi, sông Đạ Dâng cũng chảy qua vùng hồ nước Đan Kia - Suối Vàng.

Một nhánh khác là sông Đa Nhim, bắt nguồn ở phía bắc núi Gia Rích (cao 1.923 m). Sau khi hợp lưu với sông Krông Klet, sông Đa Nhim bị chặn lại thành hồ Đa Nhim cung cấp nước cho nhà máy thủy điện Đa Nhim trên sông Pha (tỉnh Ninh Thuận).

Sông Đa Nhim không chỉ có nguồn lợi thủy điện dồi dào, mà còn tạo ra nhiều thắng cảnh đẹp nổi tiếng của



Thác Pongour

tỉnh Lâm Đồng. Dọc sông có ba thác chính: thác Liên Khương, thác Gougah và thác Pongour.

Thác Liên Khương hay còn gọi là thác Liêng Khàng, rộng khoảng 200 m, cao 50 m. Vào mùa khô thác ít nước. Tên gốc của thác có nghĩa là “Thác Kiến Vàng” (Liêng: thác; Khàng: kiến vàng) gắn liền với truyền thuyết về “giặc kiến vàng” từng gây họa ở vùng này, dân tình phải cầu Yang (Trời) tới trừ diệt.

Thác Gougah còn có tên gọi là thác Ổ Gà (do người dân ở đây quen gọi từ khi đường sá chưa trải nhựa, mặt đường có nhiều ổ gà). Thác nằm sát quốc lộ 20, cách Đà Lạt chừng 37 km. Theo truyện cổ, hoàng hậu Naf Biút vốn người Việt, lấy vua Chiêm, được nhà vua sủng ái, xây riêng cho nàng một cung điện huy hoàng. Khi hoàng hậu mất, nhà vua cho chôn cất ở nơi hoang dã này và chôn theo cả một kho vàng ngọc.

Thác Pongour hay còn gọi là thác Bảy tầng thuộc huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, cách Đà Lạt 50 km về hướng nam.

Thác đổ từ độ cao gần 40 m, trải rộng hơn 100 m, qua bảy tầng đá bậc thang. Bao quanh là khu rừng nguyên sinh có diện tích khoảng 2,5 ha với thảm thực vật đa dạng, phong phú.

Pongour là tên do người Pháp phiên âm từ tiếng bản địa K'Ho.

Hai dòng Đa Dâng và Đa Nhim bao quanh thành phố Đà Lạt bốn mùa hoa thơ mộng và gặp nhau ở Đại Ninh phía dưới thác Pongour, từ đó trở đi mới có tên gọi chung là sông Đồng Nai.

Sông Đồng Nai tiếp tục chảy qua Vườn quốc gia Cát Tiên, được công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới, thuộc dạng đất ngập nước.

Ra khỏi vùng Cát Tiên, sông Đồng Nai hợp dòng cùng sông La Ngà đổ nước vào hồ Trị An.

Sông La Ngà

Sông La Ngà là phụ lưu lớn nhất bên tả ngạn sông Đồng Nai, bắt nguồn từ cao nguyên Di Linh (Bảo Lộc - Lâm Đồng). Chiều dài của sông từ thượng nguồn về đến nơi hợp lưu với sông Đồng Nai khoảng 210 km, cách Trị An khoảng 38 km về phía thượng lưu. Sông La Ngà có nhiều chi lưu, tính riêng trên đất Đồng Nai đã có gần 20 suối lớn nhỏ, không kể một số suối cạn về mùa khô. Các chi lưu của sông La Ngà đều ngắn, có độ dốc lớn, vào mùa lũ nước tập trung



Nhà máy thủy điện Trị An

nhạnh, hay xảy ra lũ quét gây nhiều thiệt hại cho sản xuất và đời sống của nhân dân địa phương.

Hồ Trị An

Hồ Trị An là một hồ nước nhân tạo, được khởi công xây dựng vào năm 1984 và hoàn thành đầu năm 1987 để cung cấp nước cho nhà máy thủy điện Trị An công suất 400 MW với sản lượng điện hằng năm 1,7 tỉ kWh.

Với diện tích mặt nước 323 km², hồ Trị An trở thành một địa chỉ du lịch ưa thích của người dân Sài Gòn và Đồng Nai. Giữa hồ nổi lên hai hòn đảo xanh tươi là đảo Ó và đảo Đồng Trường. Du khách ngồi thuyền ra chơi đảo ngắm cảnh vật và đón gió, thưởng thức các món ăn từ cá hồ, trong đó có đặc sản cá lăng.

Sông Đồng Nai chảy từ hồ Trị An về phía tây khoảng 2 km có thêm nước của sông Bé chảy vào.

Sông Bé

Sông Bé là phụ lưu lớn của sông Đồng Nai, dài 350 km, bắt nguồn từ Campuchia. Sông chảy trên địa bàn các tỉnh Đắk Nông, Bình Phước, Bình Dương và Đồng Nai, qua nhiều đồi núi, thác ghềnh. Nhờ tiềm năng thủy lực lớn nên trên dòng sông có nhiều nhà máy thủy điện được xây dựng.

Sông Đồng Nai chảy qua thành phố Biên Hòa đến Nhà Bè thì gặp sông Sài Gòn.

SÔNG SÀI GÒN VỚI THÀNH PHỐ HƠN 300 NĂM TUỔI

Nhà Bè nước chảy phân hai

Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về...

Khởi nguồn từ vùng Hớn Quản (Bình Phước), *Sông Sài Gòn* chảy vào hồ Dầu Tiếng (tỉnh Tây Ninh) và chảy qua tỉnh Bình Dương về Thành phố Hồ Chí Minh. Đến mũi Đèn Đỏ thuộc huyện Nhà Bè thì nhập với sông Đồng Nai thành sông Nhà Bè.

Sông Sài Gòn là đường giao thông huyết mạch, giữ vai trò quan trọng về kinh tế và văn hóa của vùng đồng bằng Nam Bộ. Nhiều tàu thuyền từ các địa phương và cả các nước khác tìm đến đây để trao đổi hàng hóa, chủ yếu là lúa gạo và các nông sản khác.

Giữa thế kỉ 17, chúa Nguyễn Hoàng (1558 - 1613)

được cử vào cai trị Đàng Trong, đã bắt đầu công cuộc di dân đến khai phá vùng đất mới phía Nam. Sài Gòn là một trong những nơi đầu tiên họ đến định cư.

Năm 1679, một đợt di cư lớn của 3.000 người Hoa trên 50 chiến thuyền do hai tướng nhà Minh xin tị nạn đã được chúa Nguyễn tiếp nhận trên đất Sài Gòn (gọi là người “Minh hương”). Một bộ phận lớn trong số đó lập ra phố thị người Hoa tại vùng Chợ Lớn ngày nay. Đặc tính hội nhập của nhiều cộng đồng cư dân trên đất Sài Gòn đã được thể hiện ngay từ buổi ban đầu.

Năm 1698 là mốc lịch sử quan trọng: Nguyễn Hữu Cảnh theo lệnh chúa Nguyễn vào Nam kinh lược lập ra phủ Gia Định để cai quản vùng đất mới phía Nam, trong đó có hai huyện đầu tiên là Phước Long và Tân Bình. Vì vậy, năm 1698 được coi là năm “khai sinh” của Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh.

Khi cuộc chiến với Tây Sơn chấm dứt trên đất Gia Định, triều đình nhà Nguyễn huy động tới 30.000 dân phu để xây dựng thành Bát Quái, lập Gia Định kinh. Như vậy đến cuối thế kỉ 18 cư dân Sài Gòn - Bến Nghé đã khá đông đúc, có thể đến hàng chục vạn người.

Từ thời vua Gia Long cho đến Minh Mạng, chính sách khuyến khích mộ dân vào Nam khai hoang lập ấp, xây dựng đồn điền tạo thành một phong trào rộng lớn trong cả nước. Các luồng di dân nhập cư vào Nam Bộ và Sài Gòn ngày càng đông.

Với triều Nguyễn, sông Sài Gòn và đất Gia Định còn có vai trò chiến lược trong việc mở cõi phương Nam. Chính vì thế mà hình ảnh sông này được khắc lên Cửu đỉnh trước nhà Thái Miếu tại kinh đô Huế. Từ sau 1820, dưới mắt của thương gia và phái bộ nước ngoài đã có một thành phố gồm hai đô thị lớn ở cách nhau hai dặm: Sài Gòn (nay là Chợ Lớn) và Bến Nghé mới xây dựng. Họ gọi chung là thành phố Sài Gòn, nơi đô hội mà khắp cả nước khi ấy không đâu sánh bằng.

Năm 1862 Pháp chiếm Sài Gòn, biến nơi đây thành trung tâm của Nam Kỳ thuộc địa. Trước hết, người Pháp cho xây dựng cảng bên bờ sông Sài Gòn để làm đầu mối các tuyến hàng hải từ Đông sang Tây, chủ yếu để chở những sản vật khai thác từ nước ta về chính quốc. Ngày đó hai bên sông Sài Gòn nhộn nhịp cảnh tàu bè giao thương với thế giới bên ngoài. Cái tên Hòn Ngọc Viễn Đông dành cho Sài thành (tên gọi sánh với Hà thành, chỉ Hà Nội) làm cho thành phố ngày càng thêm hấp dẫn khách bốn phương.

Dòng sông Sài Gòn bao quanh thành phố, tấp nập những con tàu biển, càng làm cho thành phố ven sông thêm sống động. Bến tàu có tên Nhà Rong là một bến cảng lớn trên sông Sài Gòn mà sau này gọi là cảng Sài Gòn, được xây dựng từ 1864.

Ngày nay Sài Gòn mang tên Thành phố Hồ Chí Minh vẫn là thành phố lớn nhất nước ta, đồng thời là đầu tàu kinh

tế năng động nhất nước, nơi giao lưu văn hóa, hội nhập với thế giới bên ngoài.

Sông Sài Gòn có hệ thống kênh, rạch chằng chịt như rạch Thị Nghè, rạch Bến Nghé, rạch Phú Xuân, kênh Tham Lương, kênh Tẻ, kênh Đôi... Nhưng quan trọng nhất là rạch Bến Nghé gắn liền với vùng Chợ Lớn, nơi tập trung người Hoa. Hai bên rạch có các bến neo đậu cho ghe từ miền Tây vận chuyển hàng hóa lên Sài Gòn: Bến Chương Dương, bến Vân Đồn, bến Hàm Tử, bến Bình Đông, bến Trần Văn Kiểu. Như vậy, rạch Bến Nghé là khởi đầu của tuyến đường thủy nối Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long.

Do mạng lưới sông lạch phức tạp, thành phố này không thể thiếu những cây cầu và đường hầm qua sông.



Bến Nhà Rồng

Cầu Sài Gòn: Là cây cầu nổi tiếng và quan trọng nhất, nối liền Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh miền Bắc, miền Trung ở cửa ngõ phía đông bắc thành phố. Được xây dựng từ năm 1958 với chiều dài gần 1 km, cầu gắn liền với những biến động của lịch sử thành phố. Năm 2012, một cây cầu Sài Gòn mới đã được xây thêm song song với cây cầu cũ về phía hạ lưu.

Cầu Khánh Hội: Năm 2009, cầu được xây mới trên nền cầu cũ bên bến Nhà Rồng, nối liền quận 4 và quận 1. Nằm ngay đầu kênh Bến Nghé đổ vào sông Sài Gòn, cây cầu là nơi lí tưởng để du khách ngắm nhìn toàn cảnh Sài Gòn từ phía đông và ngắm pháo hoa trong các dịp lễ hội.

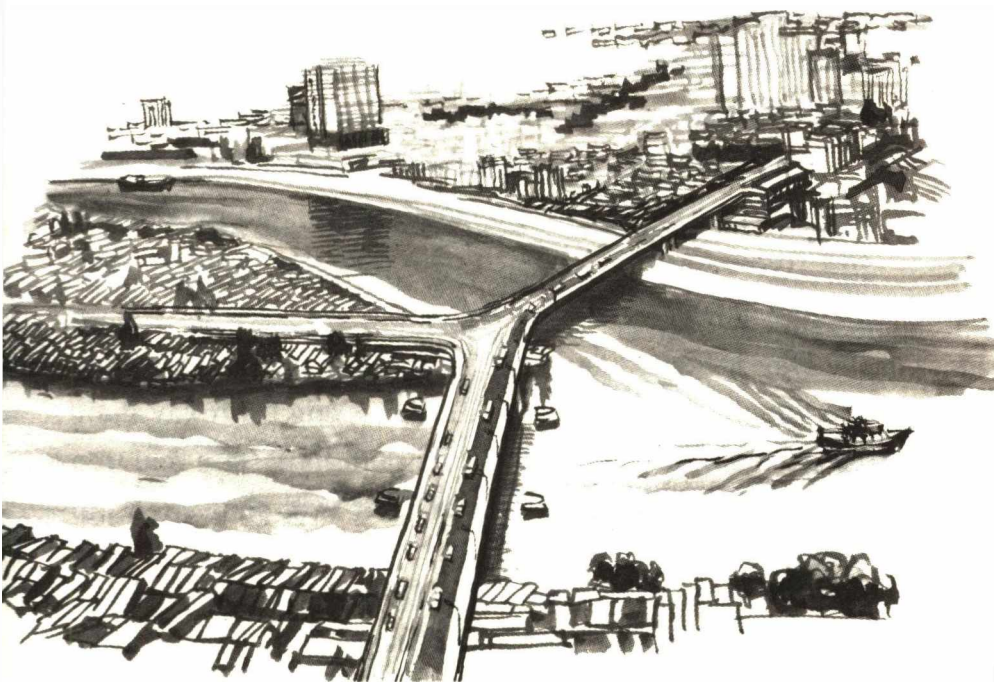
Cầu Phú Mỹ: Là cầu dây văng đầu tiên ở Sài Gòn, nối liền quận 2 và quận 7, dài 2.031 m, rộng 27,5 m với trụ tháp cao 162,5 m. Cây cầu được coi là biểu tượng của thành phố năng động, phát triển trong thời kì mới.

Cầu Thủ Thiêm: Đứng trên cầu nối hai bờ sông Sài Gòn trên địa bàn quận 2 và quận Bình Thạnh, bạn sẽ được hưởng niềm vui nhân đôi, khi vừa ngắm nhìn cảnh thành phố về đêm lấp lánh ánh đèn, vừa đón những làn gió từ sông Sài Gòn thổi về mát rượi. Cầu Thủ Thiêm cũng là địa điểm tuyệt đẹp để ngắm pháo hoa ở Sài Gòn.

Cầu Mống: Cây cầu sắt được Pháp thiết kế và xây dựng vào năm 1893 với thành cầu uốn cong bắc qua kênh Bến Nghé. Ngày nay, cầu Mống không còn dùng lưu thông xe

cộ mà cho khách bộ hành. Với vị trí thuận lợi, thoáng mát và sạch sẽ, cầu Mống trở thành điểm hẹn hò của giới trẻ Sài Gòn khi đêm về.

Cầu chữ Y: Tên gọi của cầu bắt nguồn từ hình dáng độc đáo giống chữ Y. Cầu chia làm ba nhánh, nhánh chính nằm ở đường Nguyễn Biểu (quận 5), hai nhánh kia bắc qua hai con kênh Bến Nghé và kênh Tẻ nối liền quận 5 với quận 8. Cầu chữ Y được xây dựng từ năm 1940, đến năm 1948 thì hoàn thành.



Cầu chữ Y (TP. Hồ Chí Minh)

Cầu Ông Lớn: Với kết cấu vòm ống thép nhồi bê tông đầu tiên được xây dựng ở Việt Nam, cầu sơn màu đỏ rực bắc qua rạch Ông Lớn trên đại lộ Nguyễn Văn Linh (quận 7).

Cầu Ánh Sao: Là cây cầu bộ hành dài 170 m, bắc qua rạch Thầy Tiêu nối khu hồ Bán Nguyệt với khu Kênh Đào, quận 7. Tên gọi Ánh Sao bắt nguồn từ bề mặt cầu được thiết kế với những ánh đèn *LED* chiếu ngược lên tạo cho người đi trên cầu cảm giác như đang bước đi dưới muôn ngàn ánh sao.

Đường hầm sông Sài Gòn: Đường hầm vượt qua sông Sài Gòn, còn gọi là *Hầm Thủ Thiêm*, là một công trình quan trọng trên trục Đại lộ Đông Tây xuyên qua trung tâm thành phố.

Hầm qua sông Sài Gòn có tổng chiều dài 1.490 m, gồm 585 m dẫn phía Khánh Hội (quận 1), 535 m dẫn phía Thủ Thiêm (quận 2) và phần nằm dưới đáy sông có chiều dài 370 m gồm bốn dốt hầm.

Đây là con đường ngắn nhất nối trung tâm thành phố với khu đô thị mới Thủ Thiêm. Công trình xây dựng trong 7 năm, là đường hầm chui dưới lòng sông đầu tiên ở nước ta và được đánh giá là hầm vượt sông hiện đại nhất Đông Nam Á.

VÀM CỎ ĐÔNG - VÀM CỎ TÂY

Sông Vàm Cỏ là phụ lưu hữu ngạn của sông Đồng Nai.

Đồng thời cũng gắn liền với hệ thống sông Cửu Long. Lưu vực sông Vàm Cỏ nằm giao thoa giữa miền Đông và miền Tây của Nam Bộ.

Sông này có khoảng 10 phụ lưu, trong đó hai phụ lưu trực tiếp tạo nên dòng sông là sông Vàm Cỏ Đông và sông Vàm Cỏ Tây tại ngã ba Bần Quỳ.

Sông Vàm Cỏ còn được gọi là sông Xá Hương và Vàm Bao Ngược.

Vàm theo tiếng Nam Bộ có nghĩa là ngã ba, nơi một con rạch hay sông nhỏ giáp với sông lớn.

Nhưng Cỏ không phải là cỏ cây như nhiều người vẫn nghĩ. Tên sông vốn do người Khơme đặt ra trước đó là *Piām Vaico*. *Piām* là vàm. *Vaico* là đánh lừa trâu bò.

Nhà văn Sơn Nam mô tả trong *Mùa len trâu*: “*Trâu lội nước, năm ba trăm con, đen dầu, đặc nước*”; “*Trâu chạy âm âm. Không mấy chút [chốc], tràm gãy rôm rốp, ngã liệt xuống, lồm rùng tạo thành một cái đầm rộng*”.

Hầu hết các dòng sông đều có thể xác định được đầu là nguồn sông, nhưng sông Vàm Cỏ thì không biết đầu là “nguồn” của nó. Trong khi nguồn các dòng sông từ núi đồi cao chảy xuống, thì sông Vàm Cỏ lại chảy từ vùng đầm lầy trũng thấp của Campuchia.

Điều này cũng lí giải vì sao đoạn cuối của sông Vàm

Cỏ giáp biển lại được gọi là Vàm Bao Ngược, vì dòng chảy của nó quanh co từ biển chảy ngược vào nội địa.

Hệ thống hai con sông này có rất nhiều chi lưu và kênh rạch chi chít như mạng nhện. Nhiều kênh đào lớn đã được khai đào vào các thời điểm khác nhau:

- *Kênh Bà Bèo* đào năm 1785, nối trực tiếp Vàm Cỏ Tây với sông Tiền.

- *Kênh Lagrange* đào năm 1897, thông Vàm Cỏ Tây với vùng trũng Đồng Tháp Mười.

- *Kênh Đồng Tiến* đào năm 1954, nối kênh Lagrange trực tiếp với sông Tiền, cắt ngang Đồng Tháp Mười, song song với kênh Bà Bèo...



Phần hạ lưu sông Vàm Cỏ Tây, về phía tây, nhận nước từ vùng Đồng Tháp Mười qua các kênh rạch chằng chịt. Nổi tiếng nhất là kênh Nhật Tảo gắn liền với sự kiện lịch sử: Thủ lĩnh nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đốt cháy chiến hạm *Espérance* (Hi Vọng) của Pháp năm 1868. Sự kiện này đã được danh sĩ Huỳnh Mẫn Đạt ca ngợi trong câu thơ:

Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa

Kiểm bặt Kiên Giang khắp quỷ thần.

(Lửa hồng Nhật Tảo rền trời đất / Kiểm tuốt Kiên Giang rợn quỷ thần.)



Len trâu

CHÂU THỎ VÀ CỬA SÔNG ĐỒNG NAI - VÀM CỎ

Đồng bằng do sông Đồng Nai và sông Vàm Cỏ bồi đắp nằm ở phía đông bắc các cửa sông Cửu Long, là vùng đất thấp thuộc vùng hạ châu thổ. Rìa phía đông là một đường thẳng chạy theo hướng tây bắc - đông nam men theo dãy núi từ Long Thành đến Bà Rịa. Rìa phía tây tiếp giáp với ranh giới của Đồng Tháp Mười. Rìa phía nam là dải đất hữu ngạn sông Vàm Cỏ Tây.

Các nhà địa lí gọi đây là một dạng “đồng bằng rìa”, nằm ở một vị trí ngược với hướng của dòng biển và dòng phù sa ven bờ nên khó bị lấp đầy. Trừ vùng đất nằm giữa sông Vàm Cỏ và sông Đồng Nai tương đối ổn định, còn lại là hệ thống các đảo phù sa lớn nhỏ có độ cao sần sần từ 1 đến 2m.

Phần đất thuộc sông Vàm Cỏ thực tế là một đảo khổng lồ bao bọc bởi các sông lớn, bị các rạch chia cắt khá dày.

Phần đất châu thổ của sông Đồng Nai có thể coi là “châu thổ thủy triều”.

Cửa Xoài Rạp mở rộng tới 11 km, nhưng lòng sông nhiều cồn bãi, thuyền bè khó đi lại. Cửa Lòng Tào có dạng một cửa vịnh, sâu tới 18 m nên tàu lớn dễ xuôi ngược tới tận cảng Sài Gòn.

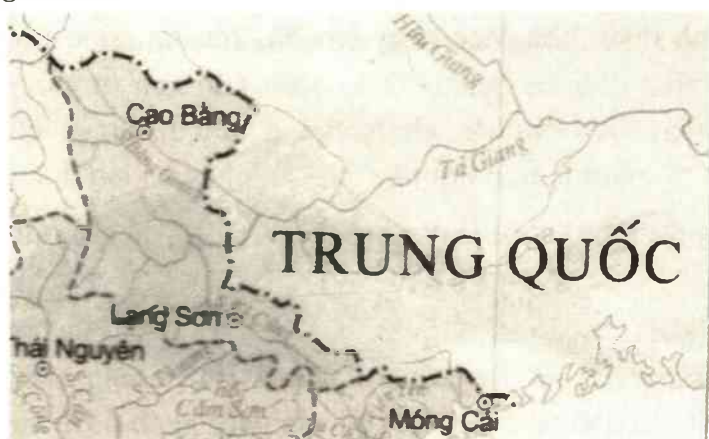
Do cửa sông có dạng vịnh nên thủy triều tác động mạnh, nhất là trên các sông Vàm Cỏ và sông Sài Gòn. Vào mùa kiệt thủy triều ảnh hưởng tới tận thác Trị An trên sông Đồng Nai, đến Thuận Nghĩa trên sông Bé, Dầu Tiếng trên sông Sài Gòn và đến tận biên giới Campuchia trên sông Vàm Cỏ.

NHỮNG DÒNG SÔNG MANG DẤU ẤN RIÊNG

Mỗi dòng sông trên đất nước ta, dù lớn, dù nhỏ đều có những nét riêng biệt về cảnh sắc thiên nhiên, chảy qua những vùng văn hóa giàu bản sắc và mang trong mình những dấu ấn lịch sử riêng.

HAI CON SÔNG CHẢY NGƯỢC

Trong khi các sông ngòi nước ta đều tìm đường ra biển Đông, thì hai dòng sông này lại chảy ngược sang đất Trung Quốc.



Hệ thống sông Bằng và sông Kỳ Cùng (Trích Tập bản đồ Địa lí 8)

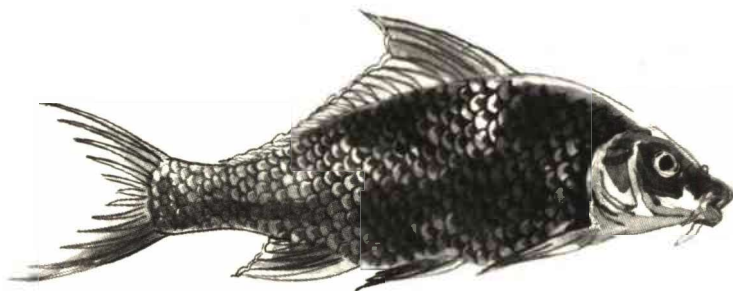
Sông Bằng

Sông Bằng bắt nguồn từ tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, chảy vào nước ta tại cửa khẩu Sóc Giang, huyện Hà Quảng. Người Cao Bằng còn gọi nó là sông Mãng, gắn với hình tượng con mãng xà trong truyện Thạch Sanh.

Có truyền thuyết cho rằng vùng đất Cao Bằng hiện nay là địa bàn nhà nước Nam Cương của Thục Chế, cha của Thục Phán An Dương Vương. Đây cũng chính là đất của bộ tộc Tây Âu. Sau này An Dương Vương hợp nhất hai bộ tộc Tây Âu và Lạc Việt thành nhà nước Âu Lạc.

Dòng sông Bằng chảy đến hợp dòng với sông Hiến và sông Cũn bao quanh một thung lũng rộng, bốn bề là đồi núi. Đó là thành phố Cao Bằng.

Cao Bằng, như tên gọi, là một vùng đất bằng trên cao, đất đai màu mỡ, địa thế hiểm trở. Sau khi bị Lê - Trịnh đánh đuổi, nhà Mạc chạy lên đây tồn tại được gần tám



Cá sông Bằng Giang



Thác Bản Giốc - Cao Bằng

chục năm nữa. Trải qua ba đời vua, vương triều Mạc ở Cao Bằng duy trì một nhà nước có kỉ cương, có sách lược đối nội, đối ngoại kịp thời, linh hoạt, đã biến một miền núi heo hút thành nơi có nền văn hóa, văn minh phát triển.

Sông Bằng có các phụ lưu chính là sông Hiến, sông Tả Lềnh (Trà Lĩnh) và sông Bắc Vọng.

Ngoài ra, Cao Bằng còn có sông Quây Sơn, chảy nơi biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc tại huyện Trùng Khánh. Trên dòng sông này có một con thác đẹp nổi tiếng là thác Bản Giốc.

Thác Bản Giốc

Thác Bản Giốc là thác nước tự nhiên đẹp nhất nước ta, cách thị trấn Trùng Khánh 20 km. Thác rộng 208 m, chia làm hai phần, phần phụ ở phía nam có độ cao 70 m, nhưng lượng nước ít; phần chính ở phía bắc thấp hơn, nhưng nước chảy ào ào rất mạnh. Theo sự phân định hiện nay, thác Bản Giốc thuộc về hai nước Việt - Trung, ranh giới nằm ở giữa tâm dòng chảy chính.

Sông Kỳ Cùng

Khởi nguồn ở Đình Lập, sông Kỳ Cùng chỉ là một khúc suối nhỏ, sau khi hợp lưu với sông Ba Thín ở gần thị trấn Lộc Bình thì mở rộng thêm với nhiều đoạn sông rộng gần trăm mét.

Sông Kỳ Cùng chảy giữa thành phố Lạng Sơn, chia ra “bên Kỳ Lừa” và “bên tỉnh”. Bắc ngang qua dòng sông Kỳ Cùng giữa lòng thành phố, có ba chiếc cầu là cầu Kỳ Lừa, cầu Đông Kinh và cầu Ngâm. Trong đó, cầu Kỳ Lừa được coi như chiếc đòn gánh, gánh bên Kỳ Lừa và bên tỉnh.

Lạng Sơn là cửa ngõ phía bắc của Tổ quốc. Vào thời phong kiến, các cánh quân Tống, quân Nguyên Mông, quân Minh và quân Thanh đã từng kéo quân qua đây để xâm lược Đại Việt, và nơi đây cũng chứng kiến sự thảm bại của chúng khi phải rút quân về nước.

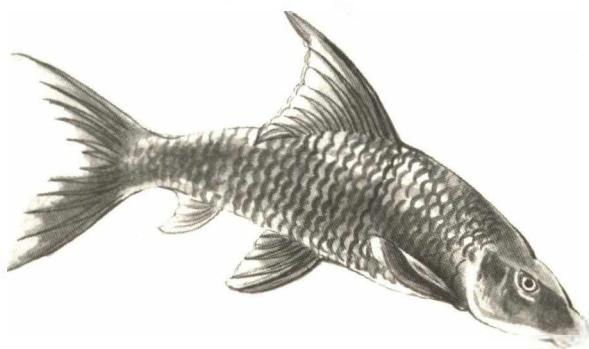
Tháng 2 năm 1979, Trung Quốc gây ra cuộc chiến

tranh biên giới phía Bắc. Cầu Kì Lừa bị quân Trung Quốc phá sập.

Sông Kì Cùng chảy ngoắt ngoéo, đổi hướng nhiều lần đến thị trấn Thất Khê. Từ đây, dòng Kì Cùng chảy gần như theo đường vòng cung, vượt biên giới sang Trung Quốc để hợp lưu với sông Bằng tại thị trấn Long Châu của tỉnh Quảng Tây, thành sông Tả Giang. Đây là chi lưu phía nam của sông Úc Giang trong hệ thống tạo thành sông Tây Giang.

Vì sao sông Kì Cùng chảy ngược chiều là một bí ẩn của thiên nhiên chưa được giải thích thấu đáo.

Có giả thuyết cho rằng, xa xưa sông Bằng nối với sông Kì Cùng, băng qua Tiên Yên để đổ nước vào vịnh Hạ Long. Sau đó vùng Đình Lập, Tiên Yên được nâng lên, làm cho con sông bị đổi dòng chảy ngược lại. Nhưng hiện chưa có gì chứng minh cho giả thuyết này.



Cá lăng sông Kì Cùng

Trên thực tế, sông Bằng và sông Kỳ Cùng chảy dọc theo một cấu trúc địa chất gọi là “Máng trũng Cao - Lạng”. Máng trũng này được hình thành trên một hệ thống đứt gãy sâu phía dưới có chiều tây bắc - đông nam. Những bồn trũng giữa núi tích tụ phù sa màu mỡ tạo nên các điểm dân cư đông đúc: Cao Bằng, Đông Khê, Na Sầm, Lạng Sơn, Lộc Bình..., trong đó Cao Bằng và Lạng Sơn là hai thành phố tỉnh lỵ của hai tỉnh lớn nơi biên giới.

SÔNG BẠCH ĐẰNG LỊCH SỬ

Đằng Giang tự cổ huyết do hồng

(Bạch Đằng thuở trước máu còn loang)

Giang Văn Minh (1573 - 1638)

Sông Bạch Đằng là con sông nổi tiếng nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt. Sông có “tên hiệu” là sông Vân Cừ và tên “dân dã” là sông Rừng. Người Quảng Yên trước đây từng lưu truyền câu “*Con ơi, nhớ lấy lời cha / Gió nổi, nước rặc chớ qua sông Rừng*” để nói lên sự hiểm yếu của con sông này.

Cha ông ta xưa kia hiểu rất rõ “thủy chế” của sông Bạch Đằng dưới tác động của thủy triều, nên đã vận dụng vào những trận chiến bảo vệ Tổ quốc, đánh đuổi kẻ thù ở nơi cửa ngõ này. Sông đã ba lần lập chiến công, là mồ chôn quân giặc từ phương Bắc tới.

1. Trận Bạch Đằng năm 938

Năm 938, vua Nam Hán là Lưu Nghiễm phong cho con là Lưu Hoàng Tháo thống lĩnh hai vạn quân, tiến vào cửa sông Bạch Đằng, đánh chiếm nước ta.

Ngô Quyền cho quân sĩ đóng cọc bịt sắt nhọn xuống lòng sông Bạch Đằng. Khi thủy triều lên, bãi cọc không bị lộ.

Quân Nam Hán tiến vào. Ngô Quyền ra lệnh cho quân rút lên thượng lưu. Đợi đến khi thủy triều xuống, quân ta đổ ra đánh. Nhiều thuyền chiến lớn của quân Nam Hán bị mắc cạn và bị cọc đâm thủng. Lúc ấy Ngô Quyền mới tung quân ra tấn công dữ dội. Quân Nam Hán thua chạy, Lưu Hoàng Tháo bỏ mạng cùng với quá nửa quân sĩ.

2. Trận Bạch Đằng năm 981

Cuối năm 979, Đinh Tiên Hoàng và con là Đinh Liễn bị ám hại. Nhân khi Đại Cồ Việt có nội loạn, mùa thu năm 980, nhà Tống đem quân chia làm hai đạo tiến vào theo đường bộ và đường thủy. Cánh quân thủy do Hầu Nhân Bảo chỉ huy tiến vào cửa sông Bạch Đằng.

Ngày 28-4-981, trận quyết chiến diễn ra trên sông. Lê Hoàn cho một cánh quân ra khiêu chiến với Hầu Nhân Bảo, giả thua nhử quân địch đuổi theo. Khi đoàn chiến thuyền của Hầu Nhân Bảo lọt vào trận địa mai phục, Lê Hoàn tung quân từ khắp các ngả tấn công quân Tống. Hầu Nhân Bảo bị giết chết trong cuộc hỗn chiến. Đám tàn quân hoảng sợ vội tháo lui ra biển. Nghe tin thất trận, các đạo quân Tống hoảng sợ rút lui, bị quân Đại Cồ Việt truy kích tiêu diệt quá nửa.

3. Trận Bạch Đằng năm 1288

Năm 1287, nhà Nguyên mở cuộc xâm lược Đại Việt lần thứ ba, nhưng chỉ chiếm được kinh thành Thăng Long không một bóng người. Đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ bị

thủy quân Trần do Trần Khánh Dư chỉ huy đánh tan trong trận Vân Đồn. Trước tình thế bất lợi, quân Nguyên định tổ chức rút về Trung Quốc theo các hướng khác nhau.

Trần Hưng Đạo chỉ huy quân dân Đại Việt chuẩn bị trận địa mai phục trên sông Bạch Đằng. Các cây gỗ lim, gỗ táu đốn từ trên rừng được kéo về bến sông, tại đây cây được đẽo nhọn và cắm xuống lòng sông ở các cửa dẫn ra biển, chỉ để trông sông Đá Bạc cho quân Nguyên kéo vào.

Nhân lúc nước lớn, Ô Mã Nhi dẫn đoàn thuyền tiến vào sông Bạch Đằng. Thủy quân Trần tràn ra giao chiến, rồi giả



thua chạy vào sâu bên trong. Ô Mã Nhi trúng kế thúc quân đuổi theo, tiến sâu vào khúc sông đã đóng cọc. Quân Trần đợi cho thủy triều xuống, nhất loạt quay thuyền lại đánh thẳng vào đội hình địch. Quân Nguyên hoảng loạn, bỏ thuyền lên bờ tìm đường chạy trốn, nhưng lại rơi vào ổ phục kích của quân Trần.

Hơn 4 vạn quân Nguyên bị loại khỏi vòng chiến, nhiều tướng Nguyên trong đó có Ô Mã Nhi bị bắt sống. Trận đại thắng trên sông Bạch Đằng của Trần Hưng Đạo được xem là trận thủy chiến lớn nhất trong lịch sử Việt Nam, và là thắng lợi tiêu biểu nhất của Đại Việt trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông.



Gắn liền với những chiến thắng oanh liệt của dân tộc, sông Bạch Đằng xứng đáng được vinh danh trong bảng vàng lịch sử. Năm 1835, vua Minh Mạng cho đúc Cửu đỉnh đặt ở Thái Miếu trong kinh thành Huế. Nhà vua đã cho chạm chín dòng sông tiêu biểu của Việt Nam lên Cửu đỉnh, gồm các sông Bến Nghé, sông Hương, sông Gianh, sông Mã, sông Lô, Bạch Đằng, Thạch Hãn, sông Lam, sông Hồng. Trong đó sông Bạch Đằng được khắc lên Ngự đỉnh.

DÒNG “SÔNG MẸ” XỨ THANH

Sông Mã

Sông Mã gấm lên khúc độc hành.

(Quang Dũng - Tây Tiến)

Nghe tên sông Mã, nhiều người thường nghĩ đến dòng sông chảy hung dữ như ngựa lồng. Thực ra, tên sông bắt nguồn từ tiếng Tày - Thái “Nậm Mạ”: *Nậm* có nghĩa là *sông nước*, còn *Mạ* có nghĩa là *mẹ*. Như vậy, sông Mã chính là dòng sông được người dân coi là sông Lớn, sông Mẹ.

Thượng nguồn của sông Mã hùng vĩ bắt nguồn từ suối nước Púng Hon ở tận tít Mường Lèo, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Khu vực thượng nguồn sông Mã, đoạn qua địa bàn huyện Sông Mã từ xã Bó Sinh đến xã Chiềng Khương có chiều dài gần 90 km. Đây là vùng đồi núi trập trùng, có nhiều khe suối chảy ra cung cấp thêm nước cho dòng sông

Mã ngày một dồi dào. Để đi lại giữa các bản, người dân nơi đây tự bắc những chiếc cầu tre lắt lẻo qua suối vào mùa mưa; đến mùa nước cạn có thể lội qua dễ dàng, họ lại tháo dỡ cầu cất đi.

Từ Chiềng Khương, sông Mã sang “thăm” đất nước Lào, chảy qua các bản làng Sầm Nưa, tỉnh Hủa Phan. Đoạn sông này có chiều dài 102 km.

Sông Mã trở lại nước ta tại bản Tén Tần, huyện Mường Lát ở phía tây bắc tỉnh Thanh Hóa. Sông chảy qua các huyện Mường Lát, Quan Hóa, Bá Thước, Cẩm Thủy...

Tại Quan Hóa, sông Mã chảy qua Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hú còn giữ được những cánh rừng nguyên sơ, nhiều loài thú rừng quý hiếm. Sông Mã lại có thêm nguồn nước từ sông Luồng đổ vào. Người ta gọi đây là “thủ phủ của tre luồng”. Nhìn đâu cũng thấy tre luồng, từ dưới vực sâu lên đến những sườn núi cao, sương phủ quanh năm. Các bè mảng tre luồng tập kết tại các “bùng nước” mở rộng ở sông Luồng để chở ra sông Mã đưa về xuôi.

Sông Mã chảy qua thị trấn Cẩm Thủy, xuôi về Cẩm Vân ngang qua Vĩnh Lộc, nơi có thành Nhà Hồ, một di tích văn hóa - lịch sử độc đáo được UNESCO công nhận. Việc xây thành nhanh chóng lạ thường, chỉ trong vòng ba tháng. Có thể dòng sông Mã đã có vai trò nhất định trong việc vận chuyển đá xây thành.

Qua Vĩnh Lộc một đoạn, sông Mã nhận thêm nước từ sông Bưởi làm cho dòng sông mở rộng thêm.

Sông Bưởi còn gọi là *sông Sòi*, bắt nguồn từ Suối Rút (Mai Châu), Hòa Bình, nằm ở phía nam hồ Hòa Bình chừng 7 km, chảy ngoằn ngoèo qua rìa phía tây Vườn quốc gia Cúc Phương trước khi hợp lưu với dòng sông Mã.

Phụ lưu cuối cùng và lớn nhất của sông Mã là sông Chu, hợp dòng với nhau tại Ngã ba Giàng (Ngã ba Bông).

Sông Chu

Sông Chu còn gọi là *sông Lường*. Con sông này vốn có tên gốc là *sông Sủ*, trên bản đồ người Pháp phiên là *Chu*, từ đó thành tên. Bắt nguồn từ tây bắc Sầm Nưa bên Lào, sông dài 325 km, phần chảy trên đất Việt Nam là 160 km.

Tại Bái Thượng, lòng sông hẹp và nhiều thác ghềnh, đá ngầm, đá nổi, việc vận chuyển trên sông chủ yếu bằng bè, mảng. Từ năm 1921 đến 1929, Pháp đã xây dựng đập dâng nước Bái Thượng dài 160 m, cao 23,5 m, tưới cho hơn 50 nghìn hecta đất ruộng hai vụ của Thanh Hoá; những năm 1990 đập được sửa chữa để đảm bảo an toàn.

Năm 2006, dòng sông Chu được chặn lại, dẫn nước tới hồ chứa nước thủy lợi - thủy điện Cửa Đạt để có nước tưới cho 87 nghìn hecta đất nông nghiệp, đồng thời có thể phát điện, phục vụ nước sinh hoạt cho cư dân các huyện miền xuôi và thành phố Thanh Hóa, cấp nước cho sông Mã vào mùa nước kiệt.

Sau khi hợp lưu cùng sông Chu, sông Mã chia làm hai dòng.

Nhánh phía bắc gọi là sông Lèn, chảy giữa một bên là Hậu Lộc, một bên là Nga Sơn, đổ nước ra lạch Sung tức *Cửa Sung*.

Nhánh phía nam vẫn gọi là sông Mã, đổ nước qua lạch Hới tức *Cửa Hới*, gần thị xã Sầm Sơn.

Sông Mã chảy qua thành phố Thanh Hóa, một thành phố lớn ở Bắc Trung Bộ.

Nhiều cây cầu bắc ngang qua sông Mã, nổi tiếng nhất là cầu Hàm Rồng. Tại bờ phía tây sông Mã là dãy núi Rồng 99 ngọn nhấp nhô chạy dài, bên kia sông là núi Ngọc, như một hạt châu trước miệng rồng.

Phù sa sông Mã bồi đắp nên đồng bằng ven biển Thanh Hóa là đồng bằng lớn nhất miền Trung và lớn thứ ba của cả nước.

Ven biển Thanh Hóa khá bằng phẳng, có bãi biển Sầm Sơn đẹp nổi tiếng. Phù sa sông vẫn tiếp tục bồi đắp vùng trũng Nga Sơn. Theo truyền thuyết, xưa kia Mai An Tiêm bị dầy ra đảo hoang cách xa bờ. Ngày nay đảo hoang ấy đã gắn vào đất liền, chính là ngọn núi mang tên Mai An Tiêm.

“SÔNG LAM BIẾT KHI MÔ CHO CẠN”

Sông Lam vốn có tên là Ngàn Cả - sông Cả. Cả đương nhiên là lớn nhất trong miền.

Sông bắt nguồn từ tỉnh Hủa Phăn bên Lào, với hai nguồn. Nguồn Nậm Nơn từ dãy Pu Lôì chảy xuống; tính

theo nguồn này thì sông Lam dài 531 km. Nguồn kia là Nậm Mộ, từ cao nguyên Trấn Ninh chảy về; theo nguồn này thì chiều dài sông chỉ là 432 km.

Hai con sông ấy uốn lượn qua các đồi núi, thác ghềnh, đến ngã ba Cửa Rào thì hợp lại thành hình chữ V.

Nậm Mộ nước đục ngầu phù sa. Nậm Nơn nước trong xanh hiền hòa.

*“... Ở, (chừ) ai biết nước sông Lam rằng là trong,
là đục*

Thì biết sống cuộc đời rằng là nhục, là (ơ) vinh...”

Xứ Nghệ từng là mảnh đất “phên dậu” của quốc gia Đại Việt. Đây chính là tiền đồn để các vương triều thay phiên nhau trấn giữ từng tấc đất biên cương trước họa xâm lấn của Chiêm Thành, Ai Lao, Bồn Man. Đồi bờ dòng Lam vẫn còn in đậm dấu ấn của một thời binh lửa, vẫn còn đó những câu chuyện của một thời chiến chinh. Sau khi dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, triều đình nhà Lí đã cử Uy Minh Vương Lí Nhật Quang (988 - 1057) vào đây thiết lập kỉ cương, giữ cho đời sống dân lành được ổn định. Phụng mệnh triều đình, Lí Nhật Quang đã thực hiện nhiều kế sách giữ vững biên cương, phát triển kinh tế, như chỉ đạo dân binh đào kênh dẫn nước.

Từ Cửa Rào, dòng sông Lam chảy men theo Vườn quốc gia Pù Mát hoang sơ. Thấp thoáng bên chân núi là những nhà sàn của các bản làng Thái, Đan Lai...

Qua Tương Dương, Con Cuông, sông Lam nhận nước của sông Hiếu ở ngã ba Cây Chanh.

Sông Hiếu

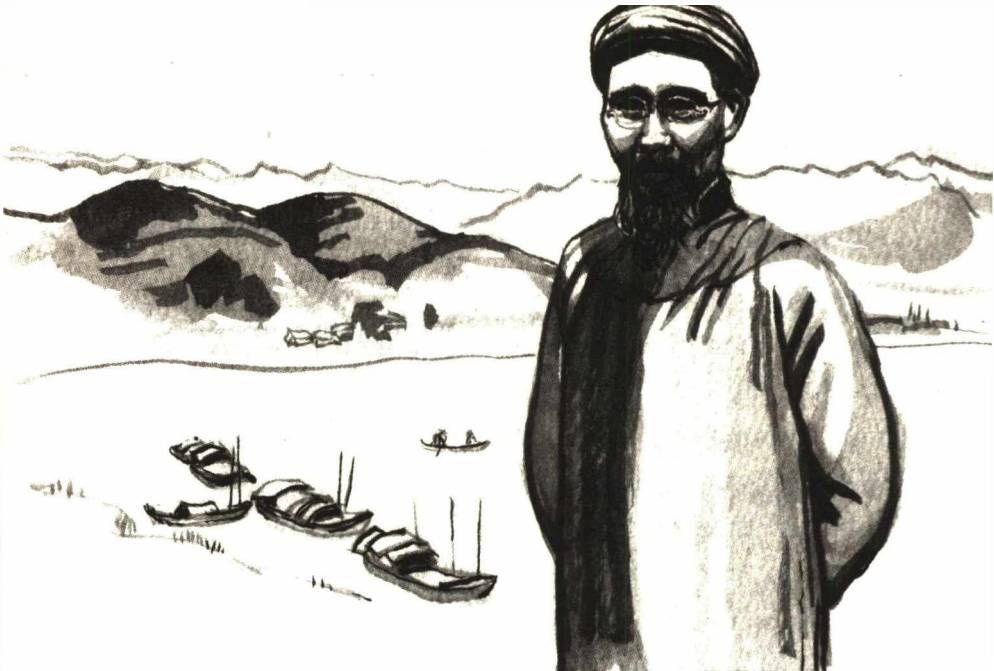
Sông dài 220 km, là một chi lưu lớn của sông Lam. Tại ngọn nguồn sông Hiếu có huyền tích về người con gái hiếu nghĩa Y La. Khi quân giặc kéo đến tàn phá bản làng, nàng Y La giả tình nguyện làm vợ tướng giặc, rồi dùng mưu giết hấn. Quân giặc giết Y La để trả thù trước khi tháo chạy. Máu Y La chảy đỏ khắp mặt đất, để lại miền đất đỏ Phủ Quỳ màu mỡ ngày nay. Vì thế, dòng sông được đặt tên là sông Hiếu.

Đất đỏ Phủ Quỳ vốn là đá bazan phong hóa mà thành. Từ năm 1913, người Pháp đã trồng cà phê ở Phủ Quỳ, trong khi tại Tây Nguyên mãi đến giai đoạn 1920-25 mới bắt đầu trồng. Thương hiệu cà phê "Arabica du Tonkin" có xuất xứ từ Phủ Quỳ được đánh giá cao về chất lượng và chủ yếu được xuất khẩu sang Pháp.

Chặng đường đến Thanh Chương, sông Lam còn nhận được nước bổ sung từ hàng loạt sông nhỏ như Rào Gay, sông Giăng, sông Rộ, Rào Gang...

Sông Giăng

Sông bắt nguồn từ núi Pu Loong trong vùng lõi Vườn quốc gia Pù Mát. Ngược dòng sông Giăng có tới 147 thác ghềnh. Ở nơi đầu nguồn là địa bàn sinh sống của tộc người Đan Lai. *"Theo dấu chân nai / Tra vào hạt lúa / Theo dấu chân cọp / Bỏ vào hạt ngô / Lang thang đầu núi / Đều hiu*



Sông Lam núi Hồng - nơi địa linh nhân kiệt

lưng đeo / Sống đời nghèo khổ / Như dòng suối nhỏ / Như gió rừng chiều..." (Ca dao Đan Lai). Cuộc thiên di từ 600 năm về trước đã biến người Đan Lai thành một tộc người tách biệt. Họ có một thói quen lạ lùng: ngủ ngồi. Không có giường chiếu để nằm, họ chỉ tựa đầu lên một chiếc gậy để ngủ ngồi, phòng khi có biến chạy ngay vào rừng.

★

Dòng sông Lam chảy qua những vùng dày đặc các di tích lịch sử hào hùng của Nghệ Tĩnh.

Dãy Hùng Sơn (Rú Đụn) ở Nam Đàn, từ xưa đã được liệt vào hàng "danh sơn mây khói tự". Nơi đây có thành

Vạn An, đền thờ Mai Hắc Đế và khu mộ, nơi lưu giữ hài cốt người đứng đầu cuộc khởi nghĩa chống quân xâm lược nhà Đường năm 713 - 723.

Trên núi Chung có chùa Đạt và đền Thánh Cả. Đền Thánh Cả thờ Xuân Lâm tướng quân Nguyễn Đắc Đài, danh tướng nhà Trần có công dẹp giặc Bồn Man và đã hi sinh anh dũng tại chiến trường.

Bên dòng sông Lam cũng là quê hương của nhà chí sĩ Phan Bội Châu và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sông Lam chảy qua Nam Đàn đến Đức Thọ nhận thêm nước sông La ở Ngã ba Phủ.

Sông La

(Chú) Đi mô rồi cũng nhớ về Hà Tĩnh

Nhớ núi Hồng Lĩnh nhớ dòng sông La...

(Nguyễn Văn Tý

- Một khúc tâm tình của người Hà Tĩnh)

Sông La là một phụ lưu của sông Lam. Sông La không dài, không lớn, nhưng có vị trí vô cùng quan trọng, nối kết hai miền đất Nghệ Tĩnh nổi tiếng địa linh nhân kiệt.

Danh nhân Nguyễn Thiếp được Nguyễn Huệ tôn làm bậc thầy, các sĩ tử tôn xưng là *La Sơn Phu Tử* hay *La Giang Phu Tử* theo tên dòng sông này.

Sông La là hợp lưu của hai dòng sông khác cũng rất đặc sắc: sông Ngàn Phố và sông Ngàn Sâu.

Sông Ngàn Phố

Còn được gọi là sông Phố, dài 71 km, sông bắt nguồn từ dãy Giăng Màn (tức dãy Trường Sơn), chảy giữa một bên là dãy Thiên Nhẫn điệp trùng, nơi có đền La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, có khe Nước Đổ và thành Lục Niên, căn cứ chống giặc Minh của Bình Định Vương Lê Lợi trong sáu năm liền... Còn bên kia là làng mạc trù phú với ngàn dâu xanh mượt và những cánh đồng lúa thẳng cánh cò bay, có làng mộc Xa Lang nổi tiếng, đã từng góp phần tạo tác những lâu đài, lăng tẩm cố đô Huế.

Nơi đây cũng là quê mẹ của đại danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Ông đã về đây ở ẩn, chữa bệnh cho dân và soạn bộ sách *Y tông tâm lĩnh* vô cùng quý giá đối với nền y học dân tộc.

Xa hơn về thượng nguồn còn lưu dấu tích của Cao Thắng - vị tướng tài ba, anh dũng của nghĩa quân Phan Đình Phùng.

Sông Ngàn Sâu

Sông dài khoảng 131 km, bắt nguồn từ vùng núi Ông Giao Thừa và núi Cũ Lân thuộc dãy Trường Sơn, nơi giáp ranh hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh.

Sông Ngàn Sâu có các phụ lưu là sông Tiêm và sông Ngàn Trươi.

Sông Ngàn Trươi chảy uốn khúc quanh co ôm lấy Vườn quốc gia Vũ Quang trập trùng. Trong phong trào Cần

vương, Phan Đình Phùng đã lấy nơi đây làm căn cứ chống Pháp suốt hơn 10 năm trời (1885 - 1896). Trong một trận chống giặc tàn năm 1894, nơi đây trở thành thiên la địa võng đón địch. Nghĩa quân lợi dụng vách núi hiểm yếu, nước sông chảy mạnh, bí mật chặt nhiều cây gỗ to rồi lấy đá ngăn dòng tích nước. Khi công việc chuẩn bị được hoàn tất cũng là lúc quân Pháp tấn công vào căn cứ. Chọn đúng thời điểm quân giặc qua sông, nghĩa quân vừa nổ súng vừa phá kè. Dòng lũ dữ âm ầm đổ xuống kéo theo những cây gỗ lớn đè bẹp và cuốn trôi hàng trăm binh lính Pháp. Trận "sa nang úng thủy" làm kinh hồn bạt vía quân thù, nghĩa quân



thu được rất nhiều súng ống đạn dược, quân trang quân dụng của địch...

Năm 2009, công trình đại thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang được khởi công xây dựng và dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2017. Khi đó hồ Ngàn Trươi sẽ là một trong ba hồ chứa nước lớn nhất Việt Nam, chỉ sau hồ Dầu Tiếng và hồ Cửa Đạt.

Ngã ba hai sông Ngàn Phố và Ngàn Sâu gặp nhau có tên là *Tam Soa* được ví như ba dải lụa đào.

Từ bến Tam Soa, sông La đổ nước vào sông Lam cùng chảy vào đồng bằng Nghệ Tĩnh.

Đoạn cuối của dòng Lam uốn lượn, quanh co dưới chân dãy núi Hồng Lĩnh tạo thành bức tranh thủy mặc hùng vĩ mà nên thơ. Sông Lam và núi Hồng là biểu tượng của ý chí ngoan cường và khí phách của người Nghệ Tĩnh.

Sông Lam có lượng nước dồi dào, mùa lũ nước cuộn dâng cao, nhiều năm gây lũ lụt. Nhưng lượng phù sa của sông không nhiều. Đồng bằng Nghệ Tĩnh không rộng, nhưng cũng tạo nên những địa thế thuận lợi để hình thành các đô thị Hà Tĩnh, Hồng Lĩnh và Vinh.

Vinh từng được vua Quang Trung chọn làm nơi để xây dựng Phượng Hoàng Trung Đô, công việc được giao phó cho La Sơn Phu Tử chủ trì. Tiếc rằng chưa kịp khởi công thì triều Tây Sơn sụp đổ.

Hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh được nối với nhau bằng cầu Bến Thủy.

Cầu Bến Thủy được xây dựng từ năm 1990 với kết cấu dàn thép, đóng vai trò quan trọng trên tuyến quốc lộ 1A suốt mấy chục năm qua. Cầu cũ sau được sửa chữa nâng cấp và gọi là Cầu Bến Thủy I.

Cầu Bến Thủy II là cây cầu mới được hoàn thành năm 2012, cách Cầu Bến Thủy I khoảng 800 m về phía thượng lưu, được xây dựng với bốn làn xe cơ giới, hai làn xe thô sơ, chiều dài 1.000 m.

Phía nam cầu Bến Thủy không xa, tại làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân có Khu tưởng niệm đại thi hào Nguyễn Du nằm trong quần thể di tích dòng họ Nguyễn Tiên Điền.

Dòng sông Lam chảy ra biển tại Cửa Hội. Cửa sông này nằm ở phía nam bãi biển Cửa Lò. Bờ biển dài 12 km, trong đó hơn 8 km liên tục là bãi biển cát trắng, phẳng mịn.

SÔNG GIANH THEO DÒNG CHẢY LỊCH SỬ

Nước ta có hơn hai trăm dòng sông, duy nhất có sông Gianh chỉ chảy qua một tỉnh là tỉnh Quảng Bình. Là sông lớn nhất trong số năm con sông của Quảng Bình, sông Gianh phát nguyên từ bốn đầu nguồn: nguồn Son, nguồn Nan, nguồn Trổ và nguồn Nậy. Các nguồn sông nhỏ chảy về nhập lại tại ngã ba Cửa Hác, tạo thành sông Gianh hay còn gọi là Đại Linh Giang. Lòng sông sâu, nước chảy mạnh, từ rừng núi Trường Sơn hiểm trở con sông lách núi, xuyên

ngàn, tạo nhiều ghềnh thác rồi đổ ra biển Đông. Chảy đến đồng bằng, có nơi dòng sông mở rộng đến 900 m.

Sông Son đưa nước từ khối đá vôi Phong Nha - Kẻ Bàng về cung cấp cho sông Gianh ở phía dưới Ba Đồn, cách chừng 3 km. Tại đây lòng sông rộng tới 1 km. Thuyền ngược dòng sông Son đưa ta đến thế giới huyền ảo và diệu kì của các hang động đẹp bậc nhất thế giới, như động Phong Nha, động Thiên Sơn, động Sơn Đoòng...

Sông Gianh và Đèo Ngang của tỉnh Quảng Bình có vị thế đặc biệt trong tiến trình lịch sử Nam tiến của người Việt. Từ thế kỉ 2 đến thế kỉ 11, mảnh đất Quảng Bình là vùng tranh chấp giữa hai vương quốc Chăm Pa và Đại Việt.

Năm 1285, quân Nguyên Mông do Toa Đô chỉ huy từ Chiêm Thành đánh vào phủ Bố Chính; nhân dân Bố Chính đã thực hiện vườn không nhà trống, góp phần vào cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông. Thời Hậu Trần, nhân dân hai bên bờ nam bắc sông Gianh đã cùng nghĩa quân Trần Quý Khoáng anh dũng chống giặc Minh xâm lược.

Tháng 8 năm 1425, sau khi vây thành Nghệ An, Lê Lợi phái tướng Trần Nguyên Hãn, Lê Nỗ đem quân và voi chiến vượt sông Gianh vào đánh quân Minh, giải phóng Tân Bình - Thuận Hoá.

Năm 1470, vua Chiêm là Trà Toàn một mặt cho người sang cầu cứu nhà Minh, một mặt đem 10 vạn quân đi đánh Hóa Châu của Đại Việt. Năm 1471, Lê Thánh Tông thân chinh đi đánh Chiêm Thành, bắt sống được vua Chiêm.

Khi đội thuyền chiến dừng lại ở cửa sông Gianh, vua Lê đã để lại bài thơ *Linh Giang Hải Tấn*.

Cuối thời Hậu Lê, khi Trịnh Kiểm lên nắm quyền, Nguyễn Hoàng là con trai của Nguyễn Kim sợ bị sát hại, đã theo lời khuyên của Trạng Trình xin Kiểm cho vào Nam lập cơ nghiệp. Thời Trịnh Nguyễn phân tranh tại bờ nam sông, quân sư của chúa Nguyễn là Đào Duy Từ cho đắp lũy Thầy dài 18 km, lũy Trường Dục dài 10 km để ngăn chặn quân Trịnh.

Thời kì đó kéo dài từ 1620 đến 1672, trong 52 năm đã diễn ra bảy lần giao tranh, chẳng bên nào giành phần thắng, phải lấy sông Gianh làm giới tuyến. Phía bắc sông Gianh là Đàng Ngoài - thuộc họ Trịnh; phía nam sông Gianh là Đàng Trong - thuộc họ Nguyễn.

Xưa kia trên con đường thiên lí từ Bắc Hà vào Kinh đô Huế, đến bên bờ sông Gianh phải qua con đò chèo chèo trên sóng nước.

Đến năm 1886, dưới thời đô hộ Pháp, bến phà Gianh mới được xây dựng trên con đường Quốc lộ số 1.

Năm 1960, để đáp ứng nhu cầu đi lại, nhà nước ta mở thêm Bến phà Gianh II ở phía trên bến phà cũ 5 km, nơi dòng sông thu hẹp nhất.

Tuy nhiên, phà muốn qua sông phải chờ lúc con nước rặc để dòng sông hẹp lại, nên xe cộ thường phải xếp hàng dài hai bên bờ sông, gây ùn tắc kéo dài. Bến phà Gianh giờ

dây đã trở thành di tích một thời để phục vụ tham quan, du lịch.

Năm 2013, cầu Văn Hóa hiện đại nổi đôi bờ sông Gianh được khánh thành. Đó là cầu bê tông cốt thép vĩnh cửu, dài 4.000 m, có hai đường song song dành cho ô tô và xe lửa.

SÔNG BẾN HẢI - RANH GIỚI CHIA CẮT MỘT THỜI

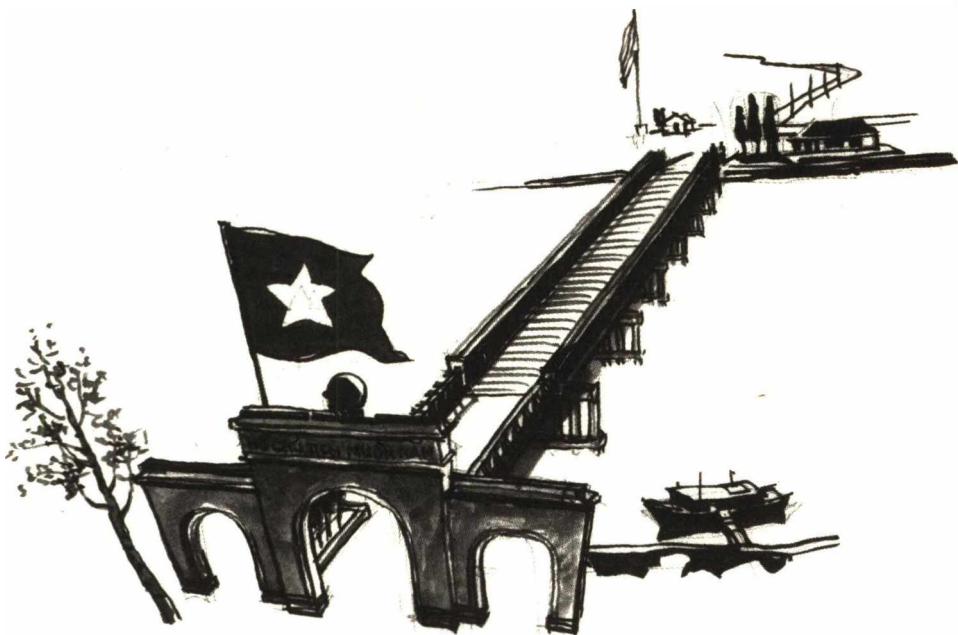
Cũng giống như sông Gianh xưa, sông Bến Hải từng là ranh giới tạm thời chia đất nước thành hai miền Nam - Bắc.

Ở nơi phát nguyên Rào Tranh, sông Bến Hải chỉ là dòng sông nhỏ, rộng chừng hai chục mét. Sông chảy khoảng 80 km thì đón nước của sông Sa Lung bên tả ngạn. Hai con sông hợp lưu chảy qua làng Minh Lương trên bờ Bắc, nên được gọi là sông Minh Lương. Vì tránh tên húy của vua Minh Mạng, *Minh* phải đổi thành *Hiền*. Do đó dòng sông và tên làng đều đổi thành *Hiền Lương*.

Sông Hiền Lương chảy theo hướng tây - đông về Cửa Tùng là ranh giới hai huyện Vĩnh Linh phía bắc và Gio Linh phía nam. Nơi rộng nhất lòng sông cũng chỉ khoảng 200 m. Mặc dù lòng sông không rộng, nhưng thuở xưa người đi đường cái quan qua đây phải sang bằng dõ.

Cầu Hiền Lương

Năm 1928, phủ Vĩnh Linh huy động dân đóng góp đã dựng được cây cầu gỗ đóng cọc sắt, rộng 2 m, tải trọng chỉ



Cầu Hiền Lương

đủ dành cho người đi bộ. Lịch sử cầu Hiền Lương bắt đầu từ đây. Năm 1931 người Pháp cho gia cố, nhưng xe cộ vẫn phải qua sông bằng phà. Đến năm 1943, cây cầu được gia cố một lần nữa, xe cơ giới loại nhỏ mới qua được. Năm 1952 cầu được xây mới bằng bê tông cốt thép, dài 178 m, gồm 7 nhịp, rộng 4 m, có rào chắn, cho phép xe cộ dưới 18 tấn qua lại.

Hội nghị Giơnevơ năm 1954 quyết định lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới phi quân sự tạm thời giữa miền Bắc thuộc Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và miền Nam thuộc Cộng hòa Việt Nam. Cầu Hiền Lương - cây cầu nối giữa hai miền nhưng không thể qua lại được - trở thành biểu tượng chia

cất đất nước với hai màu sơn khác nhau. Nhà văn Nguyễn Tuân đã tỉ mỉ đếm: *“Cầu chia làm hai phần, mỗi bên dài 89 m, sơn hai màu khác nhau. Bờ Bắc gồm 450 tấm ván mặt cầu, bờ Nam 444 tấm.”*

Năm 1967, máy bay Mĩ đánh sập cầu Hiền Lương.

Năm 1974, chiếc “cầu thống nhất đất nước” được xây dựng lại bằng bê tông cốt thép, dài 186 m, rộng 9 m, có hành lang cho người đi bộ rộng 1,2 m. Nhưng cầu bị xuống cấp nên đến năm 1996, cầu mới với chiều dài 230 m, rộng 11,5 m được xây dựng bằng phương pháp hiện đại ở phía tây cầu cũ.

Hiện nay cây cầu cũ đã được phục dựng, trở thành một di tích lịch sử phục vụ tham quan du lịch.

Cửa Tùng - nơi sông Bến Hải đổ ra biển Đông là một bãi biển đẹp nổi tiếng được biết đến từ lâu. Vốn xưa kia đây là nơi neo thuyền của dân đánh cá, nhưng Cửa Tùng đã lọt vào “mất xanh” của người Pháp khi họ sang chiếm nước ta. Cửa Tùng được họ gọi là “Nữ hoàng của các bãi biển” (*La Reine des plages*). Họ đã cho xây ở đây một nhà nghỉ mát của tòa Khâm sứ Pháp.

Năm 1907, được sự đồng ý của chính quyền Pháp, triều đình nhà Nguyễn dựng hoàng tử Vĩnh San 7 tuổi lên ngôi, tức vua Duy Tân. Ông vua nhí được đưa ra bãi biển Cửa Tùng để các quan phụ chính kèm cặp. Duy Tân được người Pháp cho nghỉ ở tòa biệt thự của Pháp, vì thế tòa nhà này được đổi tên là nhà Thừa Lương (tức nhà Nghỉ mát).

Ngày xưa Cửa Tùng là bảo vật của thiên nhiên ban tặng, hiện nay qua dặm dài lịch sử đất nước, Cửa Tùng là điểm nhấn trong một không gian văn hóa du lịch nổi tiếng: Sông Bến Hải - cầu Hiền Lương - làng địa đạo Vĩnh Mốc - bãi Cửa Tùng - rừng nguyên sinh Rú Lịnh...

SÔNG THẠCH HÂN CHẢY QUA THÀNH CỔ

Sông Thạch Hãn dài 150 km, là huyết mạch giao thông đường thủy giữa các miền trong tỉnh Quảng Trị, đồng thời cũng là nguồn nước tưới tắm cho vùng đồng bằng ven sông.

Tại đầu nguồn sông có tên là Đa Krông. Sông Đa Krông không rộng, chảy quanh co uốn khúc, khi thì phẳng lặng, êm đềm, khi thì ào ào vượt qua những ghềnh thác, triền núi Ta Lung, núi Klu nhấp nhô trong mây trắng. Dưới chân núi ven sông thấp thoáng các buôn làng Xa Lãng, Klu của đồng bào Pa Cô và Vân Kiều. Trong những năm chiến tranh, nơi đây từng là điểm vượt bí mật của Đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại.

Sông Đa Krông đón thêm nước của nhiều sông suối nhỏ chảy về Ba Lòng và cũng mang tên sông Ba Lòng.

Sông Ba Lòng được coi là một “rốn lũ”. Khi lũ nguồn ập đến, dòng sông đang yên lành trong phút chốc bỗng ào ào cuồn cuộn, nước từ các khe suối ào ạt chảy về. Thêm vào đó, lòng sông đang bị nâng đáy do bồi lắng nhiều năm. Đây là hệ quả của việc xây công trình đại thủy nông Nam Thạch

Hân để ngăn dòng đưa nước vào những cánh đồng vùng Triệu Phong, Hải Lăng.

Sông Ba Lòng chảy khoảng 10 km thì vòng ôm lấy phía tây thị xã Quảng Trị. Quảng Trị vốn “mọc lên” từ làng Thạch Hân xưa kia, nên dòng sông từ đây gọi là sông Thạch Hân hay sông Quảng Trị.

Tại Quảng Trị có Thành cổ là một di tích quốc gia đặc biệt của Việt Nam.

Trong những năm chiến tranh (1954 - 1975), vĩ tuyến 17 đi qua Quảng Trị được lấy làm giới tuyến tạm thời giữa hai miền và là khu phi quân sự, nhưng lại hứng chịu nhiều trận chiến ác liệt nhất.

Năm 1972, tại đây đã diễn ra trận chiến 81 ngày đêm, thường được nhắc đến là “Mùa hè đỏ lửa”.

Quân đội Nhân dân Việt Nam đã chiếm được Thành cổ, trong khi quân đội Việt Nam Cộng hòa ra sức tái chiếm. Khi ấy đang là thời điểm diễn ra Hội nghị Paris, nên bên nào cũng cố giành thắng lợi để làm hậu thuẫn trên bàn hội nghị.

Thành cổ Quảng Trị trở thành một “cối xay thịt”. Mỗi tấc đất nơi đây đều nhuộm máu những người lính. Dòng Thạch Hân trở thành nơi an nghỉ vĩnh hằng của biết bao người chết không để lại nấm mồ.

Hằng năm bên sông Thạch Hân đều có lễ thả đèn và hoa trên sông, ngoài ra còn có lễ cầu siêu cho vong hồn của những người lính chết trận của cả hai bên tại đây.

Nhà nhiếp ảnh, nhà thơ Lê Bá Dương, cựu chiến binh đã viết những câu thơ đầy xúc động về đồng đội của mình:

*Đò lên Thạch Hãn ơi... chèo nhẹ
Đáy sông còn đó bạn tôi nằm
Có tuổi đôi mươi thành sóng nước
Vỗ yên bờ bãi mãi ngàn năm.*

Sông Thạch Hãn chảy về thành phố Đông Hà, tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Trị. Nơi đây cũng là đầu mối của hành lang kinh tế Đông - Tây, nối liền nước ta với Lào, Thái Lan và Myanmar.

Sông Thạch Hãn đổ ra Cửa Việt. Dòng sông nơi đây mở rộng đến Đông Hà trở thành cảng Cửa Việt, từng là cảng quân sự của Hạm đội 7 Hoa Kỳ.

Cửa Việt cũng là một bãi biển đẹp.

SÔNG HƯƠNG XỨ HUẾ

Sông Hương cũng có nhiều tên gọi. Trong *Dư địa chí* (1435), Nguyễn Trãi viết là sông Linh. Danh sĩ Dương Văn An nhuận sắc *Ô châu cận lục* (1555) thì gọi là sông cái Kim Trà (Kim Trà đại giang). Trong *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn gọi là sông Hương Trà. Trong các nguồn tư liệu khác, sông còn có tên là sông Dinh, hay Lô Dung, Yên Lục.

Sông Hương gộp nước từ hai nguồn Tả Trạch và Hữu Trạch.

Sông Hương đẹp nhất khi chiêm ngưỡng từ nguồn và khi chảy quanh các chân núi, xuyên qua các cánh rừng rậm thuộc hệ thực vật nhiệt đới. Con sông chảy chậm qua các làng mạc như Kim Long, Nguyệt Biều, Vĩ Dạ, Đông Ba, Gia Hội, chợ Dinh, Nam Phổ, Bao Vinh... Vẻ đẹp sông Hương càng thêm nét trữ tình khi du khách đi thuyền dọc theo dòng sông ngắm phong cảnh và lắng nghe những điệu ca Huế truyền thống.

Các công trình kiến trúc hai bên bờ sông gồm thành quách, thị tứ, vườn tược, chùa chiền, tháp và đền đài... phản chiếu trên mặt nước khiến dòng sông thêm lung linh gợi cảm. Sông Hương toát lên vẻ thanh bình và hoài cổ.

Bắc qua dòng sông Hương có cây cầu Tràng Tiền như một vành trăng, đẹp nhất khi các nữ sinh áo dài Huế đạp xe qua cầu.



Cầu Tràng Tiền - Huế

Cầu Tràng Tiền

Từ thời nhà Lê, trên sông Hương đã có cây cầu bện bằng song mây, gọi là “Cầu Mây”. Cầu có hình vòng cung như móng cầu vồng nên cũng được gọi là “Cầu Mống”. Cầu Mống về sau được lát bằng ván lim.

Năm 1897, thời vua Thành Thái, nhà cầm quyền Pháp giao cho hãng Eiffel thiết kế và thi công một cây cầu sắt. Năm 1899 cầu hoàn thành, mang tên vua Thành Thái.

Cầu cong như chiếc lược ngà

Sông dài mái tóc cung nga buông hờ.

(Nguyễn Bính)

Cầu có tên thường gọi là cầu Trường Tiền (hay Tràng Tiền) vì được bắc cạnh xưởng đúc tiền của triều đình.

Trong chiến tranh cầu bị hư hỏng nặng, nay đã được sửa chữa lại, lòng cầu mở rộng hơn.

Hằng năm, vào mùa lụt, nước sông Hương dâng cao có thể gây ngập úng cho thành phố Huế và các vùng lân cận. Nhưng nhờ phù sa sau mỗi trận lụt, các miệt vườn như Nguyệt Biều với đặc sản thanh trà, Kim Long với măng cụt... trở nên tốt tươi hơn.

Từ thành phố Huế, sông Hương chảy qua phá Tam Giang 15 km nữa thì tới cửa Thuận An.

Cửa Thuận An còn có tên là Cửa Eo, Cửa Nộn đóng vai trò quan trọng về quân sự cũng như trong giao thương.

Khi định đô ở Huế, nhà Nguyễn đã xây đồn Trấn Hải ở cửa biển. Tháng Tám năm 1883, quân Pháp mở cuộc tấn

công cửa Thuận An. Đồn Trấn Hải thất thủ sau trận hỏa pháo dữ dội từ chiến thuyền Pháp; mất tiền đồn bảo vệ, kinh thành Huế bị uy hiếp. Triều đình buộc phải kí Hòa ước Quý Mùi, công nhận nền bảo hộ của Pháp trên toàn cõi Việt Nam.

Sông Hương chảy qua cố đô Huế có lẽ là dòng sông được nhắc đến nhiều nhất trong thơ ca. Có nhà thơ đã nhận xét:

Nếu như chẳng có dòng Hương

Câu thơ xứ Huế giữa đường đánh rơi.

Cao Bá Quát có những câu thơ độc đáo nhất về sông Hương:

Vạn chướng như bôn nhiều lục điền

Trường giang như kiếm lập thanh thiên.

(Ruộng biếc núi vòng như chạy quanh / Sông dài như kiếm dựng trời xanh.)

Nhiều nhà thơ thế hệ trước như Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Huy Cận, Tố Hữu... đến các nhà thơ trẻ hiện nay, dù là người Huế hay đến từ nơi khác đều có những bài thơ hay về sông Hương nói riêng, xứ Huế nói chung.

SÔNG THU BỒN HỢP DÒNG VU GIA

Sông chính bắt nguồn từ vô vàn con suối nhỏ chảy róc rách từ khối núi cao nhất miền Nam - núi Ngọc Linh (cao 2.598 m), giáp ranh giữa hai tỉnh Quảng Nam và Kon Tum. Tại thượng nguồn sông chảy qua các ghềnh thác, khi ấy

sông Thu Bồn còn có tên gọi là sông Tranh, khúc sông chảy ào ào như thác đổ qua các bản làng của người dân tộc Cơ Dong ở bắc và nam Trà Mi. Qua khỏi xã Trà Linh (thuộc huyện Nam Trà Mi, tỉnh Quảng Nam), sông uốn lượn giữa hai ngọn núi cao sừng sững gọi là hòn Kẽm. Chân hòn Kẽm có nhiều phiến đá trắng, trên đó còn lưu giữ những chữ cổ Chiêm Thành.

Sông Tranh giàu tiềm năng thủy lực nên đã được ngăn dòng làm các hồ thủy điện cung cấp điện cho địa phương và điều tiết nước tưới cho đồng bằng hạ nguồn. Tuy nhiên, do điều kiện địa chất phức tạp nên đã xảy ra một số trận động đất tại hồ thủy điện Sông Tranh 2.

Sông Thu Bồn được tiếp thêm nước của các sông nhỏ như sông Ghềnh Ghềnh, sông Khang, sông Vang... Từ đó Thu Bồn đã trở thành một dòng sông lớn chảy đến Giao Thủy thì hợp nhất với dòng sông Vu Gia.

Sông Vu Gia bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, phần thượng nguồn ở huyện Phước Sơn gọi là sông *Đăk Mi*. Khi qua phía đông huyện Nam Giang, sông được gọi là *sông Cái*. Tại đây, nó nhận thêm nước của *sông Thành* - một phụ lưu lớn ở tả ngạn. Sau đó tiếp tục nhận hai phụ lưu nữa chảy xuống từ phía bắc là *sông Bung* và *sông Côn*, trở thành một con sông lớn.

Thu Bồn và Vu Gia hợp lại thành dòng duy nhất chảy qua Duy Xuyên, Điện Bàn rồi chẽ ra làm hai ôm lấy vùng Gò Nổi. Sông đổ vào vùng đồng bằng ngập mặn có hệ sinh

thái đa dạng giống như đồng bằng Tây Nam Bộ. Tại đây lại chia tách thành nhiều phân nhánh rất phức tạp, trong đó có các nhánh chính là sông Ba Chưôm, sông Cổ Cò, sông Đình, sông Đồ, sông Hội An... chảy qua Cửa Đại ra Biển Đông. Tại thị trấn Vĩnh Điện, một phần nước của sông Thu Bồn đổ vào chi lưu Vĩnh Điện dẫn nước vào sông Hàn và đổ ra cửa Đà Nẵng.

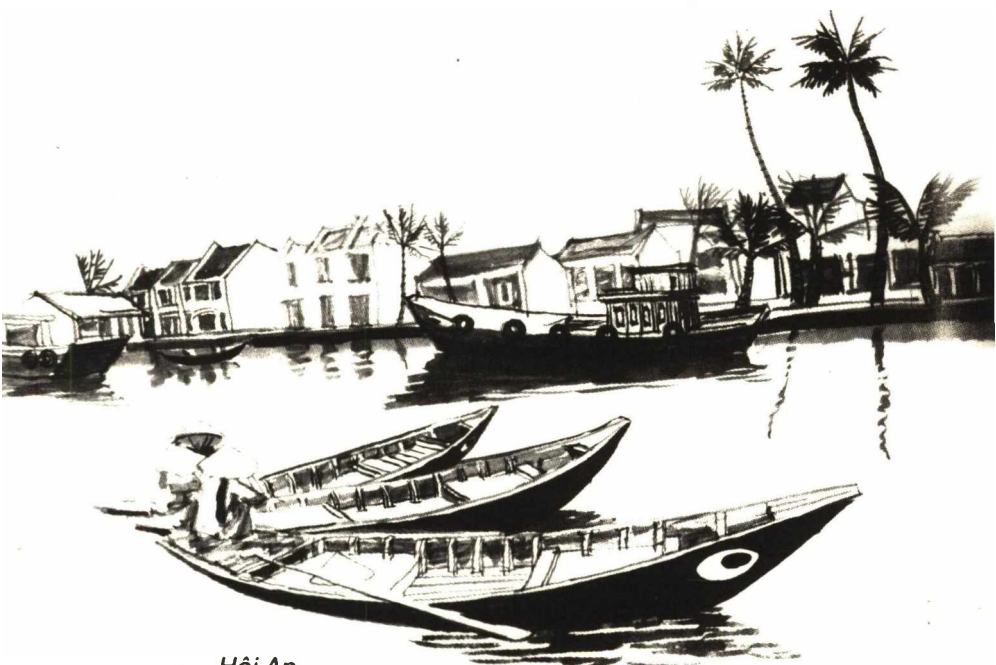
Dòng sông Thu Bồn là mạch nguồn văn hóa và giao thương của mảnh đất miền Trung theo chiều dài lịch sử. Tại lưu vực con sông này đã để lại hai di sản văn hóa thế giới: Khu đền tháp Chăm Pa Mỹ Sơn và Đô thị cổ Hội An.

Hội An

Thị xã nằm ở hạ lưu ngã ba sông Thu Bồn thuộc vùng đồng bằng ven biển tỉnh Quảng Nam, cách Đà Nẵng 28 km về phía nam.

Trong thời thịnh đạt, đặc biệt trong nửa đầu thế kỷ 17, Hội An là trung tâm mậu dịch lớn nhất của Đàng Trong và cả Đại Việt, một trong những thương cảng sầm uất của vùng biển Đông Nam Á. Trung tâm hoạt động của thương cảng là vùng bến cảng cùng phố chợ buôn bán nằm trên bờ biển phía bờ bắc sông Thu Bồn, nay là vùng nội thị của thị xã Hội An. Phạm vi thương cảng lúc đó còn mở rộng ra cả hai bên bờ bắc, nam, bao gồm những nơi neo đậu tàu thuyền như đầm Trà Nhiêu, Trung Phường, Trà Quế...

Với vị trí thuận lợi, Hội An trở thành một trung tâm



Hội An

giao lưu kinh tế rộng lớn, một đô thị - thương cảng tầm cỡ quốc tế. Đó là kết quả của một thời kì đất nước mở cửa trong bối cảnh phát triển của hệ thống buôn bán với khu vực và thế giới. Cũng trong thời kì này, Hội An còn là trung tâm giao lưu văn hoá Đông - Tây, là một trong những cái nôi chính hình thành chữ quốc ngữ, là trung tâm truyền bá đạo Thiên Chúa, đạo Phật ở Đàng Trong.

Từ cuối thế kỉ 19, do chịu tác động của nhiều yếu tố bất lợi, “cảng thị thuyền buồm” Hội An suy thoái dần và mất hẳn, nhường vai trò lịch sử của mình cho “cảng thị trẻ” ở Đà Nẵng. Nhưng cũng nhờ đó, Hội An đã tránh được sự biến dạng của một thành thị trung - cận đại dưới tác động

của làn sóng đô thị hóa hiện đại, để bảo tồn cho đến ngày nay một quần thể kiến trúc đô thị cổ tương đối nguyên vẹn và hết sức độc đáo. Đó là hệ thống di tích phố cổ, nhà ở, hội quán, đình chùa, miếu mạo, giếng cầu, nhà thờ tộc, chợ, bến cảng...

Thành phố Đà Nẵng

Nằm ở vùng cửa sông, tên gọi Đà Nẵng xuất xứ từ tiếng Chăm-pa, cũng có nghĩa là vùng nước rộng lớn “cửa sông cái” hay “sông lớn”.

Năm 1306, vua Chế Mân lấy công chúa Huyền Trân đã dâng nhà Trần hai châu Ô và Lí làm sính lễ. Từ đó Đà Nẵng thuộc về Đại Việt và thuộc địa phận Hóa Châu.

Khi chúa Nguyễn làm chủ Đàng Trong, Đà Nẵng được xây dựng và phát triển thành một vùng dân cư sầm uất. Đà Nẵng cách kinh đô Huế không xa, lại là một cửa biển quan trọng, nên nhà Nguyễn đã xây dựng nơi đây thành một pháo đài phòng thủ.

Năm 1858, quân Pháp mở cuộc tấn công xâm lược Việt Nam, đã đem tàu chiến tấn công Đà Nẵng đầu tiên.

Đà Nẵng ngày nay là một trong những thành phố lớn có sức phát triển năng động nhất nước ta.

Sông Hàn chảy qua Đà Nẵng có nhiều cây cầu bắc qua: cầu Thuận Phước, cầu sông Hàn, cầu Rồng, cầu Trần Thị Lí, cầu Nguyễn Văn Trỗi và cầu Tiên Sơn.

Cầu sông Hàn xây dựng năm 1998, đến nay vẫn là cây

cầu quay duy nhất ở nước ta. Hằng ngày, vào khoảng 1 giờ đêm, phần giữa của cây cầu quay 90 độ quanh trục, xoay dọc theo dòng chảy của dòng sông Hàn để mở đường cho tàu lớn đi qua. Khoảng 4 giờ sáng cầu quay trở lại như cũ.

Cầu Rồng khởi công năm 2009, thông xe năm 2013, dài 666 m, có 6 làn xe chạy. Cầu có hình dáng giống một con rồng, nên được gọi là cầu Rồng. Vào 21 giờ các ngày thứ bảy, chủ nhật trong tuần và các ngày lễ hội, “rồng” lại phun lửa tạo nên hình tượng vô cùng độc đáo và hấp dẫn của Đà Nẵng.

Trên sông Hàn cũng thường tổ chức liên hoan pháo hoa quốc tế rất tưng bừng.

HAI DÒNG SÔNG TRÀ

Quảng Ngãi có hai con sông Trà: Trà Khúc và Trà Bồng, và có biểu tượng là *núi Ấn - sông Trà*.

Sông Trà Khúc

Sông phát nguồn từ núi Đăk Tơrôn cao 2.350 m và hợp nước của bốn con sông là sông Rhe, sông Xà Lò (Selo), sông Rinh (Drinh), sông Tang (Ong). Chỗ ngã tư đó còn gọi là ngã tư Li Lang.

“Trà Khúc” mang tên một dòng họ Chăm-pa: “Trà” gốc từ chữ *jaya* trong tiếng Phạn, là một trong bốn họ chính thống của các vua Chiêm: On, Ma, Trà, Chế.

Sông Trà suốt bao thế kỉ đã và đang là huyết mạch

của vùng đất Quảng Ngãi. Nước sông Trà bốn mùa tưới nhuần cho đồng ruộng trồng lúa, khoai, mía, đậu hai bên dòng sông. Khi chưa có công trình thủy lợi, trên sông Trà có những bánh xe nước đồ sộ đưa nước lên bờ.

Dòng sông Trà cũng rất dồi dào tôm cá, đặc biệt có những loài đặc sản như cá bống, cá thài bai, cá don thơm ngon nổi tiếng.

Danh sĩ Nguyễn Cư Trinh (1716 - 1767) khi làm tuần vũ Quảng Ngãi đã sáng tác *Quảng Ngãi Thập cảnh* bằng chữ Nôm (về sau các thi sĩ khác bổ sung thành Thập nhị cảnh). Trong mười thắng cảnh ấy có bốn cảnh gắn với sông Trà:

- *Long đầu hí thủy*: núi Long Đầu nằm cạnh cầu Trà Khúc như một đầu rồng giỡn sóng sông Trà.

- *Thiên Ấn niêm hà*: Núi vuông chần chặn nằm sát ngay bên mặt sông, tựa như “chiếc ấn trời đóng trên sông”.

- *Hà Nhai vãn độ*: Bến đò Hà Nhai vào những buổi chiều tà, khi ánh dương đỏ trên rặng Thạch Bích phía tây soi bóng những con thuyền lờ lững qua sông, làm cho lòng người buồn man mác.

- *Cổ Lũy cô thôn*: Núi Phú Thọ và thôn Cổ Lũy nằm ở địa phận xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa. Núi Phú Thọ còn có tên là núi Đá Đen, trên núi là quần thể phế tích cung điện, đền tháp và thành quách Chăm-pa. Tương truyền Nguyễn Cư Trinh khi trông về xóm Mồ Côi của những người dân chài đơn độc bên Cửa Đại, đã đặt tên là Cổ Lũy cô thôn.

Sông Trà Bồng

Sông chảy ở phía bắc tỉnh Quảng Ngãi, ngắn hơn sông Trà Khúc, chỉ dài khoảng 70 km.

Bắt nguồn từ địa phận xã miền núi Trà Hiệp, huyện Trà Bồng, sông chảy theo hướng đông qua huyện Bình Sơn đến địa phận thị trấn Châu Ổ thì đổi theo hướng đông bắc đổ ra biển Đông tại vịnh Dung Quất. Tại đoạn hạ lưu, sông tách ra thành hai nhánh tạo thành cù lao Bình Dương trước khi hợp nhất đổ ra biển.

Thượng nguồn sông Trà Bồng là địa bàn sinh sống của đồng bào Cor, vẫn còn nguyên nét sinh hoạt truyền thống thuần phác, hồn nhiên. Nhiều gia đình vẫn lưu giữ được các bộ đàn đá, công chiêng và truyền niềm say mê âm nhạc công chiêng cho các thế hệ nối tiếp.

Đoạn sông Trà Bồng chảy về xuôi có tên là *bến Bà Thủ*. Thời trước, ghe bầu - loại ghe lớn chở hàng của thương nhân từ Cù Lao Ré (đảo Lý Sơn) và các nơi tập nập cập bến mỗi ngày. Người ta chở đến đây bán các loại hải sản, đá vôi và mua hàng thổ sản đem đi. Gọi là “bến” nhưng đây chính là thương cảng trên sông Trà Bồng. Một thời ghe buôn từ đây đưa các thổ sản đường, quế, cau, chè, đồ gốm Mĩ Thiện đi bán tận Hải Phòng và sang Trung Quốc.

Ở nơi sông - biển giao nhau, cửa Sa Cần của sông Trà Bồng hiện nay tiếp giáp với cảng mới Dung Quất.

Bài thơ *Nhớ con sông quê hương* của Tế Hanh có thể xem là một trong những áng thơ đẹp nhất về dòng sông Trà và các dòng sông Việt nói chung:

*Quê hương tôi có con sông xanh biếc
Nước gương trong soi tóc những hàng tre
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè
Tỏa nắng xuống dòng sông lấp loáng...*

CÁC HỒ NƯỚC TIÊU BIỂU

Việt Nam là đất nước nhiều mưa và địa hình phức tạp nên có rất nhiều hồ nước. Hồ là những vùng trũng có chứa nước, thường thuộc dạng nước không chảy. Xét về nguồn gốc và hình dạng có nhiều loại hồ khác nhau, như hồ móng ngựa, hồ kiến tạo, hồ cacxtơ, hồ miệng núi lửa, hồ sa mạc, hồ nước mặn, hồ thiên nhiên, hồ nhân tạo... Ngoài ra còn phải kể đến các ao, đầm. Ao cũng như hồ, nhưng diện tích nhỏ hơn. Đầm thì nước nông sâu sấp.

Các ao hồ có tác dụng trữ nước, điều hòa dòng chảy, tiêu úng, nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy điện và làm nơi nghỉ mát, du lịch...

Tuy nhiên khoa học nghiên cứu về hồ ao nước ta chưa phát triển. Thống kê về hồ ao chưa thật chính xác.

Một vài số liệu về hồ

Tính đến năm 2003, Việt Nam có khoảng 3.500 hồ chứa có dung tích trên 0,2 triệu m³. Trong đó có 1.976 hồ có dung tích lớn hơn 1 triệu m³ với tổng dung tích 24,8 tỉ m³. Số hồ do ngành điện quản lý có 10 hồ với tổng dung tích 19 tỉ m³. Trong

63 tỉnh thành Việt Nam có 44 tỉnh và thành phố có hồ chứa. Tỉnh có nhiều hồ nhất là Nghệ An (249 hồ), Hà Tĩnh (166 hồ), Thanh Hóa (123 hồ), Phú Thọ (118 hồ), Đắk Lắk (116 hồ), Bình Định (108 hồ).

Trong số 1.957 hồ cấp nước tưới do Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý, phân theo dung tích có: 79 hồ dung tích trên 10 triệu m³; 66 hồ dung tích từ 5 đến 10 triệu m³; 442 hồ dung tích từ 1 đến 5 triệu m³; 1.370 hồ dung tích từ 1 đến 2 triệu m³. Tổng dung tích các hồ chứa này là 5,8 tỉ m³ nước tưới cho 505.162 ha.

Sau đây chúng ta cùng điểm qua một số hồ nước tiêu biểu thuộc các loại hình có nguồn gốc tự nhiên và nhân tạo ở nước ta.

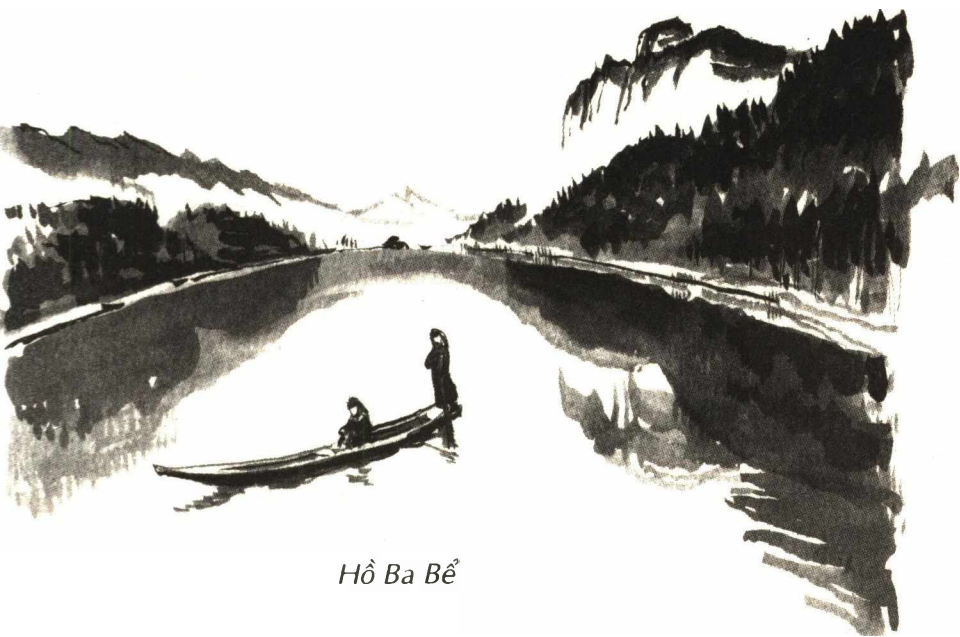
HỒ BA BỂ

Hồ Ba Bể là hồ nước ngọt lớn nhất Việt Nam, nằm ở tỉnh Bắc Kạn, đồng thời cũng nằm trong nhóm 100 hồ lớn của thế giới.

Hồ có tên tiếng Tày là *Slam Pé*, cũng có nghĩa là ba bể hay ba hồ.

Ba “bể” đó có tên là Pé Lầm, Pé Lù và Pé Lèng.

Cổ tích Tày kể về sự ra đời của hồ: Xưa, tại đây là một bản làng đông đúc. Năm ấy dân bản mở lễ hội cúng Phật, người tứ xứ kéo về dự hội nườm nượp. Bỗng xuất hiện một bà già bị hủi quần áo rách rưới đến xin ăn. Đi đến đâu bà lão đều bị người ta xua đuổi, có người còn mắng chửi nữa. Về chiều bà lão mỗi một lê bước đến ngôi nhà nghèo nhất



Hồ Ba Bể

bản của một bà góa sống cùng đứa con cô. Thấy bà lão rách rưới, bà góa mời vào nghỉ và nhường cơm cho bà lão ăn. Tối đến, bà mời bà lão ngủ lại trong chiếc chòi dựng thóc. Nửa đêm, hai mẹ con tỉnh giấc vì chòi thóc phát sáng lòa và có tiếng ầm ầm như xay lúa phát ra, một con thuồng luồng nằm cuộn tròn trên ổ rơm. Hai mẹ con sợ quá, nằm không dám thở. Vừa sáng ra, bà lão cảm ơn và từ biệt ra đi. Trước khi đi bà cho biết bà chính là con giao long được đức Phật phái đến thử thách lòng người. Nhưng chỉ thấy toàn kẻ ác độc nên họ sẽ bị trừng phạt. Bà lão đưa cho hai mẹ con một nắm tro, bảo họ đem rải vòng quanh ngôi nhà và lại đưa cho một nắm thóc để cứu đói sau này. Rồi bà biến mất.

Bà góa vội cảnh báo cho mọi người, nhưng chẳng ai tin. Đêm đó sấm sét nổi lên đùng đùng, mặt đất rung chuyển, nứt toác ra, nước phun lên ào ào nhấn chìm tất cả mọi vật. Chẳng mấy chốc cả bản biển thành một hồ lớn. Riêng khu nhà bà góa được rải tro nên không bị nhấn chìm. Ngày nay nơi đó chính là chiếc gò nổi lên giữa hồ và được gọi là Pò Già Mải, tức Gò Bà Góa.

Việc lí giải nguồn gốc hồ Ba Bể về mặt khoa học không đơn giản. Đây là một dạng hồ hiếm thấy hình thành trên núi đá vôi cacxtơ. Khối núi đá vôi có tuổi Cambri, cách đây trên 450 triệu năm, bị biến chất thành đá hoa. Đứt gãy kiến tạo làm khối đá bị sụt xuống thành bồn trũng. Thông thường bồn trũng cacxtơ không thể trữ nước được vì nước bị hút xuống các khe rãnh ngầm bên dưới. Nhưng đáy bồn trũng ở đây đã được trầm tích lắng đọng dày tới 200 m, bịt kín không cho nước thoát đi.

Hồ Ba Bể có diện tích 650 ha, chiều dài khoảng 9 km, rộng từ 1 đến 3 km. Nước sâu trung bình từ 20 đến 25 m, chỗ sâu nhất tới 30 m. Hồ nằm trên độ cao 145 m so với mực nước biển.

Hồ được cung cấp nước từ hai dòng sông và chảy sang một dòng khác nên nước không tù đọng mà luôn lưu chuyển.

Bao xung quanh hồ là những vách núi đá vôi dựng đứng. Trên núi là thế giới động thực vật vô cùng phong phú và đa dạng, trong lòng hồ có 49 loài cá sinh sống.

Với đặc điểm địa chất địa mạo như thế, hồ Ba Bể đã

được Hội nghị quốc tế về hồ hợp tại Mỹ năm 1995 xếp vào một trong số 20 hồ nước ngọt độc đáo nhất cần được bảo vệ.

Vùng núi đá vôi có hồ nước ở giữa đã được quy hoạch thành Vườn Quốc gia Ba Bể và là Khu dự trữ sinh quyển của ASEAN.

HỒ TÂY

Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương

Mịt mù khói tỏa ngàn sương

Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.

(Ca dao)

Hồ Tây không chỉ là một hồ lớn của Hà Nội mà còn là một trong những hồ nước ngọt lớn nhất nước ta. Hồ có diện tích 530 ha, đường vòng quanh hồ dài 18 km.

Hồ nằm ở phía tây trung tâm Hà Nội nên có tên là Hồ Tây hay *Đoài Hồ*. Hồ còn có các tên khác là hồ Xác Cáo, hồ Kim Ngưu, Hồ Lăng Bạc, Dâm Đàm. Theo sách *Tây Hồ chí*, hồ này đã có từ thời Hùng Vương, thuộc động Lâm Ấp, nên còn gọi là bến Lâm Ấp.

Mỗi tên gọi đều gắn với một sự tích lí thú.

Tên gọi *hồ Xác Cáo* xuất hiện sớm nhất. Trong sách *Lĩnh Nam chí* quái (1492) có truyện về Hồ Li Tinh là một con cáo chín đuôi đã thành tinh, chuyên tác oai tác quái



Hồ Tây

làm hại dân lành. Lạc Long Quân đã dâng nước lên làm ngập hang để diệt trừ con cáo và từ đó nơi đây biến thành một hồ nước.

Tên hồ Kim Ngưu hay hồ Trâu Vàng gắn với một truyền thuyết khác. Truyền rằng, thiền sư Minh Không được vời sang Tàu chữa khỏi bệnh hiểm cho hoàng tử nhà Tống. Vua Tống cảm ơn, cho phép thiền sư muốn xin gì cũng được, nhưng thiền sư chỉ xin một số đồng đen đựng vừa tay nải. Nào ngờ bao nhiêu đồng đen trong kho vẫn lọt thỏm trong chiếc tay nải thần. Thiền sư để tất cả đồng đen lên nón tu lờ chở về nước. Đồng đen được đem đúc thành bốn thứ pháp bảo nhà Phật, trong đó có chiếc chuông đồng cực lớn.

Khi chuông vừa được gióng lên, tiếng vang vọng sang tận Bắc quốc. Con trâu vàng là con của đồng đen đang nằm phủ phục trước kho đồng nghe tiếng vội lồng sang tìm mẹ. Trâu vàng lồng lộn chạy quanh làm sụt lún cả vùng đất rộng thành hồ nước lớn. Ngày nay cả chuông đồng và trâu vàng vẫn ẩn sâu dưới lòng hồ.

Hai Bà Trưng khởi nghĩa năm 40 đóng đô ở Mê Linh. Nhà Hán cử tướng giặc Mã Viện sang đàn áp. Hai Bà đã chỉ huy quân sĩ chiến đấu ngoan cường chặn đánh quân Hán tại *hồ Lãng Bạc* (bến có sóng lớn). Hầu hết các tư liệu cổ đều cho rằng hồ Lãng Bạc chính là Hồ Tây. *“Hồ Tây đưa sức vẫy vùng / Nữ nhi chống với anh hùng được nao”* (Đại Nam quốc sử diễn ca). Cũng có một số nhà nghiên cứu cho rằng hồ Lãng Bạc không phải là Hồ Tây mà ở về phía bắc tỉnh Bắc Ninh, nhưng lại không chỉ ra được hồ nào cụ thể. Vì thế tên gọi hồ Lãng Bạc vẫn còn để ngỏ.

Hồ Dâm Đàm có nghĩa là “hồ mù sương” vì trên mặt hồ luôn có sương giăng phủ (mịt mù khói tỏa ngàn sương). Hiện tượng sương mù trên hồ nhắc ta nhớ đến vụ án oan của Thái sư Lê Văn Thịnh thời Lí. Ông là người đỗ đầu khoa thi minh kinh bác học đầu tiên của nước ta, nên người ta coi ông như “trạng nguyên khai khoa”. Lê Văn Thịnh làm quan tới chức Thái sư đầu triều. Một lần vua Lí Nhân Tông ngồi thuyền du ngoạn trên hồ. Sương mù nổi lên, một chiếc thuyền đến gần, trên đó như có một con hổ định vồ nhà vua. Người lái thuyền là Mục Thuận tung lưới bắt hổ, thì ra

là Thái sư Lê Văn Thịnh. Do sự cố đó, Lê Văn Thịnh bị đưa đi đày cho tới chết.

Tên gọi *Dâm Đàm* trùng với tên Duy Đàm của vua Lê Thế Tông, vì thế để tránh phạm húy, năm 1573 hồ được đổi tên là *Tây Hồ*. Nhưng Tây Hồ lại trùng với tước Tây Vương của chúa Trịnh Tạc (1657 - 1682), nên lại bị đổi thành *Đoài Hồ*...

Theo các nhà địa chất, Hồ Tây vốn là một đoạn sông uốn khúc bị tách ra khỏi dòng chính.

Hồ Tây từ xa xưa đã là một thắng cảnh nổi tiếng của Thăng Long - Hà Nội. Xung quanh hồ có nhiều chùa chiền cổ kính như chùa Trấn Quốc, đền Quán Thánh, chùa Thiên Niên, chùa Tảo Sách, chùa Kim Liên, phủ Tây Hồ...

Ven Hồ Tây có nhiều làng nghề truyền thống. Làng Nghi Tàm xưa kia được công chúa Từ Hoa con vua Lí Thần Tông dạy nghề trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa. Làng Yên Thái sản xuất giấy dó, giấy sắc, giấy lệnh để viết các sắc chỉ của triều đình. Làng Ngũ Xã đúc đồng truyền từ đời nọ sang đời kia cho tới tận ngày nay. Làng Nhật Tân trồng hoa đào nước tiếng gần xa...

Xưa kia *hồ Trúc Bạch* thông với Hồ Tây. Sau đó được ngăn cách bằng con đường nhỏ có tên là Cổ Ngự, dọc trại thành đường Cổ Ngự. Ngày nay đây là con đường Thanh Niên rợp bóng cây, là nơi người Hà Nội và du khách thích tìm đến khi chiều về.

Một góc Hồ Tây có trường Bưởi, nay là Trường phổ

thông trung học Chu Văn An, một trong những trường trung học lâu đời nhất nước ta.

Hồ Tây được coi là lá phổi của Hà Nội phố phường đông đúc. Hà Nội ngày càng mở rộng, nhà cửa cao tầng mọc lên ngày càng nhiều, Hồ Tây ngày nay không còn là một vùng ngoại ô nữa, mà đã có vị thế trung tâm của Thủ đô.

HỒ GƯƠM

Hà Nội có Hồ Gươm

Nước xanh như pha mực

Bên hồ ngọn Tháp Bút

Viết thơ lên trời xanh...

(Trần Đăng Khoa)

Hồ Gươm hay còn gọi là Hồ Hoàn Kiếm được coi là một biểu tượng của Hà Nội.

Hồ nằm ngay giữa trung tâm Hà Nội, có hình bầu dục, rộng chừng 12 ha. Cũng như Hồ Tây, đây là một hồ nước ngọt tự nhiên tách ra khỏi sông Hồng. Căn cứ vào bản đồ thời Hồng Đức cách đây 6 thế kỉ, hồ bấy giờ là một phân lưu của sông Hồng, chảy qua vị trí của các phố hiện nay như Cầu Gỗ, Hàng Đào, Hai Bà Trưng, Lí Thường Kiệt, Hàng Chuối rồi tiếp tục đổ nước ra sông Hồng. Về sau, phía đầu nguồn và cuối nguồn bị phù sa bồi lấp, nơi lòng sông rộng nhất còn lại chính là Hồ Gươm ngày nay.

Ban đầu hồ có tên là Lục Thủy do nước hồ có màu xanh.

Tên *Hồ Gươm* hay *Hồ Hoàn Kiếm* xuất hiện từ thời Lê gắn liền với sự tích vua Lê Thái Tổ. Khi dựng cờ khởi nghĩa, Bình Định Vương được thần ban cho một thanh gươm báu, trên chuôi có khắc hai chữ “Thuận Thiên”. Có được gươm báu, Lê Lợi đã lãnh đạo cuộc kháng chiến trường kì 10 năm cho đến khi quét sạch giặc Minh ra khỏi bờ cõi. Lê Lợi lên ngôi lấy niên hiệu là Thuận Thiên. Một hôm, nhà vua ngồi thuyền du ngoạn trên hồ Lục Thủy thì thấy Rùa Vàng nổi lên bám theo thuyền rồng đòi lại kiếm báu. Khi nhà vua đưa kiếm trả lại, Rùa ngậm lấy và lặn đi mất. Từ đó hồ được gọi là Hồ Hoàn Kiếm (trả gươm), hay gọi tắt là Hồ Gươm.

Thời vua Lê - chúa Trịnh, vua và hoàng tộc vẫn sống trong hoàng thành; chúa Trịnh xây phủ chúa xung quanh Hồ Gươm. Nhiều công trình của phủ chúa nổi tiếng xa hoa, như lầu Ngũ Long, Thượng Trì Cung - cung điện ngằm ở phía nam hồ...

Chúa Trịnh ngăn hồ làm hai: *hồ Tả Vọng* và *hồ Hữu Vọng*. Hồ Hữu Vọng được dùng để duyệt thủy quân. Đến thời vua Tự Đức nhà Nguyễn, hồ Hữu Vọng mang tên hồ Thủy Quân, hồ Tả Vọng mang tên Hồ Hoàn Kiếm.

Năm 1884, sau khi xâm chiếm nước ta, chính quyền Pháp cho lấp hồ Thủy Quân để mở mang đô thị Hà Nội mới.

★



Truyện thuyết Lê Lợi trả gươm báu cho Rùa Vàng

Hồ Hoàn Kiếm có nhiều di tích văn hóa - lịch sử rất có giá trị.

Tháp Rùa được xây dựng trên Gò Rùa có đáy hình chữ nhật, ba tầng chồng lên nhau. Tuy là một công trình nhỏ bé nhưng Tháp Rùa kết hợp với cảnh quan của hồ tạo nên một bức tranh hài hòa, cổ kính.

Đền Ngọc Sơn nằm trên hòn đảo phía bắc thờ thần Văn Xương và Đức Thánh Trần. Chiếc cầu gỗ sơn đỏ dẫn lên đền



Tháp Bút

có hình vòng cung, gọi là *cầu Thê Húc*, có nghĩa là “Nơi đậu ánh sáng mặt trời buổi sáng”.

Bên bờ gần đó là ngọn Tháp Bút năm tầng, thân tháp có ba chữ *Tả thanh thiên* nghĩa là “Viết lên trời xanh”. Bóng Tháp Bút nghiêng xuống Đài Nghiên hình chiếc nghiền đựng mực bên dưới.

Phía đông bờ hồ có tháp Hòa Phong, di tích còn lại của chùa Báo Ân đồ sộ một thời.

Tại hồ Hoàn Kiếm có loài rùa lớn sinh sống từ hàng trăm năm trước, cho đến gần đây vẫn có bốn cá thể rùa. Nhưng đến tháng 1 - 2016 “Cụ Rùa” cuối cùng cũng đã “tịch”.

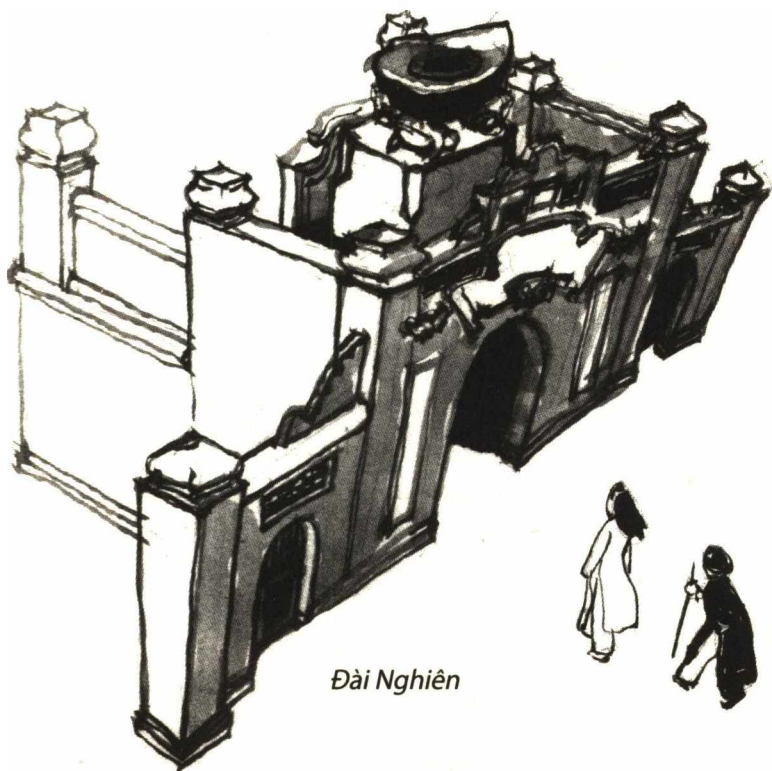
HỒ LẮK

Giữa rừng núi Tây Nguyên hoang sơ đất đỏ bazan hiện lên một tấm gương nước xanh trong, đó là hồ Lắk.

Từ Buôn Ma Thuột theo quốc lộ 27 đi về phía Đà Lạt 56 km, vượt qua đèo Lạc Thiện sẽ đến Hồ Lắk.

Hồ Lắk là hồ nước ngọt tự nhiên lớn thứ hai nước ta sau hồ Ba Bể, với diện tích 620 ha. Hồ ăn thông với dòng sông Krông Ana chảy từ núi cao Chử Yang Xin nên không bao giờ cạn. Đáy hồ rất sâu.

Truyện cổ của người M'Nông kể về sự hình thành hồ nước này như sau: Xưa kia Thần Lửa lấy một cô gái M'Nông sinh ra chàng trai Y Lăk. Trong trận đánh nhau với thần Nước, thần Lửa hung tợn đốt cháy hết rừng cây, tàn phá buôn làng, làm khô cạn tất cả sông suối. Y Lăk thấy có lỗi với dân làng, muốn chuộc tội thay cha, bèn đi tìm nguồn



Đài Nghiên

nước cứu dân. Chàng đi mãi, đi mãi chỉ thấy đồng khô cỏ cháy. Một hôm trong lúc nghỉ chân, chàng thấy một con lươn mắc kẹt trong khe nứt, Y Lăk cứu lươn thoát chết. Lươn báo ơn bằng cách dẫn chàng đi tới một hồ nước rộng lớn bao la. Y Lăk trở về dẫn mọi người đến lập buôn làng bên hồ. Từ đó hồ có tên là hồ Lăk. Bao quanh là những buôn Jun, buôn M'Liêng, buôn Lê của người M'Nông ngày nay.

Theo Saurin, nhà địa chất Pháp nổi tiếng, hồ Lăk được hình thành sau một đợt phun trào núi lửa dữ dội. Dung nham núi lửa ập xuống chặn mất đường chảy của dòng Krông Ana; dòng nước bị dồn ứ lại thành cái hồ lớn.

Tuy nhiên, theo nhà địa chất Hồ Ngọc Kỉ, dòng Krông Ana dù bị chặn lại cũng không thể tạo ra được một hồ nước lớn như vậy. Ông đối chiếu với một loạt hồ tương tự trên thế giới và đi đến nhận định, đây là hệ quả của một vụ nổ thiên thạch rơi xuống tạo nên hồ chứa nước này.

Hồ Lăk là một thắng cảnh thiên nhiên, cùng với rừng núi xung quanh tạo nên một vùng sinh thái động thực vật phong phú.

Nơi đây cũng là một trung tâm văn hóa đặc sắc của người M'Nông, còn bảo lưu những ngôi nhà làng truyền thống dài dằng dặc, những lễ hội công chiêng, những điệu múa điệu nhạc rộn rã tiếng đàn k'long pút, đàn t'rưng, đàn đá...

Hồ Lăk từng được chọn làm nơi nghỉ ngơi, săn bắn của hoàng đế Bảo Đại. Nơi đây vẫn còn tòa biệt điện của nhà

vua và ngôi chùa Khải Đoan do hoàng hậu Nam Phương chủ trì xây dựng.

Hồ Lắk là một điểm du lịch hấp dẫn. Du khách có thể ngồi trên thuyền độc mộc lenh đênh trên mặt nước. Hoặc có thể cưỡi những chú voi cuối cùng còn lại đi thăm thú cảnh sắc núi rừng Tây Nguyên huyền thoại.

HỒ T'NUNG (BIỂN HỒ)

Hồ T'Nưng nằm cách thành phố Pleiku 7 km. Hồ còn có tên là Biển Hồ hoặc Ea Nueng. Tên gọi *T'Nưng* theo tiếng địa phương có nghĩa là “Biển trên núi”. Quả thật, hồ nước này nằm trên bề mặt cao nguyên cao trên 500 m so với mực nước biển. Đây là một hồ nước ngọt tự nhiên lớn,



Hồ T'Nưng chụp từ vệ tinh.

rộng trên 250 ha, độ sâu trung bình 15 - 16 m, là kho nước ngọt 30 triệu m³ cung cấp nước cho thành phố Pleiku và tỉnh Gia Lai.

Sự thành tạo hồ nước này có liên quan đến hiện tượng phun trào núi lửa diễn ra ở Tây Nguyên từ hàng triệu năm về trước.

Nhìn trên ảnh chụp từ vệ tinh thấy rõ hồ nước này là do ba miệng núi lửa đã tắt hợp lại với nhau.

Trong dân gian lưu truyền câu chuyện bi thương về nguồn gốc của hồ nước này. Xưa kia nơi đây là buôn làng sầm uất với những dòng suối trong veo. Hằng ngày tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng đàn hòa vang thành những khúc nhạc rộn rã, âm vang khắp núi rừng. Thế rồi một năm nọ, trâu bò cả làng đều chết. Dân làng cho là Giàng ghét bỏ nên cùng tộc trưởng vào rừng săn bắt nai đem về làm lễ cúng Giàng. Lễ xong, mọi người đang say sưa vui vẻ, vì tin rằng Giàng sẽ phù hộ. Nào ngờ, mặt đất bỗng nhiên rung chuyển làm cả làng sụt xuống vực sâu, nước tràn ngập, không một ai sống sót. Riêng có vợ chồng Mạc Mây bận đi thăm bà con ở xa nên đã tránh được kiếp nạn này. Về làng, chỉ thấy toàn biển nước mênh mông, họ sợ hãi chạy đi báo các làng... Người Gia Rai vẫn cho rằng biển hồ T'Nưng là chứng tích của sự kiện bi thảm khó quên đó. Hằng năm họ vẫn tổ chức lễ hội cầu cúng cho những người đã khuất.

Hồ T'Nưng là nơi ẩn náu của các loài chim. Chim *kơ túc*, *kơ vông* thường thấp thoáng trong các cụm hoa sen,

hoa súng trên mặt hồ. Le le, ngỗng trời thường lặn ngụp trong những bãi lau sậy. Trên trời có chim *đ'rao*, chim *trắc la* bay lượn...

Hồ T'Nưng còn là vựa cá lớn của Tây Nguyên, gồm đủ loại cá nước ngọt như cá chép, cá trắm, cá trôi, cá đá, cá niềng, cá chày, cá ngựa... Ngoài ra còn có rùa, ba ba, lươn, cá chình là những thủy sản sống lâu năm trong hồ. Trong đó cá đá, cá niềng nơi đây là hai loài đặc hữu không đâu có.

Đây cũng là nguồn sống của cư dân ven hồ, mỗi năm khai thác được tới 100 tấn cá cung cấp cho thành phố.

Hồ T'Nưng (Biển Hồ) đã được nhà nước công nhận là khu danh thắng quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên vùng sinh thái ngập nước. Về mặt khoa học, hồ là một di sản địa chất đặc sắc hình thành trên miệng phễu núi lửa.

HỒ BIỂN LẠC

Hồ nằm giữa địa bàn hai huyện Tánh Linh và Đức Linh của tỉnh Bình Thuận, cách Phan Thiết khoảng 100 km về phía tây bắc. Đường đến hồ gập ghềnh và khá xa khu dân cư. Từ xa, hồ Biển Lạc hiện ra như một bức tranh thủy mặc. Mặt nước không gợn chút sóng, thanh bình và êm ả. Trên trời, dưới nước hòa quyện vào nhau tạo nên khung cảnh hữu tình khiến du khách băng khuâng một nỗi niềm man mác.

Tên gọi *Biển Lạc* thường được suy luận rằng, đây là một hồ nước rộng mênh mông hiện ra giữa rừng đại ngàn như

“biển lạc trong rừng”. Nhưng thực ra tên gọi này xuất phát từ danh sĩ Nguyễn Thông (1827 - 1884). Ông là một sĩ phu yêu nước, tham gia chống Pháp ở Nam Bộ. Sau khi sáu tỉnh Nam Kỳ bị Pháp chiếm, ông được Tự Đức triệu ra làm quan tới chức Tư nghiệp Quốc Tử Giám. Nhưng chán cảnh quan trường, ông xin về làm Doanh điền sứ Bình Thuận. Ông đã tiến hành khảo sát các điều kiện tự nhiên của vùng rừng núi Bình Thuận và đặt tên cho hồ là “Lạc Hải”, sau được người ta gọi là Biển Lạc (từ “lạc” ở đây mang nghĩa an lạc, yên bình).

Biển Lạc rộng khoảng 100 ha, vào mùa nước nổi diện tích mặt hồ mở rộng lên tới 300 ha⁽¹⁾.

Hệ sinh thái ở đây rất phong phú, dưới hồ có nhiều loài cá có giá trị kinh tế cao như cá thác lác, cá trèn, trạch, chép và các động vật như trăn, rùa, rắn... Có nhiều loại cây sống dưới nước, thu hút nhiều loài chim đến làm tổ. Trên lòng hồ lúc nào cũng có người giăng lưới, giăng câu. Khi nguồn cá cạn kiệt, người ta nghĩ ra cách nuôi cá dưới lồng bè. Những mái nhà nổi trên mặt nước trông thật lạ lẫm.

Bao bọc ven hồ là rừng già và những vạt rừng cao su bạt ngàn mới trồng. Trong rừng có nhiều cây gỗ quý như trắc,

(1) Hầu hết các tài liệu du lịch về Biển Lạc đều viết: Hồ rộng 1.000 ha, khi nước dâng lên tới 3.000 ha, có nghĩa là hồ này rộng từ gần gấp đôi đến năm lần hồ Ba Bể, gấp bốn đến 12 lần hồ Lắk. Điều này là không hợp lí.

cắm lái, giáng hương, cắm xe, gỗ... và nhiều loài phong lan. Những khu rừng vùng Biển Lạc cùng các khu rừng già của Núi Ông hiện đang hình thành nên khu bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ, nuôi dưỡng các thảm thực vật và các loài động vật quý hiếm. Trong khu rừng già gần Biển Lạc có một ngọn thác đẹp tên là Thác Bà, kết hợp với Biển Lạc là nơi tham quan và du lịch hấp dẫn.

HỒ XUÂN HƯƠNG

Hồ Xuân Hương được ví như trái tim của Đà Lạt. Giống như Hồ Gươm đối với Hà Nội, ai đến với Đà Lạt cũng không thể bỏ qua hồ Xuân Hương nếu không muốn phải ân hận khi trở ra về.

Đà Lạt là thành phố du lịch có tới năm hồ đẹp: Hồ Xuân Hương, hồ Than Thở, hồ Tuyền Lâm, hồ Đan Kia - Suối Vàng và hồ Đa Nhím. Nhưng hồ Xuân Hương ở trung tâm thành phố là nổi tiếng nhất.

Tại sao hồ lại có tên gọi giống như tên bà chúa thơ Nôm vậy? Có lẽ chỉ là một sự trùng hợp mà thôi. Người ta thường giải thích rằng, tên hồ mang ý nghĩa là vào mùa xuân hoa cỏ ven hồ nở rộ, tỏa hương thơm quyến rũ khắp không gian.

Hồ Xuân Hương là hồ nhân tạo, có hình vầng trăng khuyết, dài chừng 7 km, diện tích khoảng 8 ha, độ sâu trung bình 1,5 m, nằm trên độ cao 1.478 m so với mực nước biển.

Xưa kia, nơi đây vốn là vùng đầm lầy mọc nhiều cỏ lác dùng để dệt chiếu và là ruộng lúa của người Lạch ven dòng suối Đạ Lạch (nay gọi là suối Cam Li). Bác sĩ Yersin đã khám phá ra Đà Lạt và đề nghị Toàn quyền Đông Dương lấy làm nơi nghỉ mát. Năm 1919, khi quy hoạch tổng thể Đà Lạt, công sứ Cunhac có ý tưởng làm một hồ nước ở trung tâm thành phố. Kỹ sư công chính Labbé đã xây một đập nước chắn dòng sông tạo thành một hồ nước. Hồ nước này được gọi là *Grand Lac* (Hồ Lớn) để phân biệt với một hồ khác nhỏ hơn ở khu cư xá Saint Benoit (khu Chi Lăng ngày nay), gọi là hồ Saint Benoit.

Năm 1934-35, kỹ sư Trần Đăng Khoa (sau này là Bộ trưởng Bộ Thủy lợi của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) thiết kế, xây dựng một đập lớn bằng đá: đó là cầu Ông Đạo ngày nay. Đập này nằm trước Dinh Quân Đạo, nên khi đập xây xong, người dân quen gọi là *cầu Ông Đạo* (đập cũng là cầu luôn; còn “Ông Đạo” bấy giờ là Phạm Khắc Hòe).

Đến năm 1953, chủ tịch hội đồng thị xã Đà Lạt bấy giờ là Nguyễn Vỹ đề nghị đổi tên *Grand Lac* thành hồ Xuân Hương, làm tăng thêm vẻ lãng mạn của hồ, góp phần tô điểm cho vẻ đẹp của Thành phố Hoa.

Bên hồ là những thắng cảnh như Vườn hoa Thành phố, Công viên Yersin, Đồi Cù... và những kiến trúc mang phong cách châu Âu như tòa Thủy Tạ, quán Thanh Thủy nằm ngay ven hồ.

HỒ THÁC BÀ

Hồ Thác Bà là một trong ba hồ thủy điện lớn nhất, thuộc tỉnh Yên Bái và cũng là hồ nhân tạo đẹp nhất.

Công trình thủy điện Thác Bà là công trình thủy điện đầu tiên ở miền Bắc, được khởi công từ năm 1965, nhưng do chiến tranh phá hoại của Mĩ, mãi đến năm 1968 mới tiếp tục. Đến tháng 3-1971, cửa đập Thác Bà được đóng lại, tạo thành hồ lớn Thác Bà.

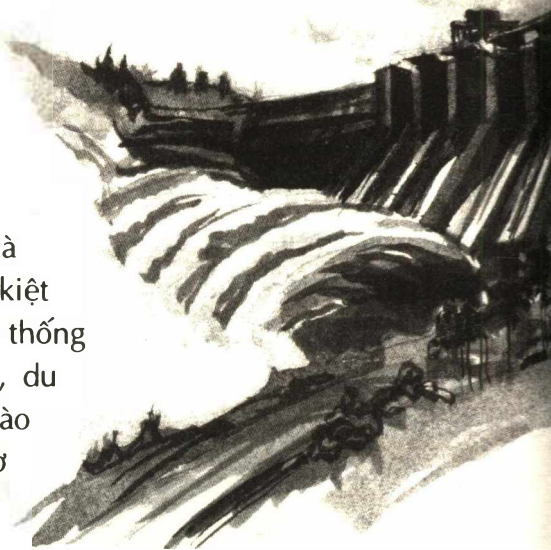


Hồ thủy điện Thác Bà nhìn từ vệ tinh.

Hồ Thác Bà có chiều dài hơn 89 km, chiều rộng từ 8 đến 12 km, làm ngập nước một vùng núi non tạo ra hơn 1.300 hòn đảo nhấp nhô, được ví như một “vịnh Hạ Long trên núi”.

Trong hệ thống hang động trên hồ Thác Bà, phải kể đến động Thủy Tiên. Nằm sâu trong lòng núi khoảng

100 m, động gần với huyền thoại về chín nàng tiên xinh đẹp trốn Ngọc Hoàng xuống vui chơi ở dưới hồng trần. Thăm động và thưởng ngoạn những kiệt tác của tự nhiên với hệ thống nhũ đá nhiều màu sắc, du khách tưởng như lạc vào thế giới thần tiên mơ mơ thực thực, trút bỏ lại tất cả những mệt mỏi, ưu phiền của cuộc sống đời thường.



Nhà máy thủy điện Thác Bà

Địa danh Thác Bà cùng với Thác Ông gần với huyền thoại như sau:

Xưa, sông Chảy chỉ là một con suối nhỏ, thường xuyên khô cạn. Một đêm có hai ông bà Khổng Lồ vai gánh nặng từ dưới xuôi ngược dòng Chảy đi lên, bà đi trước, ông đi sau. Đến đầu ngòi Xà nối với dòng suối Chảy, bà Khổng Lồ thấy cửa ngòi là một thung lũng rộng, nhiều nước, đất đai màu mỡ. Bà thầm nghĩ: Nơi ở của ta đây rồi! Nói xong, bà hạ quang gánh lấy tất cả trâu bò lợn gà trong đó thả xuống ngòi Xà, rồi lấy lúa ngô khoai sắn ném vung ra ven đồi. Xong bà đi mất.

Gần sáng ông Khổng Lồ đến nơi thấy trâu bò lợn gà đang hóa đá, ông lùi lại một bước rồi hạ quang gánh, ném

các thứ có trong gánh ra lòng suối Chảy thành các khối đá lớn nhón. Ném xong thì trời vừa sáng, người ta không thấy ông Khổng Lồ đâu nữa.

Từ đó nước suối Chảy đổ qua các làn đá réo ầm ầm. Dân làng nhớ ơn ông bà Khổng Lồ, đặt tên cho nơi bà đến là Thác Bà, nơi ông đứng là Thác Ông và lập đền thờ hai vị.

Hồ Thác Bà ngày nay không chỉ là hồ chứa cung cấp nước cho nhà máy thủy điện mà còn là thắng cảnh phục vụ du lịch. Du khách thích đi thuyền lênh dênh trên mặt nước hóng gió mát, đến thăm các đảo núi và hang động như đi trên vịnh Hạ Long.

Hồ Thác Bà đã được nhà nước công nhận là Di tích lịch sử - danh thắng cấp quốc gia từ năm 1996.

HỒ HÒA BÌNH

Công trình thủy điện Hòa Bình được coi là “Công trình thế kỉ 20” của đất nước. Khởi công từ năm 1979 đến năm 1994 mới hoàn thành, cung cấp khoảng một phần ba sản lượng điện của Việt Nam. Hồ thủy điện Hòa Bình trở thành hồ nước nhân tạo có diện tích lớn nhất nước ta, với chiều dài 70 km, chỗ rộng nhất khoảng 1 đến 3 km, sâu 80 - 110 m, dung tích 9,45 tỉ mét khối nước.

Vốn là một vùng núi đá vôi chạy dài ven sông Đà, khi bị ngập, nhiều ngọn núi cao nhô lên mặt nước thành các đảo giống như vịnh Hạ Long thu nhỏ. Có cả thảy 47 đảo lớn nhỏ, trong đó có 11 đảo đá vôi và 36 đảo đá phiến và cát kết. So với hồ Thác Bà, số đảo ở đây ít hơn nhiều, nhưng lại



Thung Nai trên hồ Hòa Bình

có những đảo khá lớn như Đảo Dừa, đảo Bè Bạ...

Gần với hồ Hòa Bình là Thung Nai, một địa chỉ văn hóa - du lịch thường xuyên thu hút du khách xa gần.

Đến Thung Nai, du khách có thể theo thuyền lênh đênh trên hồ, ngắm nhìn các ngư phủ giăng lưới bắt cá. Có thể mua cá tươi tự nướng, nhâm nhi chén rượu và cùng nhau hát hò trên thuyền. Du khách cũng thường đến thấp hương tại đền Bà Chúa Thác Bờ. Xưa kia, Thác Bờ vô cùng hung hiểm, thuyền bè qua đó thường bị lật chìm. Khi Lê Thái Tổ đưa đoàn thuyền lên đánh thủ lĩnh Đèo Cát Hãn cát cứ mạn ngược, đã được một thiếu nữ Mường dẫn đường vượt qua Thác Bờ. Về sau người con gái ấy hi sinh, được dân lập đền thờ tôn làm bà chúa cai quản sông nước. Người ta cho rằng đền thờ Bà Chúa rất linh thiêng, thuyền bè qua

Thác Bờ được bà yểm trợ an toàn.

Đền cũ đã bị chìm ngập dưới lòng hồ, ngày nay được đưa lên dựng lại ở trên cao, vẫn thường xuyên tấp nập người đến cúng bái và hầu đồng.

Lễ hội Đền Thác Bờ được tổ chức hằng năm từ mùng 7 tháng Giêng đến hết tháng Ba âm lịch. Đây là lễ hội lớn, có sự tham gia của nhiều người từ khắp bốn phương.

Đảo Dừa có diện tích 10 ha, ban đầu cũng chỉ như các đảo hoang sơ khác với cây rừng, bụi lau, dây leo chằng chịt. Qua nhiều năm cải tạo, đưa dừa từ Thanh Hóa về trồng (có đến hơn 200 cây), giờ đây trên đảo rợp bóng dừa cùng hàng chục loại cây ăn quả khác, nên đảo được gọi là *Đảo Dừa*. Trên đảo có các nhà nghỉ theo kiến trúc cổ truyền của người Mường, người Thái, có tàu chở khách đi thăm thú trên hồ, có khu vui chơi, nơi câu cá... Vì vậy nơi đây thường được các bạn trẻ tìm đến.

Đảo Bè Bạ còn được gọi là *Đảo Cối Xay Gió*, vì trên đảo có dựng một tháp cối xay. Đứng trên tháp có thể quan sát cả vùng hồ xa tít tắp. Dịch vụ du lịch trên đảo có hình thức nướng cá hun khói theo phong cách Nga rất được thực khách ưa chuộng.

Cách hồ không xa có Bảo tàng không gian văn hóa Mường cũng là một điểm tham quan thú vị.

HỒ DẦU TIẾNG

Nước ta có gần hai ngàn hồ thủy lợi, trong đó phải kể đến hồ Dầu Tiếng bên cạnh những “tên tuổi” nổi tiếng khác

như hồ Cẩm Sơn (Bắc Giang), hồ Núi Cốc (Thái Nguyên), hồ Đại Lải (Hà Nội), hồ Kẻ Gỗ (Hà Tĩnh), v.v...

Hồ Dầu Tiếng nằm ở giáp ranh ba tỉnh Tây Ninh, Bình Dương và Bình Phước, cách thị xã Tây Ninh 25 km. Hồ có diện tích mặt nước 270 km², diện tích nửa ngập nước 45,6 km², dung tích 1,58 tỉ mét khối nước, đứng thứ ba trong nước (sau hồ thủy điện Hòa Bình và Thác Bà).

Hồ Dầu Tiếng có mục đích chính là điều tiết nước sông Sài Gòn để tưới tiêu cho 93.000 ha đất nông nghiệp các huyện của Tây Ninh và huyện Củ Chi của Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời cung cấp nước sinh hoạt và nước công nghiệp cho toàn vùng.

Việc xây dựng hồ Dầu Tiếng là bài ca lao động hùng tráng trong những năm 1981 - 85. Hầu như tất cả người dân ở độ tuổi thanh niên của Tây Ninh đều được huy động đào đắp, xây dựng hồ.

Hằng năm, hồ Dầu Tiếng xả nước tưới tiêu cho các khu vực lân cận, dòng nước hồ chủ yếu chảy theo phụ lưu sông Sài Gòn qua các vùng như thị trấn Dầu Tiếng, Thanh An, Bến Súc (thuộc địa phận Dầu Tiếng, Bình Dương), tiếp tục chảy qua khu vực địa đạo Củ Chi rồi tỏa ra các nhánh kênh, rạch.

Hồ Dầu Tiếng còn là một vựa cá lớn của cả miền. Trong hồ có hơn 50 loài cá, trong đó có 10 loài có giá trị kinh tế như cá thác lác, cá lăng, cá lóc, cá cơm... Cá lăng nha, cá lăng vàng là đặc sản thơm ngon ở đây. Nhiều ngư

dân quanh vùng sống bằng nghề câu cá trên hồ. Có năm do nước tràn, cá ủa theo nước đến tận Sài Gòn, người dân thành phố bắt được rất nhiều cá, có con nặng tới 20 kg.

Hồ Dầu Tiếng không chỉ đáp ứng nhu cầu kinh tế mà còn trở thành một thắng cảnh hài hòa các yếu tố sông nước và núi đồi.

Lòng hồ kết hợp với núi Cậu tạo thành một khu du lịch hoàn chỉnh. Bơi thuyền giữa biển nước trong xanh, những ngày nắng đẹp, mặt hồ ánh lên màu xanh biếc, sâu thẳm... Trong hồ nổi lên các đảo Xỉn, đảo Trảng, đảo Đồng Bò tạo nên bức tranh sơn thủy sống động. Quanh bờ hồ có những thảm cỏ xanh mượt xen lẫn với những cây hoa dại đủ sắc màu.

Gần kề với hồ Dầu Tiếng có bán đảo Tha La. Nhờ có nguồn nước phong phú, nơi đây đã phát triển thành vườn cây trái sum suê.

Trên núi Cậu có chùa Ông, từ chùa Ông nhìn xuống du khách thấy toàn cảnh vùng hồ rất hùng vĩ.

Nằm trong rừng cao su gần núi Cậu là hồ Cầu Nôm, nước cũng trong xanh, không khí mát mẻ và tĩnh mịch. Trên đỉnh núi có chùa Thái Sơn u tịch nổi tiếng linh thiêng. Vào mùa mưa, những dòng thác trên núi ào ào đổ xuống, từ ngoài xa có thể nghe thấy những âm thanh rì rào, có lẽ vì thế mà người ta đặt cho nó cái tên rất buồn là hồ Than Thở...

ĐÀM, PHÁ

Nói đến những vùng trũng chứa nước còn có các dạng đầm, phá.

Đầm cũng có loại nước ngọt và nước mặn ven biển. Đầm không thua kém hồ về diện tích, nhưng nước trong đầm thường nông. Đầm có hệ sinh thái động thực vật riêng, như trong câu ca dao:

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng...

Nước ta có nhiều đầm, chúng ta hãy thăm vài đầm nước thường được nhắc đến nhiều.

Đầm Dạ Trạch, Hưng Yên

Đầm Dạ Trạch thuộc huyện Khoái Châu, Hưng Yên, còn có tên là đầm Nhất Dạ (đầm một đêm). Tên gọi này gắn với sự tích Chử Đồng Tử - Tiên Dung. Truyện được ghi trong *Lĩnh Nam chích quái*: Do sự gặp gỡ tình cờ trên bãi Tự Nhiên, nàng công chúa Tiên Dung con vua Hùng tự ý kết duyên cùng Chử Đồng Tử - chàng trai nghèo không

tấm khố che thân. Hai vợ chồng Chủ Đồng Tử học được phép tiên, từ cây gậy và chiếc nón biến ra cả một thành quách nguy nga. Vua Hùng e họ có ý đồ chống lại, đem quân đến đánh. Để tránh phải đối đầu với vua cha, hai vợ chồng hóa phép làm cho mặt đất rung chuyển, chỉ trong một đêm thành trì biến mất và mặt đất sụt xuống thành cái đầm rộng lớn...

Vào thế kỉ 6, Triệu Quang Phục đã lợi dụng địa hình hiểm trở của đầm Dạ Trạch, lấy nơi đây làm căn cứ chống quân xâm lược nhà Lương, giành nhiều thắng lợi, được người trong nước tôn xưng là Dạ Trạch Vương.

Trong phong trào Cần Vương chống Pháp, Nguyễn Thiện Thuật lấy Bãi Sậy làm căn cứ khởi nghĩa, bao gồm các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu của tỉnh Hưng Yên, trong đó có vùng đầm lầy Dạ Trạch xưa kia.

Đầm Long, Ba Vì, Hà Nội

Đầm Long nằm ở xã Cẩm Lĩnh, Ba Vì, cách trung tâm thủ đô Hà Nội 70 km về phía tây. Tương truyền nơi đây vào những ngày hè thường có một đôi rồng từ trên trời xuống tắm rồi lấy nước phun mưa, nên mới có tên gọi là Đầm Long. Đầm Long được cải tạo thành khu du lịch sinh thái vui chơi giải trí hấp dẫn.

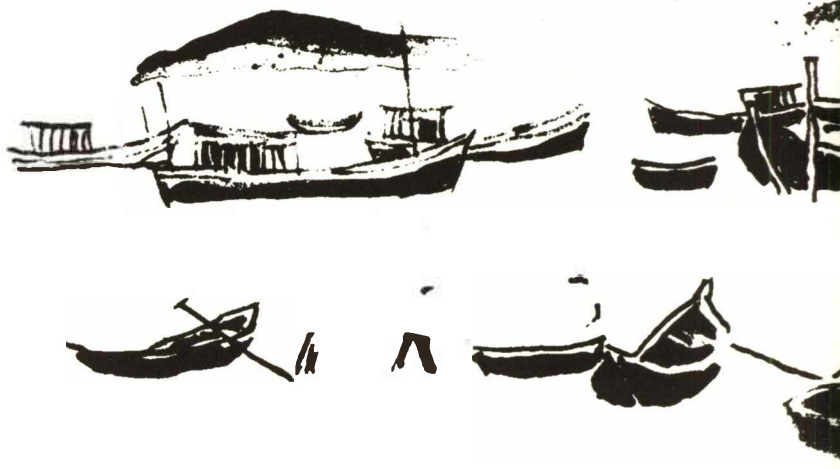
Hiện nay, khu rừng sinh thái nơi đây có tới hơn 400 loại cây, trong đó có nhiều cây quý hiếm tuổi thọ vài trăm năm. Trong rừng có nhiều loài động vật như khỉ, hươu, nai,

sóc, chồn, cò... Đầm Sen bao quanh khu du lịch Đầm Long vào mùa sen nở tỏa hương thơm ngào ngạt, đặc biệt thu hút các bạn trẻ đến chụp ảnh. Từ Đầm Long các nhà leo núi cũng có thể làm một hành trình khám phá đỉnh Ba Vì.

Đầm Vân Long, Ninh Bình

Đầm Vân Long cách Hà Nội chừng 80 km thuộc huyện Gia Viễn, Ninh Bình. Nằm giữa thung lũng bốn bề là những dãy núi đá vôi tạo hình ngoạn mục và tiềm ẩn nhiều hang động chưa được khám phá, đầm Vân Long đang trở thành điểm du lịch sinh thái hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.

Đầm Vân Long đồng thời cũng là khu bảo tồn thiên nhiên ngập nước lớn nhất vùng đồng bằng Bắc Bộ với hàng nghìn loài động, thực vật lưu trú, trong đó có nhiều loài quý hiếm như voọc quần đùi trắng, gấu ngựa, sơn dương, cu li lớn, cây vằn, báo gấm, khỉ mặt đỏ, báo hoa mai... Đến đây bạn sẽ có cơ hội ngồi thuyền thưởng ngoạn khung cảnh non



nước hữu tình, thanh bình mà tĩnh lặng hoang sơ. Ngoài ra, Vân Long còn là nơi có nhiều cảnh quan và di tích văn hóa được nhiều người đến tham quan vào dịp nghỉ cuối tuần.

Đầm Ô Loan, Phú Yên

Phú Yên vốn nổi tiếng với danh thắng độc đáo Gành Đá Đĩa, cách đó không xa còn có một thắng cảnh mây nước hữu tình: đầm Ô Loan.

Đây là đầm nước lợ mang vẻ đẹp kì ảo thuộc thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An. Vào lúc bình minh, đầm Ô Loan trông như một chú chim khổng lồ đang trong tư thế sẵn sàng tung cánh bay vút lên bầu trời. Cũng góc nhìn ấy, nhưng trong ánh hoàng hôn, đầm



Sò huyết đầm Ô Loan



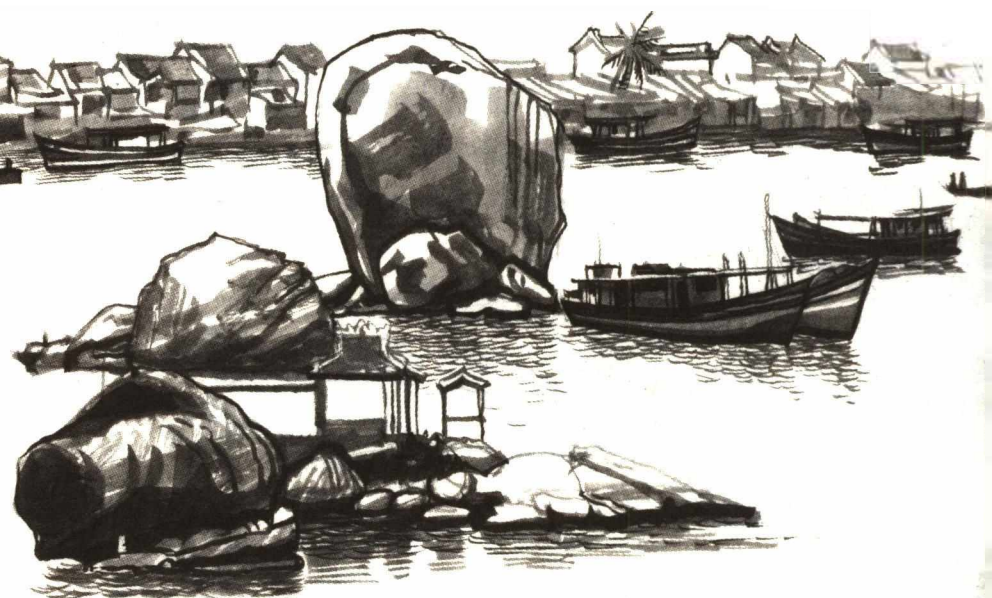
Đầm Ô Loan

tựa như một con chim đang xoải cánh tìm chốn bình yên bên mặt hồ gợn sóng.

Vì là đầm nước lợ nên Ô Loan có rất nhiều hải sản như hào, sò huyết, tôm, mực, sứa, rau câu, điệp, cua... Đến Ô Loan, bạn vừa được thưởng ngoạn phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp vừa được thưởng thức những món hải sản đậm đà hương vị miền Trung.

Đầm Nha Phu, Khánh Hòa

Nằm giữa vịnh Nha Trang và Vân Phong, cách trung tâm thành phố Nha Trang 15 km về phía bắc, đầm Nha



Đầm Nha Phu

Phu nổi lên như một điểm đến hấp dẫn hội tụ nhiều nét thiên nhiên đặc sắc với núi, rừng, suối, thác và biển cả. Ba hòn đảo Hòn Thị, Hòn Hèo và Hòn Lao như những ốc đảo nằm yên bình, thơ mộng giữa đầm nước mênh mông.

Đầm Nha Phu là nơi các bạn trẻ thường đến vui chơi, tắm biển, cắm trại nghỉ đêm và khám phá rừng núi xung quanh.

Phá Tam Giang, Thừa Thiên - Huế

Xưa kia phá Tam Giang từng được truyền tụng trong câu ca dao: *"Yêu em anh cũng muốn vô / Sợ trướng Nhà Hồ, sợ phá Tam Giang"*.

Phá Tam Giang nằm trong hệ thống đầm phá Tam Giang - Cầu Hai. Diện tích phá khoảng 52 km², trải dài 24 km



Phá Tam Giang

từ cửa sông Ô Lâu đến cửa sông Hương thuộc địa phận ba huyện Phong Điền, Quảng Điền, Hương Trà tỉnh Thừa Thiên - Huế. Phá Tam Giang chiếm khoảng hơn 50% diện tích đầm phá Việt Nam. Tương truyền phá Tam Giang có sóng thần, mỗi khi tàu thuyền qua đây thường bị đánh chìm nên nhiều người rất sợ.

Là đầm phá nước lợ lớn nhất Đông Nam Á, phá Tam Giang thực sự là một ngã ba sông, nơi mà ba con sông lớn: sông Hương, sông Bồ và Ô Lâu “hẹn hò” nhau trước khi đổ ra cửa biển. Tại đây tập trung nhiều đàn cò, vạc, sâm cầm, ngỗng trời, vịt trời... bơi trắng mặt nước, tạo nên khung cảnh hết sức nên thơ mà sống động.

NƯỚC NGẦM VÀ SUỐI KHOÁNG

NƯỚC NGẦM: NGUỒN TÀI NGUYÊN ĐẶC BIỆT

Nước ngầm là các dạng nước nằm trong các tầng trầm tích bên dưới mặt đất. Nước ngầm có loại do nước mưa thấm trực tiếp từ bên trên qua các lớp đất cát xuống đến tầng không thấm nước (đất sét, đá phiến) thì được chặn lại. Loại nước ngầm này thường phụ thuộc vào lượng mưa cung cấp nước theo mùa và không có áp lực hoặc áp lực yếu, khi đào giếng thường phải dùng bơm hút nước lên. Loại thứ hai là nước ngầm được tích tụ trong các tầng trầm tích bỏ rời (nước lấp đầy các khoảng trống giữa các hạt cát, sỏi...); tầng chứa nước bị ngăn cách phía dưới và phía trên bởi các tầng không thấm nước, do đó nước trong các tầng này chịu áp lực. Khi khoan đào đúng “mạch”, nước sẽ tự phun lên. Tại những nơi nước tự tuôn ra, thường được gọi là “mỏ nước”. Ngoài ra còn có nước ngầm chứa trong các khe nứt đá xâm nhập, đá biến chất, nước chứa trong các hang động, khe nứt đá vôi cacxơ...

Theo tài liệu của các tổ chức thủy văn thế giới, Việt Nam có tài nguyên nước ngầm tương đối phong phú, đứng hàng thứ 34 trong tổng số 155 quốc gia. Tuy nhiên, việc điều tra và khai thác nước ngầm ở nước ta chưa đầy đủ.

Từ xa xưa nhân dân ta đã biết đào giếng để lấy nước ngầm phục vụ sinh hoạt. Cây đa, giếng nước là hình ảnh quen thuộc, thân thương của nhiều làng quê Việt. Ngày nay, nước ngầm được khai thác quy mô lớn phục vụ các đô thị, khu công nghiệp và tưới tiêu nông nghiệp.

Theo Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường thì ở nước ta, nước ngầm chiếm khoảng 35% đến 40% tổng lượng nước sinh hoạt của người dân. Ngoài ra, đây còn là nguồn nước quan trọng đối với nông nghiệp và công nghiệp. Nguồn nước ngầm ở Việt Nam thường nằm cách mặt đất 25 tới 100 m. Nước ngầm phân bố khá đều, dọc khắp ba miền và cũng khá phong phú bởi lượng mưa ở nước ta tương đối lớn. Cụ thể, cả nước hiện nay có khoảng gần 300 nhà máy có sử dụng nước ngầm phục vụ dân sinh. Cùng với đó là vô vàn các giếng đào, giếng khoan tự phát của người dân nông thôn để phục vụ sinh hoạt, sản xuất, tưới tiêu. Với trữ lượng khai thác đạt chừng 20 triệu m³ mỗi ngày, có thể nói đây là tài nguyên cực kì quan trọng trong đời sống.

Đồng bằng Bắc Bộ, trong đó có thủ đô Hà Nội, là một

bồn trũng tích tụ đất đá tuổi Đệ tứ (có tuổi vài triệu năm) trên nền đá trầm tích tuổi Neogen (khoảng 23 triệu năm), nhờ đó có nguồn nước ngầm khá dồi dào.

Theo thống kê chưa đầy đủ, Hà Nội có tới 170.000 giếng khoan nước ngầm. Hầu hết các giếng này khai thác trong hai tầng gần mặt đất (thuộc trầm tích Đệ tứ), không những làm cho nguồn nước có xu hướng bị cạn kiệt, mà còn bị nhiễm bẩn do nước thải, nước sinh hoạt, phân bón thấm xuống qua các “cửa sổ” là miệng giếng khoan ăn thông xuống. Đáng lo ngại nhất là trong nước có chứa lượng thạch tín (asenic) với nồng độ cao, rất nguy hại cho sức khỏe. Do khai thác triệt để nước ngầm cung cấp cho các nhà máy nước của Hà Nội, nên lượng nước ngầm ở đây đã bị suy giảm, phải lấy nước từ sông Đà về.

Gần đây các nhà địa chất thủy văn đã tìm thấy nguồn nước ngầm có trữ lượng dồi dào ở vùng phía nam Hà Nội trong tầng Neogen, sâu từ 60 đến 110 m. Nguồn nước này có chất lượng tốt, thậm chí có thể dùng ngay không cần qua xử lý. Tuy nhiên, nó nằm khá sâu nên việc khai thác khó khăn hơn, chi phí đầu tư ban đầu cũng tốn kém hơn. Việc khai thác tầng nước này bước đầu đã cung cấp nước cho một số khu đô thị phía nam. Ngoài ra tại một số lỗ khoan còn phát hiện nguồn nước ấm, nhiệt độ khoảng 36°C, có thể dùng làm nước khoáng.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh có trên 300.000 giếng

khoan nước ngầm hoạt động liên tục. Sự khai thác nước ồ ạt đã dẫn đến mực nước ngầm bị sụt xuống, như ở quận 12, quận Bình Tân, trong khoảng 10 năm mực nước đã hạ thấp tới 13 m. Ngoài ra mặt đất cũng bị lún xuống làm biến dạng các công trình xây dựng và gây tình trạng ngập nước kéo dài. Đồng thời nạn ô nhiễm nước cũng đến mức báo động, trong đó đáng chú ý là hàm lượng mangan và metan vượt quá mức cho phép.

Tây Nguyên nói chung có cấu trúc địa chất giàu nước ngầm, thậm chí phong phú nhất miền Nam. Địa hình Tây Nguyên dạng vòm, khi nước mưa rơi xuống, một phần ngấm vào đất đỏ bazan, một phần chảy dọc theo các sườn núi cao. Do lớp vỏ bazan phong hóa thành một lớp đất đỏ dày 30 - 40 m, nước đi xuyên qua lớp đất này và nằm chủ yếu trong phần đá cứng. Đá cứng lại nằm rất sâu. Vì thế cứ đến mùa khô, Tây Nguyên lại thiếu nước do nước trên mặt chảy theo sườn núi xuống khe ngầm.

Nước ngầm ở Tây Nguyên có chất lượng tốt, nhưng vì sử dụng để tưới tiêu nên cũng đã bị khai thác quá mức, làm mất đi sự ổn định giữa nguồn cung và thoát nước.

Tại các đồng bằng ven biển miền Trung, lớp phủ phù sa tương đối mỏng, nên tầng nước ngầm không dày, các giếng khai thác chỉ ở độ sâu từ 10 đến 25 m. Lớp phủ bề mặt mỏng nên càng dễ bị ô nhiễm.

Các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ như Ninh Thuận, Bình Thuận là nơi khô hạn nhất nước ta. Ở đây khó có điều kiện trữ nước ngầm vì móng đá cứng lộ lên trên mặt nhiều; lớp phủ trầm tích Đệ tứ (bùn và cát) không dày lại thường bị nhiễm mặn. Nhưng hai tỉnh này vẫn có nước ngầm do đá macma bên dưới có các vết đứt gãy; nước mưa theo vết nứt ngấm xuống tạo thành những mạch ngầm. Các cồn cát ven biển Nam Trung Bộ và một số cồn cát cổ nằm sâu trong đồng bằng ven biển cũng có nước. Muốn khai thác nước phải khoan giếng sâu 70 - 80 m mới hi vọng có. Song khi hút lên ít lâu thì nước bị nhiễm mặn do nước biển thẩm thấu ngang xâm nhập vào. Vì vậy, cần phải xây đắp các bầu chứa nước mặt, đặc biệt phải giữ gìn nguồn nước ngầm quý hiếm ở đây.

NƯỚC KHOÁNG VÀ NƯỚC NÓNG: NGUỒN TÀI NGUYÊN DỒI DÀO

Nước khoáng hay suối khoáng là dạng nước ngầm đặc biệt, được hình thành trong các địa tầng có các khe nứt ăn sâu trong lòng đất. Các địa tầng bên dưới lớp phủ trầm tích trẻ có nhiều đứt gãy do các đợt hoạt động kiến tạo gây ra. Những hoạt động tân kiến tạo lại hình thành thêm nhiều đứt gãy và khe nứt mới. Đó chính là những “kênh” để nước khoáng và nước nóng xuất lộ.

Nước khoáng là loại nước thiên nhiên có thành phần

và tính chất đặc biệt, như chứa một số muối hòa tan, khí, chất hữu cơ với hàm lượng lớn, nhiệt độ và tính phóng xạ cao..., có hoạt tính sinh học nên có tác dụng chữa bệnh hoặc tác động tốt đến sức khỏe con người.

Từ xa xưa nhân dân ta đã biết tới những nguồn nước khoáng và nước nóng, coi đó như những nguồn nước thiêng dùng để chữa bệnh. Nhưng có lẽ được nhắc tới sớm nhất là nước khoáng Vĩnh Hảo. Theo truyền thuyết, công chúa Huyền Trân đời Trần được gả cho vua nước Chiêm Thành là Chế Mân. Nhà vua đưa Huyền Trân - khi ấy là hoàng hậu Parameswari - đi hưởng tuần trăng mật tại vùng Panduranga (Phan Rang, Phan Rí ngày nay). Huyền Trân rất thích nguồn nước thiêng Eamu ở đó và đã đặt cho nó tên mới là Vĩnh Hảo, với nghĩa là mãi mãi tốt đẹp.

Năm 1928 người Pháp đã tiến hành khảo sát và khai thác nước khoáng ở đây. Năm 1930, nước khoáng Vĩnh Hảo lần đầu tiên đã được đưa ra thị trường, gọi là nước khoáng "Vichy Đông Dương".

Trong thời kháng chiến chống Pháp, nước khoáng Kênh Gà (Ninh Bình) được dùng để chữa bệnh cho thương binh. Trong các năm 1973-74, ba cơ sở điều dưỡng, chữa bệnh đã được thành lập tại các mỏ nước khoáng Thanh Lâm (Tuyên Quang), Quang Hanh (Quảng Ninh) và Mỏ Đá (Hòa Bình).

Từ kết quả tìm kiếm và thăm dò địa chất, các nhà địa chất thủy văn đã “lập danh bạ” cho 287 nguồn nước khoáng và nước nóng phân bố khắp cả nước.

Nhiều nguồn nước khoáng cũng đồng thời là nguồn nước nóng ở các mức độ khác nhau. Trong số 287 nguồn đã biết, có 34 nguồn nước nhiệt độ dưới 30°C, số còn lại (253 nguồn) có nhiệt độ từ 30°C trở lên, được xếp vào loại nước nóng. Theo thang nhiệt độ, chúng được phân thành các cấp: ấm - 131 nguồn; nóng vừa - 77 nguồn; rất nóng - 41 nguồn; quá nóng - 4 nguồn.

Miền Tây Bắc có nhiều nguồn nước nóng nhất. Các mạch nước ở Nam Trung Bộ tuy ít hơn nhưng có nhiệt độ cao hơn. Đồng bằng Nam Bộ và Bắc Bộ bị phủ lớp phù sa dày, nên khó xuất lộ nước nóng. Tuy nhiên, tại các lỗ khoan sâu ở Thái Bình đã phát hiện nguồn nước quá nóng, điều đó cho thấy khả năng tìm được nhiều nguồn nước nóng nữa ở dưới sâu.

Sự phong phú các nguồn nước nóng với nhiều cấp nhiệt độ cho phép khai thác năng lượng địa nhiệt vào các mục đích khác nhau: nước nhiệt độ thấp thì để tắm về mùa rét, ấp trứng, ngâm giống, nuôi trồng thủy sản; nước nhiệt độ trung bình - để sưởi ấm, sấy nông hải sản...; nước nhiệt độ cao - để phát điện. Hiện đã có dự án xây dựng một số nhà máy điện địa nhiệt trên cơ sở các mỏ nước nóng Bang, Nghĩa Thắng, Thạch Trụ, Hội Vân, Tu Bông, Đánh Thạnh với công suất dự kiến 50 MW.



Tắm nước nóng

Ngày nay nhu cầu du lịch, nghỉ dưỡng tắm nước nóng ngày càng phổ biến. Có thể kể đến một số địa chỉ tắm nước khoáng nóng đã trở nên quen thuộc ở nhiều nơi: *Suối khoáng nóng Kim Bôi* (Hòa Bình), *Suối khoáng nóng Thanh Thủy* (Phú Thọ), *Suối khoáng nóng Bang* (Quảng Bình), *Suối khoáng nóng Tây Viên* (Quảng Nam), *Suối nước nóng Thanh Tân* (Huế), *Suối nước nóng Hội Vân* (Bình Định), *Suối nước nóng Tháp Bà* (Nha Trang), *Suối nước nóng Đạm Rông* (Lâm Đồng), *Suối nước nóng Bình Châu* (Bà Rịa - Vũng Tàu).

CỨU LẤY DÒNG SÔNG

Hãy tưởng tượng nếu ở những vùng sa mạc bốn bề cát trải mênh mông, bạn sẽ thấy thứ gì quý giá nhất. Nước! Nước bao phủ ba phần tư Trái Đất. Nhưng trên sa mạc thì nước vô cùng khan hiếm nếu không muốn nói là bói không ra một giọt nước, trừ ở vài ốc đảo thưa thớt. Mà không chỉ sa mạc thôi đâu. Nhiều nơi trên Trái Đất, cả những nơi dân cư đông đúc, cũng lâm cảnh đồng khô cỏ cháy do hạn hán kéo dài. Thật trớ trêu: Hành tinh Trái Đất của chúng ta, mà ở đầu sách chúng ta đã cho rằng “phải gọi là Trái Nước mới đúng” đang trở thành một hành tinh... khát nước.

Nhiều nguồn nước ngầm hiện đang ngày một cạn kiệt, trong khi đó, các trận mưa cũng được dự đoán sẽ trở nên hiếm hoi do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Ngoài ra, vào năm 2050, dân số thế giới dự kiến sẽ đạt ngưỡng 9 tỉ, đẩy nhu cầu sử dụng nước lên cao. Theo báo cáo của Liên Hợp Quốc, nhu cầu sử dụng nước của thế giới sẽ tăng 55% vào năm 2050, trong khi đó, nguồn nước dự trữ lại ngày càng eo hẹp. Nếu các quốc gia trên thế giới không thay đổi cách

sử dụng nguồn nước, thế giới sẽ phải đối mặt với tình trạng cạn kiệt nước trong vòng 15 năm tới.

Nước ta ở vùng nhiệt đới gió mùa có lượng mưa lớn, sông suối chằng chịt, dồi dào nước mặt, nước ngầm. Đó là nguồn của quý mà thiên nhiên ban tặng cho ta. Nhưng nhiều khi chúng ta quên mất rằng thứ của quý đó không phải là vô hạn, mà rất cần được chất chiu gìn giữ.

Cách đây chừng nửa thế kỉ, hầu hết các sông suối nước ta đều trong sạch. Nước sông, nước suối được gánh về dùng trực tiếp làm nước ăn. Trẻ em hồn nhiên bơi lội, tắm tấp ở



Tắm sông

sông, hồ... Nhưng những chuyện ấy đã qua rồi, đã là chuyện “bao giờ cho đến ngày xưa”. Ngày nay, ngay cả với những sông, suối ở miền núi xa xôi, người ta cũng không thể mơ tưởng một điều tương tự. Vì sao nên nông nổi ấy?

Tất nhiên cũng có những nguyên nhân tự nhiên. Những trận bão tố tràn qua, những vụ lũ cuốn trôi đất đá, những vụ núi đồi sạt lở... có thể làm tắc nghẽn hoặc thay đổi dòng chảy. Nhưng những nguyên nhân tự nhiên ấy thường chỉ là nhất thời và tự nhiên luôn có sự điều chỉnh.

Hầu hết sự ô nhiễm môi trường, trong đó có sông ngòi, là do chính con người gây ra.

Dân số ngày càng đông, các hóa chất dùng trong trồng trọt và chăn nuôi ngày một nhiều, công nghiệp ngày càng phát triển, đô thị ngày càng mở rộng, thì càng nhiều thứ rác rưởi, nước thải, nhất là nước thải công nghiệp được đổ xuống sông, hồ, trong đó có cả phân từ các lò mổ, chất thải từ bệnh viện không qua xử lí... Ngoài ra các làng nghề cũng gây ô nhiễm nghiêm trọng cho chính địa phương mình.

Nhưng nguồn gây ô nhiễm nghiêm trọng nhất là nước thải và các hóa chất độc hại của các nhà máy đổ ra sông không qua xử lí. Điển hình như vụ Công ti sản xuất bột ngọt Vedan đã làm xú uế cả đoạn sông Thị Vải, Đồng Nai, gây phần nộ cho công luận và người dân cả nước.

Báo chí từng nêu một danh sách gần 40 “làng ung thư” tại nước ta. Đó là những làng có số người bị ung thư chiếm

tỉ lệ rất cao, vượt xa số người chết già. Các cuộc điều tra cho thấy hầu hết các “làng ung thư” đều do nguồn nước sông hoặc nước giếng bị ô nhiễm nặng.

Hệ thống sông nước ta có tiềm năng thủy điện rất lớn. Người ta thường coi sức nước là nguồn “than trắng” trời cho để sản xuất ra điện tái sinh không cạn kiệt. Vì thế trong những năm qua, việc ngăn dòng xây nhà máy thủy điện diễn ra khá ồ ạt. Nhiều nhà máy thủy điện lớn như Thủy điện Hòa Bình, Sơn La, Yaly... đã cung cấp nguồn điện năng to lớn cho đất nước. Trên các hệ thống sông ngòi nước ta hiện có tới 7.500 công trình nhà máy thủy điện, đập dâng, hồ chứa, công trình thủy lợi... Đây là chưa kể các công trình thủy lợi trên dòng Mê Kông của các nước khác phía thượng nguồn.

Bên cạnh mặt lợi ích, các công trình đó đã tác động tiêu cực đến môi trường, ảnh hưởng đến hệ sinh thái, làm mất đi nhiều giống loài quý. Các đập nước cũng làm biến đổi lòng sông, gây sạt lở, kích hoạt động đất.

Tài nguyên nước ngầm của nước ta thuộc loại phong phú và đã là nguồn cung cấp nước quan trọng cho các đô thị và nông thôn. Nước ngầm vốn trong sạch hơn nước mặt, tuy nhiên do khai thác ồ ạt quá mức nên nguồn nước này cũng đang cạn kiệt và bị ô nhiễm nặng.

Các nhà khoa học đã lên tiếng cảnh báo rằng tình trạng ô nhiễm và cạn kiệt nguồn nước sông và nước ngầm

ở nước ta đã đến mức “báo động đỏ”. Với đà phát triển dân số và đô thị hóa, công nghiệp hóa như hiện nay, tình trạng này sẽ còn diễn ra nguy cấp hơn.

Làm sao ngăn chặn được tình trạng này để cứu lấy sông nước là nhiệm vụ của các nhà hoạch định và quản lí kinh tế, nhưng mỗi người chúng ta đều có trách nhiệm chung tay bảo vệ. Tất nhiên, vấn đề không đơn giản và cũng không dễ.

Xin trở lại với thời vua Duy Tân còn nhỏ tuổi mới lên ngôi, khi ngài được đưa đến nghỉ ở bãi biển Cửa Tùng. Giai thoại kể rằng, một lần vua chơi cát, hai tay đều lấm láp, chơi xong vua sai người lính hầu lấy nước rửa tay. Bất chợt vua hỏi: “Tay bị bẩn thì lấy nước rửa. Vậy nếu nước bị bẩn thì lấy gì mà rửa cho sạch?” Thấy người lính ngớ ra, nhà vua trả lời hộ: “Có thế mà không biết. Khi nước bị bẩn thì phải loại bỏ các thứ ngoại lai ra, hiểu chưa!” “Thứ ngoại lai” ở đây ám chỉ ách ngoại bang của người Pháp, nhưng về “nghĩa đen” cũng rất đúng: nước muốn hết ô nhiễm thì phải được lọc bỏ các chất bẩn lẫn vào. Việc tưởng như rất đơn giản, nhưng bạn hãy tưởng tượng nếu phải làm sạch cả một con sông bị nhiễm bẩn, để cho dòng nước đục ngầu trở lại trong xanh! Như ta đã thấy, những cố gắng làm sạch các dòng sông ở Sài Gòn thật đáng ghi nhận, nhưng vô cùng tốn kém và luôn có nguy cơ nhiễm bẩn trở lại một khi người dân kém ý thức cứ xả nước bẩn, rác thải xuống sông!

Xã hội đang ngày càng tiến bộ, văn minh, nhưng môi

trường sông bị hủy hoại, sông nước bị ô uế thì quả thực, con người khó tránh khỏi một ước ao phi lí: “Bao giờ trở lại ngày xưa”.

Ước muốn “trở lại ngày xưa” chỉ là một cách nhìn tiêu cực và phi thực tế. Thực tế là chúng ta vẫn phải sống chung với những sông, suối, hồ, ao bất luận chúng bị ô nhiễm đến thế nào. Vậy, tại sao lại không cùng nhau chung tay làm cho chúng trong sạch trở lại, như nhiều nơi trên thế giới người ta đã làm và làm rất thành công? Muốn thế, phải có những biện pháp tổng thể của toàn xã hội, trong đó có yếu tố con người chúng ta. Đó là:

- Thay thế những công nghệ sản xuất lạc hậu bằng công nghệ sạch và thân thiện với môi trường. Nhà máy, công xưởng không thải rác và hóa chất xuống sông ngòi mà không qua xử lí. Các đô thị được quy hoạch và thiết kế thành những thành phố xanh, bền vững với môi trường.

- Việc bảo vệ môi trường được pháp luật thực thi nghiêm ngặt, không cho phép bất kì sự vi phạm nào.

- Nhưng quan trọng nhất là tất cả mọi người dân, từ lớn đến nhỏ đều có ý thức bảo vệ dòng sông, giữ gìn nguồn nước, bảo vệ thiên nhiên và môi trường sống của mình.

Chỉ có như thế chúng ta mới giành lại được những dòng sông trong xanh trong tương lai mà không phải mơ tưởng trở về ngày xưa nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- **Atlas địa lí Việt Nam**

NXB Giáo dục; 2013

- **Địa lí**

Lớp 8, Lớp 9, Lớp 10, Lớp 11, Lớp 12; NXB Giáo dục, 2013

- **Từ điển bách khoa Đất nước Con người Việt Nam** (4 tập)

- Nguyễn Văn Chiển, Trịnh Tất Đạt chủ biên; NXB Từ điển bách khoa, 2010

- **Địa lí tự nhiên Việt Nam**

Vũ Tự Lập; NXB Đại học sư phạm, 2007

- **Thiên nhiên Việt Nam**

Lê Bá Thảo; NXB Khoa học và kỹ thuật, 1976, 1990

- **Lòng đất nước ta**

Nguyễn Văn Chiển; NXB Khoa học và kỹ thuật, 1977

- **Núi non nước ta**

Nguyễn Trọng Lân, Trịnh Sanh; NXB Khoa học và kỹ thuật, 1982

- **Non nước Việt Nam**

Vũ Thế Bình; NXB Lao động xã hội, 2012

- **Tất cả chúng ta đều là cá**

Neil Shubin; NXB Trẻ, 2013

- **Sổ tay tra cứu sông kênh**

Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, 2012

- **Tổ tiên nước Việt cư trú ở đâu?**

vanhoaviet.info

- **Thử tìm giải pháp thủy lợi cho Đồng bằng sông Cửu Long**

Trần Đăng Hồng, 2010

- **Còn có một sông Hồng khác trong lịch sử**

(Nghìn năm văn hiến Thăng Long), 2010

- **Những dòng sông bị giết**
Vietsciences, 2008
- **Đê bao, bờ bao ở đồng bằng sông Cửu Long**
Tô Văn Trường
- **Thử tìm giải pháp thủy lợi cho đồng bằng sông Cửu Long**
Trần Đăng Hồng
- **Lịch sử khẩn hoang miền Nam**
Sơn Nam
- **Sông Sài Gòn giao điểm của lịch sử**
Chu Đức Soàn, 2011
- **Tìm hiểu về hệ thống sông Vàm Cỏ**
Lê Công Lý; Tạp chí Khoa học và phát triển, 2009.
- **Vai trò của người Việt trong quá trình hình thành vùng đồng bằng sông Cửu Long**
Trần Thuận, 2007
- **Các nguồn nước khoáng và nước nóng ở Việt Nam**
Vô Công Nghiệp chủ biên; Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, 1998
- **Các tài liệu trên Internet, Từ điển mở Wikipedia**

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
VIỆT NAM: ĐẤT NƯỚC CỦA NHỮNG DÒNG SÔNG	5
• Tản mạn về giọt nước	5
• Tản mạn về con sông	8
• Việt Nam - xứ sở của những dòng sông	11
• Sông nước với người Việt, người Việt với sông nước	13
SÔNG HỒNG CHỜ NẶNG PHÙ SA, CÁI NÔI CỦA NỀN VĂN MINH SÔNG HỒNG	19
• Sông Cái - dòng sông mẹ của người Việt	19
• Ba sông tụ lại...	20
• Hà Nội - thành phố thủ đô "trong sông"	32
• Sông Thái Bình "liên mạng" với sông Hồng	58
• Đê sông Hồng - công trình lao động vĩ đại	63
• Đóng bằng sông Hồng nơi cửa sông	67
CỬU LONG - CHÍN RỒNG QUẢY SÔNG	70
• Mêkông trước khi "hóa rồng"	71
• Hành trình sông Tiền và sông Hậu	77
• Chằng chịt hệ thống sông rạch	89
• Quà của dòng sông, công sức người khai phá	103
• Sống chung cùng hưởng, cùng bảo vệ	111
HỆ THỐNG SÔNG ĐỒNG NAI - VÀM CỎ	113
• Dòng sông dài nhất chảy trong nội địa	113
• Sông Sài Gòn với thành phố hơn 300 năm tuổi	118
• Vàm Cỏ Đông - Vàm Cỏ Tây	125
• Châu thổ và cửa sông Đồng Nai - Vàm Cỏ	127
NHỮNG DÒNG SÔNG MANG DẤU ẤN RIÊNG	129
• Hai con sông chảy ngược	129
• Sông Bạch Đằng lịch sử	134

• Dòng “sông mẹ” xứ Thanh	138
• “Sông Lam biết khi mô cho cạn”	141
• Sông Gianh theo dòng chảy lịch sử	149
• Sông Bến Hải - ranh giới chia cắt một thời	152
• Sông Thạch Hãn chảy qua thành cổ	155
• Sông Hương xứ Huế	157
• Sông Thu Bốn hợp dòng Vu Gia	160
• Hai dòng sông Trà	166
CÁC HỒ NƯỚC TIÊU BIỂU	169
• Hồ Ba Bể	170
• Hồ Tây	173
• Hồ Gươm	177
• Hồ Lắk	180
• Hồ T’Nung (Biển Hồ)	183
• Hồ Biển Lạc	185
• Hồ Xuân Hương	187
• Hồ Thác Bà	188
• Hồ Hòa Bình	191
• Hồ Dầu Tiếng	193
ĐÁM, PHÁ	196
NƯỚC NGẤM VÀ SUỐI KHOÁNG	202
• Nước ngầm: nguồn tài nguyên đặc biệt	202
• Nước khoáng và nước nóng: nguồn tài nguyên dồi dào	206
CỨU LẤY DÒNG SÔNG	211
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH	218

TRA CỨU THEO VẦN

An Dương Vương 130

Bắc Trung Bộ 69, 141

Bên kia sông Đuống 54

bến Bồ Đề 36, 39

bến Chương Dương 35, 121

bến Gót 31

bến Ninh Kiều 87, 101

bến Trường Yên 32

biển Đông 63, 70, 80, 82, 104,
105, 129, 150, 154, 162, 167

bồn thu nước 9

Bùi Hữu Nghĩa 90

bưởi năm roi Vĩnh Long 102

bưởi da xanh 102

cá heo Irrawady 73

cá Tiktaalik 6, 7

Cao Bá Quát 160

cao nguyên Khorat 73

cao nguyên Lâm Viên 114

cao nguyên Tây Tạng 70

Cao Thắng 146

cầu Ánh Sao 124

cầu Cẩn Thơ 87

cầu chữ Y 123

cầu Chương Dương 42

cầu Đông Kinh 132

cầu Hiền Lương 152-154

cầu Khánh Hội 122

cầu Kì Lừa 132, 133

cầu Long Biên 31, 38-40, 42

cầu Mĩ Thuận 78, 79

cầu Ngắm 132

cầu Nguyễn Văn Trỗi 164

cầu Nhật Tân 43, 44

cầu ông Đạo 188

cầu Ông Lớn 24

cầu Phú Mĩ 22

cầu Rống 164, 165

cầu Sài Gòn 122

cầu sông Hàn 164

cầu Thanh Trì 43

cầu Thăng Long 41, 42

cầu Thủ Thiêm 122

cầu Thuận Phước 164

cầu Tiên Sơn 164

cầu Trảng Tiễn 158, 159

cầu Trần Thị Lí 164

cầu Văn Hóa 152

cầu Việt Trì 24, 31

cầu Vĩnh Tuy 42

châu thổ 10, 16, 31, 51, 63, 66,

69, 76, 113, 128

châu thổ sông Hồng 31, 51, 66, 69

chiến hạm *Espérance* 127
 chiến thắng Bình Ca 25
 chợ nổi Cái Bè 102
 chợ nổi Cái Răng 87, 101
 chợ nổi Long Xuyên 103
 chợ nổi Ngã Bảy 100
 chợ nổi Ngã Năm 101
 chợ nổi Trà Ôn 103
 Chủ tịch Hồ Chí Minh 98, 145
 cù lao Dung 89
 cù lao Ông Hổ 86
 cửa Ba Lai 81, 82
 cửa Ba Thắc 88
 cửa Cung Hầu 84
 cửa Đại 53, 80, 81, 162
 cửa Đại An 53
 cửa Đáy 52, 53
 cửa Định An 88, 89
 cửa Hàm Tử 35
 cửa Thái Bình 63
 cửa Tiểu 80, 81
 cửa Trần Đề 89
 cửa Tùng 152, 154, 155, 216
 cửa Xoài Rạp 128

đãy núi Con Voi 21
 di chỉ Ốc Eo 105
 Doumer, Paul 39, 40

Dư địa chí 157
 Dương Ngạn Dịch 109

Đại Cổ Việt 32, 135

Đại La 32, 33, 45, 47, 52

Đại Nam quốc sử 81, 175
 đảo Bè Bạt 192, 193
 đảo Dừa 192, 193
 đầm Dạ Trạch 196, 197
 đầm Long 197, 198
 đầm Nha Phu 200, 201
 đầm Ô Loan 199
 đầm Vân Long 198
 Đình Liễn 135
 Đình Tiên Hoàng 32, 135
 động Phong Nha 150
 động Puông 24
 động Sơn Đoòng 150
 động Thiên Sơn 150
 đường hầm sông Sài Gòn 124
 đường mòn Hồ Chí Minh 155
 đường phân thủy 9

Gia Định thành thông chí 107
 Gourou, Pierre 66

hạ lưu 10, 24, 29, 48, 51, 62, 63,
 71, 76, 80, 87, 122, 127, 162,
 167
 Hai Bà Trưng 43, 47, 175, 177
 Hàm Luông 79, 82
 Hầu Nhân Bảo 135
 Hoa Lư 20, 32, 52, 64, 67, 142
 Hoàng Cầm 54
 Hoàng Liên Sơn 21, 29
 hồ Ba Bể 24, 170, 172, 181, 186

hồ Biển Lạc 185
hồ Cửa Đạt 148
hồ Dầu Tiếng 118, 148, 194, 195
hồ Đa Nhím 114, 157
hồ Đại Lải 194
hồ Đan Kia - Suối Vàng 187
hồ Gươm 177, 178, 187
hồ Hòa Bình 140, 191, 192
hồ Kẻ Gỗ 194
hồ Lăk 75, 180-183, 186
hồ Ngàn Trươi 148
hồ Núi Cốc 194
hồ Tây 45, 173, 175-177
hồ Thác Bà 23, 189, 191, 192
hồ Than Thở 187, 195
hồ T'Nưng 183-185
hồ Trúc Bạch 176
hồ Tuyên Lâm 157
hồ Xuân Hương 52, 187, 188
Hương Trầm 31
Huỳnh Mẫn Đạt 127

kênh An Hóa 81
kênh Bà Bèo 126
kênh Bảo Định 96
kênh Dương Văn Dương 98
kênh Đồng Tiến 126
kênh Lagrange 126
kênh Nguyễn Văn Tiếp 98
kênh Thoại Hà 93, 110
kênh Thơm Rơm 87
kênh Vĩnh Tế 93, 95, 110

kênh Võ Văn Kiệt 98
khóm Tân Lập 102

Lê Chiêu Thống 37
Lê Hoàn 135
Lê Hữu Trác 146
Lê Lợi 26, 36, 146, 150, 178
Lê Nỗ 150
Lê Quý Đôn 22, 157
Lê Văn Thịnh 55, 175, 176
Lí Phật Tử 53
Lí Thái Tổ 20, 32, 33, 45, 52, 64
Lí Thánh Tông 53
Lí Thường Kiệt 53, 177
Lưu Hoàng Tháo 135
Lưu Nghiễm 135

Mạc Cửu 109
Mai Hắc Đế 145
Máng trũng Cao - Lạng 134
Mị Nương 15, 29

Nam quốc sơn hà 58
ngã ba Bạch Hạc 21, 25, 30
ngã ba Lác 58, 62
ngã ba Mía 63
ngã ba Phủ 145
Ngô Quyền 135
Ngô Văn Sở 37
Nguyễn Ánh 79
Nguyễn Công Trứ 68
Nguyễn Du 224

Nguyễn Hoàng 106, 118, 151
Nguyễn Huệ 38, 79, 145
Nguyễn Hữu Cảnh 119
Nguyễn Quang Bích 29
Nguyễn Thiếp 145, 146
Nguyễn Thuyền 34
Nguyễn Trãi 36, 55, 56, 157

Ô châu cận lục 157
Ô Mã Nhi 136

phá Tam Giang 159, 201, 202
Phan Bội Châu 145
Phan Đình Phùng 146
phong trào Cần vương 29, 146, 197

Phủ biên tạp lục 157
phụ lưu 9, 11, 21-24

Quách Quỳ 58
quýt hồng Lai Vung 102
quýt Cái Bè 102

sầu riêng Cái Mơn 102
Sơn Tinh 15, 29, 63
sông Ba Thín 132
sông Bạch Đằng 34, 35, 134, 136, 138
sông Bảy Hạp 92
sông Bắc Vọng 131
sông Bằng 13, 130, 132-134, 153

sông Bé 118
sông Bến Hải 152, 154, 155
sông Bình Thủy 87
sông Cái Lớn 91, 92
sông Cầu 48, 57, 58, 62
sông Cầu Xe 63
sông Chảy 10, 22
sông Cổ Chiên 83
sông Cồn Cọc 88, 89
sông Cồn Trồn 89
sông Cửa Lớn 92
sông Cùn 130
sông Cửu Long 12, 16, 70, 76, 77, 82, 83, 86, 88, 90, 92, 93, 96, 100, 101, 104-112, 121, 125, 128
sông Dâu 54
sông Đa Nhim 114
sông Đà 21, 25-29, 93, 191, 205
sông Đáy 24, 32, 48, 51-53, 69
sông Đuống 54, 55, 57
sông Gâm 22-24, 58
sông Gành Hào 92
sông Giang Thành 91, 93
sông Hàm Luông 82
sông Hậu 18, 77, 84, 86, 88-90, 93, 99, 103
sông Hiến 130, 131
sông Hoàng Long 32, 52, 53
sông Hồng 10, 12, 13, 15, 16, 19-21, 24, 25, 29, 30, 32-34, 38, 39, 41-46, 48, 51-53, 57, 63,

64, 69, 110, 138, 177
 sông Hương 18, 138, 157-160, 202
 sông Kì Cùng 13, 132, 134
 sông Kim Ngưu 33, 46, 47
 sông Krông Ana 181
 sông Krông Klet 114
 sông La 145, 148
 sông La Ngà 116
 sông Lam 18, 138, 141-145, 148, 149
 sông Lò 21-25, 91, 138
 sông Lục Nam 60-62
 sông Luộc 57, 63
 sông Mã 12, 130, 138-141
 sông Mun 73
 sông Nậm Lúa 72
 sông Nậm Rốm 72
 sông Năng 22-24
 sông Ngàn Phố 145, 146, 148
 sông Ngàn Sâu 145, 146
 sông Ngàn Trươi 146
 sông Nho Quế 22, 23
 sông Nhuệ 48-51, 53
 sông Ô Môn 87
 sông Pa Thơm 72
 sông Pha 114
 sông Quây Sơn 131
 sông Rạch Gầm - Xoài Mút 79
 sông Sài Gòn 118, 120-122, 124, 128, 194
 sông Sào Khê 32
 sông Son 150
 sông Sốp Ruak 71
 sông Tả Lệnh 131

sông Thạch Hãn 18, 155-157
 sông Thái Bình 54, 57, 58, 60, 62, 63, 65, 67, 69
 sông Thao 20-22, 25, 30
 sông Thị Vải 214
 sông Thu Bồn 160-162
 sông Thương 58, 60, 62
 sông Tiền 18, 72, 78-82, 84, 89, 90, 98, 102, 126
 sông Tô Lịch 33, 45-47
 sông Tông Lê Sap 76, 110
 sông Trà Bồng 167
 sông Trà Khúc 165, 167
 sông Tranh 161
 sông Trèm Trẹm 92
 sông Vàm Cỏ 98, 124, 125, 127, 128
 sông Vàm Cỏ Đông 125
 sông Vàm Cỏ Tây 98, 125, 127, 128
 sông Vàm Nao 90
 sông Văn Úc 63
 sông Vĩnh Xương 78
 sông Vu Gia 161
 sông Xê Xan 74, 75
 sông Xrê Pôk 74
 Suối khoáng nóng Bang 211
 Suối khoáng nóng Kim Bôi 211
 Suối khoáng nóng Tây Viên 211
 Suối khoáng nóng Thanh Thủy 211
 Suối nước nóng Bình Châu 211
 Suối nước nóng Đạm Rông 211
 Suối nước nóng Hội Vân 211
 Suối nước nóng Thanh Tân 211

Suối nước nóng Tháp Bà 211

Tam giác Vàng 71, 73

thác Ankroet 114

thác Bản Giốc 131, 132

thác Đầu Đẳng 24

thác Gougah 115

thác Khôn 74

thác Liên Khương 115

thác Lờ 29

thác Ma Bruss 114

thác Pongour 115, 116

Thành Thái 40

tháp Báo Thiên 36

tháp Rùa 179

Thiền sư Huyền Quang 54

thung lũng Mường Thanh 72

thủy điện Đa Nhim 114

thủy điện Hòa Bình 27, 191, 194

thủy điện Lai Châu 26

thủy điện Sơn La 27, 28

thủy điện Xayaburi 111

thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang
148

Thủy Tinh 15, 29, 63

thượng lưu 9, 27, 62, 63, 71, 72,
112, 116, 135, 149

thượng nguồn 9, 20, 22, 111, 116,
138, 146, 160, 161, 167, 215

Ti-ni-đa-lưu-chi 54

Tông giá hoàn kinh 35

Tôn Sĩ Nghị 37, 38

Trạng Trình 106, 151

Trần Hưng Đạo 62, 136, 137

Trần Nguyên Hân 150

Trần Quang Khải 35

Trần Quý Khoáng 150

Trần Thượng Xuyên 109

Trần Bạch Đằng 135

Trận Rạch Gầm - Xoài Mút 79

Triệu Quang Phục 52, 197

Trịnh Cương 55

Trịnh Hoài Đức 107

Trịnh Kiểm 106, 151

UNESCO 69, 72, 139

Văn minh Sông Hồng 10, 16, 19,
31, 63

Việt sử thông giám cương mục 34

Vô Tánh 81

Vườn quốc gia Vũ Quang 146

Vườn Quốc gia Xuân Thủy 69

Vương Thông 36

Y tông tâm lĩnh 146

THIÊN NHIÊN ĐẤT NƯỚC TA DẠT DÀO SÔNG NƯỚC

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (04) 3 943 4730 - 3 942 8632 - Fax: (04) 3 822 9085

Website: www.nxbkimdong.com.vn - Email: kimdong@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng - ĐT: (0511) 3 812 335 - Fax: (0511) 3 812 334

Email: cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

248 Cống Quỳnh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 39251001 - 39250987 - Fax: (08) 39251012

Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản - Giám đốc : **PHẠM QUANG VINH**

Chịu trách nhiệm bản thảo - Phó Giám đốc : **VŨ THỊ QUỲNH LIÊN**

Biên tập : **HOÀNG THANH THỦY**

Trình bày : **NGUYỄN KIM ĐIẾP**

Chế bản : **NGUYỄN THANH HƯƠNG**

Sửa bài : **NGUYỄN HƯƠNG LAN**

In và gia công 2.000 bản - Khổ 14,5 cm x 20,5 cm

Tại Công ty CP In và Văn Hóa Phẩm - Địa chỉ : 83 Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Số xác nhận đăng kí xuất bản : 249-2016/CXBIPH/9-12/KĐ cấp ngày 22/1/2016

Quyết định xuất bản số : 50/QĐKD kí ngày 1/3/2016

In xong và nộp lưu chiểu tháng 3/2016.

THIÊN NHIÊN ĐẤT NƯỚC TA

NGUYỄN NHƯ MAI - NGUYỄN HUY THẮNG - NGUYỄN QUỐC TÍN

DẠT DÀO SÔNG NƯỚC



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG